

LÊ LƯU

Một thời lâm lỗi



QEND

LÊ LỰU

MỘT THỜI LẦM LỐI

(VIẾT VỀ NƯỚC MỸ)

2/9/89

ML

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 1989

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

84 (1). 46 — LÊ LỰU

Một thời làm lữ/Le Lựu — H. : Quân đội
nhân dân, 1989

84 (1). 46

I **NẾU** chúng ta nói: Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, đã làm nước Mỹ rối loạn và hàng ngàn năm sau còn mang nỗi ân hận, thì đồng đội ta, bà con ta sẽ khó hình dung, sẽ cho đó là giọng điệu tuyên truyền, là nói khoác, là... là dở bịp! Đã có một thời, có người trong chúng ta uất giận đến nỗi, hễ động đến cái chữ ấy, cái tên ấy, là muốn xúc cả cái Hợp chủng quốc 50 bang đó đổ ra Thái Bình Dương, Đại Tây Dương. Ở cái chỗ ấy, chỉ toàn cao bồi, dĩ diêm, chỉ toàn bọn ăn bám và cướp giật, chỉ toàn độc ác và lừa gạt, chỉ toàn là như nhục và bần thiêu... Nghĩa là, đã ghét thì cứ đào đất mà dõ đi. Đến bây giờ, nếu không đang hoang một nhân cách «lành cho sạch...», không tinh táo, bình tĩnh, chúng ta sẽ buông đi tất cả những gì ta đã đánh đổi hàng triệu đồng đội ta, bà con ta mới có được. Người đã từng hằn thù với ta phải thêm khát, phải ao ước được trở lại nơi họ từng coi là bọn mọi, là bầy thú vùng nhiệt đới. Không cần thận, có người muốn hô lên: Mỹ muôn năm, Mỹ là tất cả. Cái gì ở Mỹ, từ Mỹ cũng hoàn mỹ. Thật xấu hổ, khi tôi đưa mấy người cựu chiến binh Mỹ đi ăn mỳ văn thân. Trong khi ở khách sạn, anh cựu chiến binh thủy quân lục chiến quê

ở Niu-Yoóc, nét mặt tím lạng, dau dớn triền miên suốt mấy ngày đến Việt Nam, vì «những người dân tôi trông rõ mặt, họ hiền lành rất nhiều, thông minh và lịch sự nhiều quá. Nhưng thủy quân lục chiến không dạy tôi yêu thương, họ chỉ dạy tôi nhìn ai cũng thành kẻ thù và dạy cách giết người. Tôi đã giết tám người Việt Nam. Hàng chục năm nay, đêm nào tôi cũng trông thấy tám người ấy, khiến tôi hoảng sợ kêu thét khi đang ngủ, tôi chồm dậy chạy ra đường, mồm «bản» pằng pằng và hai ngón tay chĩa vào người đi đường, vừa «lia», vừa «bản». Lần này sang Việt Nam cũng là để chữa cho tôi khỏi nỗi hoảng loạn...».

Anh bạn cựu chiến binh thủy quân lục chiến ấy nói thành thực, sự dau dớn của anh ta cũng thành thực, những giọt nước mắt ứa ra cũng thành thực. Lúc ấy là mười giờ đêm ở khách sạn. Nửa giờ sau, tôi đưa anh và những người cựu chiến binh khác đi bộ, ghé vào một hàng ăn ở phố N. Cô chủ quán chừng 20, 21 tuổi, đẹp tí tởn chạy ra chào như vờ lấy khách. Cô nói tiếng Anh trộn vào tiếng Việt, như đá cuội trộn với nước dùng. Cô nói lắp và ngọng, không cần dùng đến ngữ pháp. Bằng cặp mắt lúng liếng, bằng miệng cười nhoe nhoét son, bằng tay huơ lên làm hiệu, cô cố chứng minh rằng cô rất thèm khát được sang Mỹ — Yêu ông ư? Ông đã có vợ chưa đã? Có vợ và bốn con rồi ư? Thế có bảo lãnh được cho tôi không? Đợi khi *Iào* quan hệ bình thường ông mời tôi à? Xong ngay. Ô kê! Trời ơi, thế thì tuyệt vời. *Oãn-dơ-phun* đây ông ơi, liệu còn lâu *Iừa* hay không? Anh phiên dịch ơi, anh chịu khó dịch hộ em nhé. Anh bảo với ông ta rằng em không từ chối bất cứ một yêu cầu *Iào* của ông ta, kể cả ngay đêm *Iay*. À mà không, *Ioi* đùa thế, cứ đề thư thư lại. Ủ, ông ta mới 48 mà trông như 60 tuổi. Nhưng không sao, *Iau-bơ-rốp-lăm*. Cốt sao ông cho em đi với ông. Vâng, bai-bai, chúc ông ngủ ngon. Em rất

mong ông « si-ju-sun » — Cô theo khách ra tận cửa, cố níu người Mỹ ấy lại để hỏi xem ông ta hiện ở khách sạn nào và xin bằng được cái « các » của ông ta. Tôi không có dịp để hỏi xem bố cô ta là ai, cô có anh, em, chú, bác gì không? Những người cha, anh thân thích của cô còn sống hay chết? Những tháng năm cả dân tộc hy sinh trong lửa đạn, cha, mẹ cô, anh, chị em cô ở đâu? Có ai biết vì sao hôm nay người Mỹ khao khát đến Việt Nam với một tình cảm bè bạn, trân trọng? Họ rất sợ có một cử chỉ nào đó xúc phạm đến người Việt Nam, xúc phạm vào sự thiêng liêng kính cần, mà trước hết nó chạm vào nỗi ân hận khôn cùng của chính họ. Một cái thùng khảo đầy mẹt phía trên, ngày ngày đầy kên lên bởi những tờ giấy một ngàn, hai ngàn, năm ngàn... tiền bán mỳ vẫn thẫn, xúi cáo chưa đủ cô tiêu xài rong chơi? Nước Mỹ còn những bí quyết gì khiến cô không thề mơ thấy, không thề tưởng tượng nổi, đề đến nỗi sẵn sàng đánh đời, sẵn sàng hủy hoại sự tí tởn, hơn hớn của một đời con gái, đề thềm khát đến mức đề tiện và bị đi như thế? Vì sao cô sẵn sàng đánh đời thân mình, đánh đời danh dự một công dân của một dân tộc, một dân tộc dù còn đói kém, dù còn nhiều nỗi khốn khổ bởi những tệ nạn và thói quen tri trệ, nhưng vẫn là một quốc gia, một quốc gia cô đã sinh ra và lớn lên, dù có lên đến trời cô cũng chỉ thêm vào chứ không được phép bỏ đi. Nó giống như tên ai đã nuôi cô từ tấm bé thì tên của người đã đẻ ra cô, cô cũng không được phép bỏ đi trong cái lai lịch của cô. Vậy mà cô sẵn sàng đánh đời nó dễ dàng như đời một bát xúi cáo đề mong có tất cả, thỏa thuê tất cả. Tôi còn có dịp qua lại quán của cô nhiều lần. Nhưng thôi, hãy để chuyện ấy về sau. Tôi phải trở lại cái chuyện về nước Mỹ. Nước Mỹ với tất cả sự tinh túy và thiếu hụt của nó. Nước Mỹ với nỗi hoang loạn hôm nay và hàng ngàn năm sau còn mang nỗi hận về cuộc chiến tranh họ đã gây ra ở đất nước chúng ta.

Tôi không thể đủ hiểu biết để nói những điều to tát trên kia. Chỉ mong, bằng những điều đã nghe và thấy rất nông cạn, nhưng rất thật, có thể giúp bạn đọc, tất nhiên có cả cô bé bán xúi cáo của tôi, phần nào hình dung ra cái nước Mỹ không lồ kia. Và, để có chuyến đi, tôi xin nói về cả cái thủ tục của nó khi còn ở nhà. Các anh biên tập xuất bản đầy nhiệt tình và cũng đầy thói quen nghề nghiệp khuyên tôi không nên viết nhiều những « chuyện như đùa » trong lúc chuẩn bị thủ tục với các cơ quan.

Ngày trước ở Trường Sơn chiếu phim tình yêu, kể cả những tuyệt tác của Séc-spia và L. Tôn-xtôi, chỗ nào có hôn nhau, cô nhân viên phụ trách máy chiếu lại lấy tay che ống kính, làm màn ảnh tối xăm. Cô nói, phải làm thế vì thủ trưởng phòng tuyên huấn bảo nam, nữ thanh niên dễ bắt chước phim ảnh hôn nhau, hư hỏng hết. Chưa bàn chuyện hay, dở trong việc làm ấy, chỉ riêng chuyện làm đứt quãng hình ảnh đã khiến người xem khó chịu, huống hồ những người có văn hóa một chút, thì kính sợ cô gái máy chiếu đã tốt nghiệp trung học kia không thêm biết Séc-spia và L. Tôn-xtôi là ai mà có quyền cắt xén tác phẩm của các ông, thì thật là coi trời bằng vung. Tôi không dám cả gan đem những cụ thể không lồ của nhân loại so sánh với công việc hèn mọn của mình. Không cần khiếm tốn gì cũng có thể tự đánh giá cái thứ văn chương rơm rác của tôi bỏ đi chỗ nào chả được. Các anh biên tập còn khướt mướt chữa chạy giúp may ra mới thành câu. Tôi chỉ muốn, nói gì cũng nên có đầu, có đuôi. Chẳng hạn muốn đánh giá nước Mỹ hay, dở ra sao phải biết đứng từ chỗ nào, nhìn bằng con mắt nào, cho công bằng và thẳng thắn trong một thời đại thông tin đại chúng đồ sộ đến kinh hoàng này. Xin các anh đừng sợ tôi nói quá hay về phía này, quá dở về phía khác. Xin cô bé bán xúi cáo của tôi cũng nên tin rằng tôi không thể bưng bít

phía này, thời phòng phía kia. Thời buổi này đâu phải là lúc tôi có thể ăn gian nói dối lừa bịp được cô.

Chiều 29 tháng 6 năm 1988, tôi tham gia tiếp hai nhà báo Mỹ: của tờ Bru dien Oa-sinh-ton và tập san Kinh tế Viễn Đông, tại trụ sở Hội Nhà văn. Anh nhà báo trẻ của tờ tập san Kinh tế Viễn Đông xin lỗi tôi vì chữ anh ta xấu (anh ta nói) nên trong một bài đăng trên tập san anh đã viết sai tên tôi. Lạ thành Lu — Le Lu.

Giữa lúc ấy một bức điện từ Mỹ gửi đến Hội Nhà văn, mời anh Nguyễn Khải, Ngụy Ngữ và tôi sang Mỹ dự hội thảo các nhà văn cựu chiến binh Mỹ và Việt Nam bàn về văn học chiến tranh. Từ mấy tháng trước, Bộ Ngoại giao và Bộ Thương binh xã hội (do bạn nhờ) đã thông báo nội dung trên cho Hội Nhà văn. Không hiểu những ai được thông báo, nhưng chỉ thấy im lặng. Khi được Bộ Ngoại giao nói chuyện này, tôi đến Hội Nhà văn với sự im lặng coi như mình chưa biết gì. Hội cũng im lặng, coi như chưa có chuyện gì. Gặp nhân viên đối ngoại, cười nói tung bưng, bỗng chốc tắt lạnh vì chợt nghĩ đến mà không ai dám dả động đến «chuyện kia». Một cuộc hội thảo văn học giữa ta và Mỹ đã là đột ngột, sang tận Mỹ lúc này quả là quá sức tưởng tượng. Mấy tháng im lặng, quen với ý nghĩ «không có gì», lúc này, cô nhân viên gửi bức điện qua tay tôi đề chuyện cho cán bộ đối ngoại ngồi phía trong, cạnh khách. Tôi đọc lồm bồm bằng mấy chữ tiếng Anh bập bẹ của mình. «Biết rồi, nhưng hãy biết thế, biết đâu còn có sự thay đổi». Tôi được dặn thế. Hội còn cần nhắc xem nên thay đổi ai. Bộ X. cũng nhiệt tình yêu cầu bớt một người trong danh sách, đề bên ấy cử một người đi giúp. Bạn bè cũng có anh sợ tôi vất vả, gọi điện thoại riêng cho người này, người khác yêu cầu đề anh ấy đi thay. «Tôi nhận phần khó về mình cho Lạ đỡ khổ vì

tiếng Anh nó chưa thể làm việc nổi». Tất cả những chuyện ấy đến tai Ban Đối ngoại. Các ông ấy cau mặt nói: đừng làm trò trẻ con. Như thế có khác gì người ta mời anh này đi ăn cỗ, anh kia bảo đề tôi đi hộ, vì tôi biết cách ăn nhiều hơn. Anh Khải bạn thì hai người đi, Lưu và Ngữ, không thêm, không thay. Ban Bí thư đồng ý đề nghị của Ban Đối ngoại và ra quyết định tổ chức đoàn Nhà văn Việt Nam sang dự hội thảo ở Mỹ. Chấp hành chỉ thị của Ban Bí thư, hội hè, ban bệ phải thi hành, nhưng thực ra còn bao nhiêu câu hỏi âm thầm chưa thể bật ra rộng rãi, mà chỉ là thân thiết mới dám thì thảo. Ngụy Ngữ đã từng là lính ngụy sao lại cho sang Mỹ kỳ này? Tại sao Mỹ lại mời trực tiếp tên từng người? Anh Khải là cán bộ lãnh đạo, nhà văn nổi tiếng đã đành, còn hai cậu? Ai đã dẫn dắt việc này? Bắt đầu từ đâu?

Tôi ra đi trong âm thầm nghi ngờ ngay chính việc mình đang làm. Hoang mang không hiểu từ đâu, vì sao một thằng nhà văn loại ba là mình, lại làm việc hệ trọng ở một đất nước cần kiêng kỵ số một, trong khi bao nhiêu người tài giỏi, những bậc thầy, bậc đàn anh mình chưa dẫn bước mở đường?

Ông Kê-vin Bâu-uên dẫn tôi đến Con-cốt thuộc bang Mát-sa-xu-sét ở vùng đông bắc nước Mỹ. Nơi đây năm 1775 người nông dân Mỹ nổi dậy chống quân Anh làm cuộc cách mạng giải phóng giành độc lập năm 1776. Cuộc chiến đấu tại đây diễn ra trong hai ngày, có hai người Mỹ chết, chín người bị thương. (Tất nhiên ở những vùng lân cận còn nổ súng mấy chục ngày và mấy chục người chết nữa, nhưng trận chiến quyết định đánh bại ý chí của đội quân Anh là chỗ này). Đó là một vùng đồi núi như phía ngoài thị xã Hòa Bình và khoảng cách từ Bốt-ston đến Con-cốt cũng bằng khoảng từ Hà Nội đến Hòa Bình. Đã hơn hai trăm năm nay, năm nào cũng có hàng triệu người lũ lượt đi trong các khu di tích. Từ chỗ người Mỹ

đứng trên cầu, đến chỗ đội quân Anh đồng phục diêm dúa
oai phong và lẫm liệt chuẩn bị xuất phát tấn công. Từ
chỗ cái gốc cây bị phát đạn súng trường đầu tiên của
quân Anh găm vào thân, đến nơi hai bên giáp chiến.
Từ nơi những viên đá xếp lại hiện lên căn nhà của người
nông dân đứng đầu xung là đại úy, đến chỗ người chỉ huy
quân Anh đứng ra lệnh nổ súng. Từ nhóm tượng đài và
bia ghi lại chiến công người nông dân Mỹ, đến chỗ trưng
bày lịch sử và chiến tích của quân đội Anh. Từ chỗ hàng
trăm ghế ngồi xem phim, nghe tiếng nói mà không thấy
người giới thiệu, đến nhà bảo tàng... Tất cả mọi chi tiết,
dồ dùng, trang bị, cách ăn mặc, đi đứng của cả hai bên
đều đẹp và cuốn hút, cho tôi một cảm giác dạo chơi,
vừa thư thái giữa một không gian êm đềm, vừa có hiểu
biết thêm nguồn gốc lịch sử của một đất nước. Lịch sử
cuộc cách mạng nông dân Mỹ, những người Mỹ, người
Anh thời ấy chỉ qua một buổi đi chơi thích thú đã nhớ
rõ từng con số, từng ngày tháng, từng khuôn mặt, từng
cách ăn, cách mặc mỗi bên. Cứ tự nhiên cái cây xanh
ấy, cái cột bằng đá biết nói ấy, những nhóm tượng đài
cao lênh khênh hoặc nằm ngay dưới mặt đất ấy, cứ tự nó
như sờ chạm, như ngấm nhập, như cứ ở lại trong mọi
khu vực từ trí nhớ đến cảm xúc của mình. Ông Kê-vin
thấy tôi chăm chú đứng lại lâu bên bức tượng người nông
dân « tay cày, tay súng », vội vã cho máy ảnh nổ liên miên,
rồi ông gửi máy nhờ cô phiên dịch chụp đề chạy đến ôm
lấy tôi trong mọi tư thế quanh tượng đài. Chao ôi, lịch
sử vừa trở trâu, vừa hài hước. Muốn đời nó nhìn quá
khứ lạnh lùng, xuyên đến tận cùng cốt lõi đề dạy dỗ cho
trương lai biết rõ mọi nỗi đau đón kinh hoàng, nhưng
trương lai lại không bao giờ làm theo lời răn bảo của lịch
sử. Trương lai hành động ngay cái lịch sử đã cấm, đã
kiêng kỵ, đã đau đón lên án quyết liệt. Người nông dân
Mỹ cầm chiếc cày như kiêu cày chia với, cày 51 của ta

và tay kia cũng khẩu súng trường giống hệt hình ảnh người nông dân chúng ta những năm « tay cày, tay súng », « đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ». 1775 và 1975. Vừa tròn 200 năm, nước Mỹ đã đi từ cực nọ đến cực kia, để lại trở về chỗ xuất phát ban đầu. Nó giống như con người đã cố giãy giụa, dồn hết trí lực vùng ra khỏi kẻ khổng lồ đè bẹp mình, để rồi lại đi đè ép kẻ gầy, yếu khác. Hai trăm năm, cái con người khổng lồ ấy đã đè ép bao nhiêu cơ thể gầy yếu, bé nhỏ ở các địa lục? Ở Mỹ có một luật lệ rất hay: muốn làm tổng thống thì không được nghiện rượu và chơi gái. Nếu anh có tật ấy, trước khi tranh cử, anh phải tuyên bố từ bỏ nó. Nghĩa là giữa nghề tổng thống và dĩ bợm chỉ được chọn một. Anh không thể bỏ được nghề chơi thì phải bỏ nghề làm tổng thống. Thần tự do cao vời vợi như bay trong bao la ở Niu-Yoóc là một biểu tượng cao thượng của con người khao khát tự do, mà nước Mỹ tự hào mình là khởi điểm của lòng khao khát đó. Nước Mỹ đã làm thần tượng của tự do, lại là thần tượng của sức mạnh khổng lồ bóp cò người khác mới là trò chó treu, là nọc cười chảy máu của nhân loại. Con người khổng lồ Mỹ đè bẹp kẻ bé nhỏ những đâu với sự vênh vang chiến thắng, để đúng hai trăm năm sau, lần đầu tiên mới có khái niệm về chữ thua trong lịch sử của mình trên cái mảnh đất Việt Nam nhỏ bé này?

Ông Kê-vin Bâu-uên đồng giám đốc của trung tâm Gioi-nơ, nghiên cứu hậu quả xã hội sau chiến tranh dẫn tôi đi trong suốt thời gian một tháng rưỡi trên đất Mỹ. Qua lời ông, tôi hiểu những năm làm cuộc chiến tranh ở Việt Nam là thời kỳ « diếc » của lịch sử nước Mỹ. Họ « diếc » trước quy luật, « diếc » trước kinh nghiệm giải phóng của chính họ và « diếc » trước thực tại. Khai thác suốt 200 năm khiến mỗi năm hàng nghìn triệu lượt người đến xem, đến nghe lịch sử chỗ đánh nhau hai ngày. Một hòn đá ở bên bờ biển vùng Kép-cốt, nơi người Anh đặt

chân đầu tiên lên đất Mỹ năm 1620, cũng có hàng tỉ người đến xem. Ai chưa đến đây nhìn thấy hòn đá ấy, chưa nghe giảng giải về những bước chân đầu tiên ấy, coi như chưa đến nước Mỹ. Vậy mà người lính Mỹ sang Việt Nam lại không hề biết đến vùng đất mình sẽ đến ấy là gì. Họ chỉ được nghe giải thích: đó là một vùng nhiệt đới gồm những bầy thú cắn xé, giết chóc lẫn nhau. Chúng ta đến đây giúp những con thú lành, diệt bầy thú dữ là bọn cộng sản. Kê-vin kể: Năm 1965 anh tốt nghiệp trung học, vào trường Đại học Con-bai ở Mên nhưng bị bắt đi lính. Anh được huấn luyện từ A - M còn những người bạn khác từ N - Z. Sau mới biết A - M là đi Việt Nam, N - Z là qua A-lát-sca. Huấn luyện xong mới biết đây không phải là chỗ tốt. Đi Việt Nam là đi vào chỗ chết. Được phép về dự lễ cưới của chị gái, tới giờ đi vẫn mang giày cưới chạy đến phi trường. Chi huy chặn lại mắng chửi. Chị gái khóc, mắng lại chi huy: nó sang Việt Nam dè chết, cần gì nó phải ăn mặc đúng kiêu. Đến Cam Ranh vào lúc nào không nhớ. Chi biết, trời tối mù mịt và tìm đập cùng tiếng đại bác thập thình ở đâu đó. Những tiếng xì xào nhắc nhở đừng sợ, đây là một căn cứ lớn. Nhưng sớm hôm sau đã bị đưa ra An Khê thuộc đơn vị kỵ binh bay. Ở đây năm ngày. Ra Quảng Trị năm ngày. Ở Cam Lộ năm ngày nữa. Hai tuần rưỡi chưa chạm trán kẻ địch, nổi hoảng sợ như đã chứa chất hàng năm. Đã trông thấy xác người Mỹ chết trận. Một tiểu đội hết hạn được trở về Mỹ, họ giơ hai bàn tay làm hiệu con số 11, vừa thông cảm, vừa giễu cợt, 11 tháng nữa cố sống mà trở về. 11 tháng nữa! Bay giờ mới là ngày 7 tháng 11. Lại lên Khe Sanh rồi A Sò, A Lưới. Địa danh nào nghe cũng quen và rợn. Chi thấy rừng và đồi núi. Chỗ nào cũng im lìm. Không trông thấy Việt cộng, vẫn tưởng tượng chỗ nào cũng có Việt cộng. Tháng 12 chuyển vào Tây Ninh. Vẫn chưa giáp mặt Vi-xi (V.C). Nổi hoảng sợ vẫn tăng lên. Việt cộng đến, là chết

hết. Sang năm 1969 vào ngày 22 tháng 2 bị pháo kích vào ban đêm. Lò cốt ngâm được đắp rất nhiều bao cát phía trên. Vẫn không tin có thể an toàn. Phải chạy hết ngạch nọ, ngạch kia, đến lúc im tiếng nỏ, mồm đầy cát, không nói được. Đến đêm sau đã quen với đạn dò đầy trời mà không biết chỗ nào dề bắn lại. Đêm dài vô tận trong nỗi hoảng sợ bị tiến công, ngày lại quá ngắn trong những cuộc càn lung bắt Việt cộng được yểm trợ của phi pháo, nhưng vội vã mong không trông thấy Việt cộng, hoặc có thấy cũng bắn như đồ đạn dề « duổi » họ đi. Một năm ở Việt Nam không biết ai là dân thường, ai là V.C (những cuộc tấn công đột ngột từ những người già, phụ nữ và trẻ em ở bất cứ chỗ nào là những bằng chứng). Vừa kính sợ họ, vừa kính phục. Những người dân tôi được gặp, họ không phải là ngu si, độc ác như đã được chính phủ giáo dục, trước khi sang Việt Nam. Cả những « Việt cộng » hoặc bị bắt, hoặc bị thương hoặc chết, mà đôi ba lần tôi nhìn rõ mặt, cũng không phải là những người có duổi. Họ xanh xao, gầy yếu và bé nhỏ, nhưng không hiểu họ đã sống bằng cách nào giữa thú dữ, giữa bom đạn của chúng tôi tưởng như một sinh vật nhỏ cũng không thể sống nổi trên mặt đất, vậy mà họ vẫn sống, vẫn tấn công chúng tôi một cách kinh hoàng. Trận nào cũng kinh hoàng. Ngày nào cũng nơm nớp hoảng sợ. Đêm nào cũng đau đớn, vì nỗi xa vời tuyệt vọng ngày trở về. Ngoại ấn tượng ấy còn nỗi thương xót những thằng bạn cùng tiểu đội, cùng trung đội bỏ mạng luôn luôn. Tôi có thằng bạn mới quen khi đến Quảng Trị. Tên nó là Giôn-ơ-rích. Học hết trung học, nó lấy vợ. Sống với nhau được ít ngày, bị bắt di linh sang Đại Hàn. Vợ nó ở nhà tháng nào cũng nhận tiền chõng gửi về và đi với « bò ». Trở về Mỹ nó uất, đảo ngũ đi tìm giết kẻ tình địch, nhưng khi gặp, nó lại không biết mình phải làm gì. Cảnh sát bắt nó vì tội đảo ngũ. Ra tòa

tôi phải chịu một trong hai điều kiện: đi tù hoặc sang Việt Nam. Nó đã phải nhận điều kiện thứ hai. Rồi chết.

Có thể nói, mọi kỷ niệm ở tôi đều hết sức bình thường. Một người lính bình thường và may mắn vào loại số một trong tất cả những người lính ra trận sang Việt Nam. Vậy mà khi được trở về ở bên mẹ, khóc nức nở vì mừng rỡ, tôi mới tin là mình sống, mới tin cuộc đời này còn có ngày bình an, dù bị nhà chức trách dửng dưng (khi đi họ đón rước long trọng). Tôi vẫn cảm thấy ngày trở về bên mẹ là ngày hạnh phúc nhất của một đời người, ít ra là từ nhỏ đến lúc ấy, năm tôi 22 tuổi...

Kê-vin ngừng lại. Tôi ngàng mặt nhìn ra biển. Qua lớp tường kính của tầng lầu thứ mười, nơi làm việc của trung tâm Gioi-no, nơi nhìn rõ sân bay Lô-gan lấp lóa những chiếc Bô-ing lên xuống theo một quy định đều đặn một phút hai lần. Những chiếc máy bay như những con chim không lồ, có cảm giác nó lao vút từ mặt nước lên đường băng, rồi lại từ đường băng lao xuống mặt nước, mình nó như con cá trắm trắng loá loá, lao vút lên theo phương thẳng đứng, rồi nhòai mình bơi thanh thản trong bầu trời trong êm ả. Ôi, thanh bình quá. Nước Mỹ có hàng trăm sân bay như sân bay Lô-gan ở Bốt-ston. Trong một sân bay như sân bay Niu-Yoóc có hàng trăm hãng máy bay. Một hãng máy bay cũng bằng 5 lần diện tích sân bay Tân Sơn Nhất của ta. Đây là diện tích thôi, còn độ lên xuống thì gần như nó cân đuôi nhau mà chạy, mà lao vút lên suốt ngày đêm. Những máy bay ở tất cả các sân bay của nước Mỹ đều có thể bay qua đại dương, đi bất cứ châu lục nào của trái đất. Rồi tàu biển vận tải hàng trăm, hàng ngàn vạn tấn. Rồi các hạm đội 1, 2, 3, 4... trên các đại dương! Đã có một thời bao nhiêu phương tiện khổng lồ này đưa người, chở của, vận tải bom đạn sang Việt Nam, nơi mà rất nhiều người Mỹ không hề biết nó là gì, ở đâu. Cũng ở tầng thứ mười nhưng ở một phòng khác

khi tôi nhìn ra ngôi nhà bảo tàng thư viện Ken-nơ-di, một phóng viên của tờ Thời báo Niu-Yoóc hỏi: « Ông có biết Ken-nơ-di đã quyết định gửi 15 ngàn quân sang Việt Nam? ». Trả lời: « Việt Nam chúng tôi có câu: Cái chết mang đi tất cả, kề cả nỗi hận thù ». Nhiều báo phương Tây đăng lại cuộc phỏng vấn này của Thời báo Niu-Yoóc. Tôi biết họ rất muốn chúng ta quên đi tất cả. Trong thực tế, chúng ta cũng đã sẵn sàng quên đi những đau đớn, hận thù. Nhưng ở Mỹ, người ta lại không thể quên những lỗi lầm, không thể nào nhẹ vơi nỗi đau đớn. Có một người Mỹ bảo tôi: « Cuộc chiến tranh này chúng tôi chịu thiệt hại nhiều hơn các ông ». Tôi nói lại: « Ông thật buồn cười, bao nhiêu bom đạn các ông khuân đến và những gì chúng tôi có được, đều nổ bung ra ở nước tôi. Chỉ ở một mảnh đất nhỏ nhoi phải chịu đựng sức nổ của hàng triệu tấn bom đạn, còn 50 bang rộng lớn của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không hề có bom rơi, đạn nổ lại thiệt hại hơn? ». Nhưng tôi thông cảm người bạn Mỹ muốn nói câu đó vì sự đột ngột quá sức tưởng tượng của họ. Từ khi tìm ra và người châu Âu đặt chân đến mảnh đất này, nước Mỹ chỉ ngửa mặt lên trời vênh vang với bản chất kiêu ngạo và tự tin. Họ là con hổ thật, con hổ không lồ giờ nhanh vượt cào vào nhân loại suốt mấy trăm năm, có thể có thất bại nhưng chưa thua hoàn toàn. Đến con số tròn hai trăm năm kỷ niệm cuộc cách mạng Mỹ thành công, kỷ niệm niềm kiêu hãnh của nước Mỹ, lại là lúc nước Mỹ ngơ ngác trước một khái niệm thua, trong cuộc chiến tại Việt Nam. Thua đột ngột và bản chất khai thác triệt để của người Mỹ, là những lý do khiến hàng ngàn năm sau nước Mỹ không thể quên được cuộc chiến tranh này. Hàng trăm tờ chức từ thiện, cựu chiến binh, tờ chức tôn giáo và hầu hết các trường đại học ở Mỹ đều có những trung tâm nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam. Một vết thương đau đớn, nhức nhối, người ta muốn bọc kín lại, nó vẫn cứ ủ bệnh, vẫn tấy sưng

nhức buốt, không thề không mở tung ra, nhưng nhẹ nhàng thôi, từ tốn và êm ái thôi. Sự nghiên cứu đ ạt của các tờ chức khoa học và cựu chiến binh Mỹ là cách mở tung vết thương chiến tranh Việt Nam. Nhưng họ phải từ từ, phải êm ái nhẹ nhàng. Nghĩa là hãy nói đến cái bình thường nhất. Người lính bình thường, một ông hạ sĩ Kê-vin bình thường, một ông Chu-beng-gơ binh nhì bình thường chưa chạm đến sự ác nghiệt, tàn khốc của chiến tranh, chưa chạm đến máu me và chết chóc, chưa chạm đến nỗi chia lìa tan hoang của người lính khi họ trở về. Một trung tâm nghiên cứu hậu quả xã hội sau chiến tranh của trường đại học tổng hợp Mát-sa-xu-sét đã tổ chức hội thảo các nhà văn cựu chiến binh Mỹ và Việt Nam bàn về văn học chiến tranh. Tên cuộc hội thảo là thế, nhưng thực tế 50 nhà văn Mỹ hội thảo với hai nhà văn Việt Nam: Ngụy Ngữ và tôi. Như câu hỏi đã được đặt ra trên kia, tại sao lại có chuyện mời trực tiếp tên của hai người? Một sự móc nối hoặc quen biết gì chẳng? Cả hai chúng tôi đều nói tiếng Anh như ngô ngọng, phân biệt cũng kém cỏi: nhìn tây cũng như Mỹ, Mỹ đỏ cũng như Mỹ trắng. Ngụy Ngữ còn có thề có bạn bè thân thích ở Mỹ, chứ tôi, cả làng, cả tổng không có ai đi đến đất tư bản Thái Lan hưởng hồ ở tận Mỹ, bạn bè đều lính tráng cả làm sao có chuyện quen thuộc. Nhưng những câu hỏi ngờ vực của bạn bè vẫn cứ thì thào, vẫn cứ tại sao? Mãi một tuần sau ở Mỹ, tôi mới được giải thích rằng phim « Con thú tật nguyện » được chiếu ở Mỹ. Hồ Quang Minh, một đạo diễn quốc tịch Thụy Sĩ gốc Việt, mang phim của mình tham gia nhiều liên hoan phim của thế giới. Nhiều bang của Mỹ cũng mời anh tham gia liên hoan. Người ta thích và đánh giá cao « Con thú tật nguyện ». (Trước phim này còn có một tên khác là Kakma). Những sản phẩm văn hóa, kể cả văn học nghệ thuật của cách mạng Việt Nam, nhất là từ giải phóng đến nay gần như con

sở không ở Mỹ. Người Mỹ chưa được xem, chưa được đọc văn hóa cách mạng Việt Nam. Sở dĩ tôi dùng chữ cách mạng Việt Nam, vì văn chương dưới chính quyền cũ của Nam Việt Nam đã có mặt ở Mỹ từ nhiều năm trước, nhất là từ sau giải phóng miền Nam, những người cầm bút thời cũ dồn cả sang Ca-li-phoóc-ni-a thành những nhóm văn bút xuất bản rất nhiều sách báo tại Mỹ. Lần đầu tiên trung tâm Gioi-nơ được xem bộ phim do xí nghiệp phim tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh cộng tác với Thụy Sĩ sản xuất. Họ khen nhiều và mời tác giả kịch bản của nó, tức nhà văn Nguyễn Ngũ tham gia hội thảo vào tháng 8 tới. Còn tôi? Cái dấu hỏi này được giải thích một cách dung tục là «chó ngáp phải ruồi». Bạn bè bảo thế. Tôi, một loại cóc nhái nhảy lên đĩa, một thằng nhà quê vác mặt đi chưa hết cái chất thô kệch, vác cái mặt quê kệch dân dộn ấy ra «tinh», mà lại là «tinh» Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, thật quả là «ngáp» được con ruồi cũng khá to. «Con ruồi ấy», cái «Thời xa vắng» ấy là kết quả của sự liều mạng hơn là ý định cách tân. Tôi chưa thể nghĩ gì tới đời mới thay cũ, nhưng mấy năm gần đây các cơ quan tuyên truyền đối ngoại của ta có nhã ý giới thiệu tôi với báo chí nước ngoài: «Thằng này nó đời mới đấy, các ông hỏi gì thì hỏi». Tập san Kinh tế Viễn Đông là một trong những tờ đã giới thiệu nội dung cuốn «Thời xa vắng» và đã viết nhầm tên tôi như đã nói. Ông Kê-vin bảo tôi: «Muốn giới thiệu một cái gì đó về văn học chiến tranh của các ông mà chúng tôi chưa tìm ra. Báo chí Mỹ đã nói về tác phẩm của ông. Chúng tôi thấy Giang Minh Sài có những hoàn cảnh giống tâm trạng của cựu chiến binh Mỹ. Chúng tôi quyết định dịch cuốn sách này. Cái mong muốn tìm kiếm kỷ niệm về chiến tranh, dù một người lính bình thường như tôi hay một anh hùng như Giang Minh Sài, khi quay về cũng hằng hực trong một khoảng trống lớn của xã hội mà chiến tranh đã tạo ra. Cần phải tìm hiểu nó nhiều

khía cạnh, trong nhiều tháng, nhiều năm nữa ». Thế là rõ rồi!
Trong cái bản chất khai thác triệt để đó, họ đã tình cờ
biết đến « Thời xa vắng » và mời tác giả của nó. Thế là
tự nhiên tên tôi và Ngụy Ngữ lại dính vào cái bản chất
khai thác của người Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam.

II

10 giờ đêm ngày 28-7-1988, tôi xong xuôi mọi thủ tục.
Suốt một tháng trời suốt cả mồ hôi và chi dám
thì thảo trong một chuyến đi như là vụng trộm, đến bảy
giờ xong xuôi mọi giấy tờ đã là quá may mắn, đã chắc
chín mươi chín phần trăm một chuyến đi. Nhưng cũng do
không chắc chắn nên không dám chuẩn bị gì trước. Đi
Mỹ không giống như đi Liên Xô, nghĩa là không phải giặt
gấu vá vai, chạy ngược chạy xuôi, vay mượn bán chác.
Năm 1987, tôi đi học ở Liên Xô ba tháng. Vợ tôi phải bán
trước ba tháng gạo, tức là cứ lấy tiền cả ba tháng rồi hàng
tháng vào cơ quan đóng trả người ta, chấp nhận mất tiền,
giá gạo tháng sau nhất thiết sẽ cao hơn tháng trước. Ba
tháng gạo cộng với lương một tháng của vợ tôi mua được
hai quần bò loang và năm cái áo Ki-mô-nô đỏ. Gần đến ngày
đi đoàn lại phở biến tuyệt đối nam giới không được mang
áo Ki-mô-nô, đành nhờ người quen bán lại đề mua hai áo
cánh dơi, một túi trống (bỏ sung), năm cái bị cối, hai chục
con công và mười cái bút chì kẻ mắt của Sài Gòn làm. Lần ấy,
khi tôi trở về có đầy đủ phích lưỡng tính, siêu điện, bếp điện,
bàn là, nồi áp suất, cối xay thịt và ăn uống chi tiêu trong
nhà đã khấm khá hơn trước, không còn mối đe dọa ra « tòa »

vì: «Tôi không thể chịu được mùi thuốc lá xông sọc suốt đêm làm ba mẹ con chết ngạt. Lúc nào cũng kêu sáng tác, sáng tác, mà tái bản *Thời xa vắng* chưa mua nổi bẩy cân thịt lợn». Lần ấy vợ tôi cũng có vẻ bằng lòng với sự chạy vạy tất tả chuẩn bị cho chồng đi và lúc về cô ấy cũng khỏe mạnh lên trong sự vất vả, bận rộn tìm bán dây mai xo, nồi nhôm và phích cắm điện... Tuy thế vẫn phàn nàn với bạn bè: «Ồi giờ, ông ấy có mà buồn bán cái chết tiệt. Không có vợ con tính toán bảo ban thì không có nỗi dôi dấp mà đi». Sự hạch sách nhiech măng chồng con của người đàn bà nó giống như cái thú vui hồi trẻ trung dạo chơi và hôn hít người tình. Biết vậy, nên những lần như thế tôi chỉ im lặng. Lần này sau những ngày chạy vạy giúp tôi, vợ tôi ca thán trong niềm hy vọng tràn đầy: người ta bảo «một tháng đi Pháp bằng một giáp đi Nga» mà lần này đi Mỹ chả biết thế nào!

Thằng con tôi tính láu táu như bố nó, thì thảo với vợ tôi: «Bạn con chúng nó chống miệng lắm cơ, con đã bảo bố tao không phải đi Mỹ đâu, chúng mày đừng có mà nói. Nhưng nó cứ bảo bố mày có ti-vi màu, có cái cúp đấy». Vợ tôi vội nhào người ra bịt lấy mồm thằng bé và quát con chị nó: «Có vận hộ tôi cái dài to lên không. Đứng đấy mà hóng chuyện. Giờ ơi, con cái, đã bảo nhà bằng cái lỗ mũi, trong nhà như ngoài đường, ăn nói phải giữ mồm giữ miệng. Mẹ cấm từ nay không được nói gì nhé» — «Vâng ạ» — «Chúng nó nói thì kệ nhà chúng nó, mình đi chỗ khác. Nghe chưa?» — «Vâng ạ». Thằng con tôi ngồi ngẩn ra một lúc, nó sực nhớ điều gì lại thì thảo về quan trọng với vợ tôi: «Bạn con nó bảo cho nó xem một hôm thôi, xem cái điều khiển từ xa có được không mẹ?». Con chị nó quát: «Điều khiển cái gì, có cầm mồm đi không?» — «Em biết đâu đấy. Bạn em nó bảo cái ti-vi màu có điều khiển từ xa đấy» — «Ti-vi màu ở đâu?» —

«Bạn em nó bảo bố mày đi lần này mang ti-vi màu, xe cúp về, em biết đâu đấy» — «Có cảm mồm đi không».

Trong lúc hai chị em quát mắng nhau, vợ tôi không hề để ý, cô ngồi thừ ra tính toán điều gì rồi vừa giờ bọc tranh đã đề sẵn trên cái va ly vừa nói: «Năm mươi ngàn hai bộ tứ bình Kiều, sáu mươi ngàn 10 bộ dân gian» — «Anh không mang tranh tứ bình đi đâu» — «Sao?» — «Tranh ảnh gì trông lõe loét kiểu bờ hồ. Họa sĩ vẽ vời như nhò vào nên mỹ thuật ấy đem đi làm gì». — «Thế làm thế nào?» — «Đem trả họ». — «Nói dễ thế». Thăng con láu táu của tôi vốn có thói quen xấu chen vào chuyện người lớn, lúc này hai tay chống nẹ, cậu nói giọng cu non: «Biết có đi hay không mà bố mẹ to tiếng ầm cả nhà» — Một cái tát như trời giáng của vợ tôi vào mặt nó. Thăng bé giật nảy người, nó lấy hai tay ôm lấy má như ôm lấy bàn tay mẹ nó còn hằn trên mặt và cổ nó. Nó run lên bần bật nhưng không dám khóc. «Nào biết có đi hay không?» là câu nói của miệng của tôi và mẹ nó trong những ngày trước đây để tự trấn an mình, để giấu giếm sự sung sướng bất ngờ và để nhớ không đi cũng đỡ xấu hổ. Đến bây giờ nó lại như một sự xúi quẩy, như một diêm chẳng lành, nhất là đúng cái lúc mẹ nó đang đau đớn, vì năm mươi ngàn đồng hai bộ tranh tứ bình Kiều, như ruột đã bị đứt ra thành 50 khúc. Khốn khổ trẻ con hong hóng nói leo nó tội nghiệp là thế. Vợ tôi phải quần đứng dậy, mặt lạnh như kem: «Vứt mẹ nó xuống bếp, định tặng ai sao không đi mà mua bây giờ lại rách việc» — «Nào đã biết ai mà tặng. Thôi để anh mang mấy bộ gà lợn đi là được rồi» — Chỉ còn mấy giờ nữa là ra sân bay. Ngày mai 29 sang Băng-cốc lấy vi-da, 30, hay 31 đến Mỹ, ngày 1 vào hội thảo đúng như chương trình. Thời vất vả nhưng như thế là kịp. Các anh ở Hội dặn thế. Tất cả đều được chuẩn bị chu đáo. 16 ngày trước đây trong lúc chờ trên quyết định, Bộ Ngoại giao ta đã điện sang Băng-cốc các chi tiết về tôi đề bên ấy làm sẵn

vi-da, sang đây chỉ việc nhận là di luân. Nghĩ đến cái lộ trình đầy thuận lợi, có một kế hoạch tỉ mỉ chu đáo tôi đành nén mọi bức bối để nói dịu dàng, khi vợ tôi đã làm làm lên giường mặc màn. Không ngờ 50 ngàn hai bộ tranh kia vẫn như 50 khúc ruột đã bị đứt ra, khiến cô ấy buông thõng chiếc màn mới mặc một đầu vron người về phía tôi : « Lương tháng chín nghìn bộ, 50 ngàn mấy tháng lương biết không? Tá với túc, tưởng làm của làm đây mà coi tiền bằng rác » — « Thì đề đây mình treo đã sao » — « Treo vào đâu? Cái ð chuột này chui đầu vào lỗ đít ra còn treo tranh. Nó khốn khổ vì tính nhà tôi sẽ diện đến bao giờ mới mở mắt ra » — « Em buồn cười thật. Thì mình đi chuyến này về rồi nó sẽ khác » — « Ừ, chờ đây, rồi nó sẽ khác. Tôi còn lạ gì nữa! » — Nói thế nhưng thực ra vợ tôi vẫn phụng phỡn một hy vọng, ấp ú một niềm vui vào chuyến đi không thể gọi là bình thường của chồng mình. Cô đã dậy rất sớm làm đủ mọi việc đúng trách nhiệm của một người vợ lo cho chồng đi xa. Sáng hôm đó trong cơn mưa tầm tã, cả vợ chồng con cái lại riu riu trên đường ra sân bay. Mọi vất vả, mệt nhọc, sự nuối tiếc đứt ruột hai bộ tranh tứ bình Kiều đều tan biến đi trong niềm kiêu hãnh: lần đầu tiên trong đời cả nhà được ngồi vào chiếc xe sang trọng, dù nó chỉ là chiếc Mát-cô-vích của Hội Nhà văn, nhưng oai phong gấp bội so với những khi cả vợ chồng con cái đi đâu cũng ngồi chồng lên nhau trên chiếc xích lô không mui, không đệm. Cả vợ con tôi đều không nhìn ai (trừ thẳng lâu tấu chỗ nào cũng lảng xãng xông đến), nhưng tất cả đều muốn mọi người phải biết đến niềm kiêu hãnh của mình: Nhà tôi (bố tao) đi Mỹ đây. Cái điều ấy nó xốn xang ngay cả khi tôi xuống đến sân bay Băng-cốc vẫn chưa dám tin là thật. Mà sao cô nhân viên đối ngoại của Hội lại ác thế. « Em cứ hết lòng chạy vạy cho các anh, nhưng chưa biết thế nào đây. Ôi người đến Băng-cốc ăn chực

nằm chờ hàng tháng rồi lại quay về do trục trặc giấy tờ». Cái diêm không may ấy xuất hiện ngay từ khi tôi đặt chân đến sứ quán ta ở Băng-cốc. Sự hí hửng chờ đón cái vi-da từ tay đồng chí phụ trách hộ chiếu nó nguội lạnh dần và tê dại khắp người. Anh ấy bảo: «Cố đấy, anh chờ tôi vài phút». Anh ấy lục tìm và tôi chờ. Hơn một tiếng đồng hồ sau anh ấy mới tìm thấy cái diêm của Bộ Ngoại giao ta gửi đi từ hơn nửa tháng trước. 16 ngày rồi bây giờ mới tìm thấy bức diêm! Ngày mùng 1 bắt đầu hội thảo. Lúc này là 14 giờ ngày thứ sáu, 29 tháng 7, ngày lễ của Thái Lan. Hai ngày nữa là thứ bảy và chủ nhật, nghỉ cuối tuần. Đúng ngày bên kia khai mạc hội thảo, bên này tôi mới trực tiếp cầm công hàm của ta đến sứ quán Mỹ ở Băng-cốc đề xin thủ tục nhập cảnh, và phải đợi một tháng kể từ khi trao công hàm cho họ mới có vi-da... Cái điều cô nhân viên đối ngoại của Hội nói như một diêm báo trước đã xảy ra rồi. Số mình chỉ đến Băng-cốc, phải chuẩn bị ngày quay về, chuẩn bị bộ mặt sao cho đỡ sợ sùng sùng khi gặp lại vợ con, bạn bè. Cũng may đã lường trước sự bấp bênh may rủi, nên không dám tính trước một điều gì, hy vọng một cái gì. Ông Đê-vít Hãn là một trong giám đốc trung tâm nói rằng cả nửa tháng trời không đêm nào ông không gọi điện tới sứ quán Mỹ và sứ quán Việt Nam ở Băng-cốc. «Rất may, nhờ có ông Thạch, ngoại trưởng của các ông rất nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi». Đúng là nếu không có sự đứng chân của ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch trên đường di công tác, có lẽ chúng tôi không thể đến Mỹ. Đồng chí Nguyễn Cơ Thạch đã nói với sứ quán ta tác động mọi phía và liên hệ chặt chẽ với trung tâm Gioi-nơ của ông Kê-vin và Đê-vít Hãn. Đến nỗi tất cả nhân viên sứ quán ta ở Băng-cốc đều biết, có một ông Hãn nào đó ở Mỹ đêm nào cũng làm việc với sứ quán ta. Hai bên hỏi nhau xem triển vọng đến đâu và tìm cách gì để hỗ trợ nhau cho chuyến đi của chúng tôi được

kết quả. Ngoài việc liên hệ với ta, trung tâm Gioi-no phải nhờ văn phòng ông Ken-no-di và thế của 20 thượng nghị sĩ đã từng là cựu chiến binh ở Việt Nam giúp đỡ. Sáng ngày mùng 5 tháng 8 tôi có vi-da. Cầm nó trong tay tôi muốn ứa nước mắt. Không phải chỉ vì sự vất vả khốn khổ của bao nhiêu người mới cho mình tấm giấy này, mà còn vì đúng ngày hôm nay của 24 năm trước Mỹ đã mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc Việt Nam. Ngày ấy, ngày 5 tháng 8 năm 1964 tôi đã có mặt ở Hòn Gai để chứng kiến sự oanh tạc dã man của không lực Hoa Kỳ đối với những vùng ngư dân lành hiền. Tôi đã viết bài với lòng đầy căm giận kẻ đã gây ra tội ác và với sự đau đớn xót xa những bà con đồng đội mình ngã xuống. Không ngờ lại đúng ngày này tôi cầm chiếc vi-da để nhập cảnh vào Mỹ hội thảo về văn học một cuộc chiến tranh.

Nhưng lại một bất ngờ khác xảy ra là Ngụy Ngữ phải ở lại. Lý do vì sao không thể biết được. Hai đứa ngâm ngùi chia tay nhau ở sân bay Băng-cốc, tôi bảo anh:

— Băng mọi giá anh phải ở lại đây chờ. Tôi sẽ hỏi xem tại sao lại có sự trắc trở này.

Tất nhiên tôi cũng nói với anh tất cả mọi cố gắng của tôi và những hy vọng đối với anh chưa thể đã hết. Anh im lặng về bất cần. Cái cử chỉ ấy rất dễ làm người khác phật lòng. Người ta không thể nào không đặt ra những câu hỏi về anh. Ngụy Ngữ là ai? Một con người với một khuôn mặt đen đúa, căng thẳng triền miên, một mái tóc muối tiêu cắt ngắn, một cách sống khủng khiếp với những bước đi khủng khiếp, một cách nói năng bất cần... Tất cả tạo ra một Ngụy Ngữ già nua, không mấy cảm tình khi mới gặp, một Ngụy Ngữ phức tạp, khó hiểu cả gia đình và bản thân. Suốt cuộc đời Ngụy Ngữ, những câu hỏi của mọi phía chùng chéo lên nhau có thể cao hơn cả cái dáng cao lênh khênh của anh. Một linh ngụy chuyên bỏ trốn sao lại lên tới cấp trung úy? Có một gia đình cách mạng sao lại

trở thành một phóng viên được các cấp chỉ huy nguy tin dùng? Một sĩ quan đã đi học tập cải tạo sao lại nhanh chóng trở thành phóng viên dài phát thanh Huế và biên tập viên Xí nghiệp phim tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh? Mọi quan hệ của vợ chồng anh ta với mẹ vợ, chị và em vợ hiện ở Mỹ ra sao? Chỉ có một Nguyễn Ngũ còn rất trẻ (anh sinh năm 1947), một Nguyễn Ngũ chân thành, đơn giản và thẳng băng. Chỉ biết kính nể nhân cách cao thượng không thêm bợ đỡ luồn cúi kẻ cao sang. Thời nào cũng thế, Nguyễn Ngũ là thế, chỉ có thế, ai muốn hiểu tự tìm kiếm mà hiểu, hiểu sai đúng kệ họ không thêm giải bày thanh minh. Nhưng người đời quan tâm đến người khác trong lòng biếng và cơ hội, mấy ai mất công, mất sức cho kẻ khác một cách công bằng minh bạch. Chẳng hạn cũng là chi tiết anh quên lĩnh lương đấy, lúc anh nổi tiếng tôi bảo là anh nghệ sĩ, anh đáng yêu, khi anh có khuyết tật gì đang trở thành kẻ yếu thế, tôi bảo thằng ấy giả vờ cố tạo ra đặc điểm hoặc chỉ ít cũng là một thằng điên không hơn không kém. FBI, cơ quan an ninh của liên bang hỏi: — Nguyễn Ngũ là trung úy nguy tại sao chính phủ ta lại cho đi một cách dễ dàng? Cần phải xem xét. Một câu hỏi ngắn thôi, nhưng toàn bộ lai lịch cuộc đời Nguyễn Ngũ phải được điều tra lại, phải được tập hợp hồ sơ, phải cân nhắc lợi hại, phải phán đoán mối nguy hiểm có thể xảy ra. Và, nếu không có sự vất vả, tận tình của Gioi-nơ và quyết tâm của sứ quán ta ở Thái Lan, thì Nguyễn Ngũ không thể đặt chân đến nước Mỹ, sau hơn một tháng chờ đợi, một tháng đã phải bán cả nhẫn cưới của vợ để tiêu vặt vì nằm chờ ở Băng-cốc. Trong một tháng ấy, ở Mỹ tôi đã làm gì, đi những đâu? Một tháng vẫn chưa rời khỏi Mỹ trong khi giấy mời vào Mỹ có 16 ngày (từ 01 đến 16 tháng 8 năm 1988). Vợ tôi phải mang con đi hỏi các nơi xem tại sao? Bạn bè và cơ quan cũng hỏi tại sao? Trả lời cho những câu hỏi ngắn, rất ngắn, chỉ

có hai chữ ấy, là lai lịch và nhân cách của tôi được hiện lên trước mắt người thân với những dự đoán phấp phỏng lo âu và ngờ vực.

III

CHIẾC Bô-ing khổng lồ không rõ là năm, sáu trăm chỗ ngồi gì đó, bay hơn ba mươi giờ liên tục từ Băng-cốc qua Tô-ki-ô, rồi vượt qua đại dương đến Si-a-tô lúc 10 giờ sáng. Ra đi lúc 10 giờ sáng ở Băng-cốc đến đây cũng lại mười giờ sáng, nhưng thực ra lúc này ở châu Á đã là 10 giờ tối. Lần đầu tiên bay một chuyến xa xăm không một người quen thuộc, không nghe được một lời chỉ dẫn trong chiếc loa phóng thanh. Tiếng người nói riu rít như chim hót mà xung quanh lại ồn ào kiêu vớ chợ. Người đi hàng chục nước khác nhau cùng nhao ra một cửa nghìn nghịt người, chốc chốc đồn ứ lại vì những sự kiểm soát chậm trễ của nhân viên hải quan và cảnh sát. Qua khỏi các «cỏ họng» ấy rồi bao nhiêu cửa ngoằn ngoèo, lên xuống tầng thấp, tầng cao, không biết mình sẽ đi cửa nào, rẽ lối nào, ngồi chờ ở đâu, đến chỗ máy bay nào. Dù rằng vé có ghi nhưng không thể nhận ra ký hiệu chiếc vé mình cầm ôm đồm cùng một đồng giấy tờ khác trên tay. Đứng cạnh tôi, một cô gái chừng 19, 20 gì đấy trông vẻ ung dung bất cần liếc nhìn vẻ xốn xác của tôi, cô hơi cúi, giấu một nụ cười giễu cợt. Cái cử chỉ ấy với một bộ soóc, áo may ô không tay, trông cô ngang ngược một cách khó chịu. Tôi hơi chau mày. Cô gái vẫn cúi nhưng cảm nhận được cử

chỉ của tôi, cô hơi mím đôi môi đỏ chót ngang nhìn ra phía khác. Dòng người vẫn dùn dầy nhau nhích lên và chốc chốc lại xê được một ít vào các cửa. Không thể biết mình sẽ ra cửa nào, tôi đành nén sự khó chịu và muối mặt hỏi xem cô đi đâu? — Niu-Yoóc. Có thể làm ơn giúp... Cô bé vui vẻ nhìn tấm vé của tôi, rồi cô bỗng hốt hoảng túm tay lôi tôi ra khỏi hàng, ngược lại phía sau. Cô đi như chạy và ra hiệu tôi theo cô. Chuyển bay của tôi ở cửa phía sau và chỉ còn năm phút nữa là đóng cửa. Cô nói gì với những nhân viên kiểm tra và làm mọi việc để tôi chỉ còn biết cầm lấy vé, giấy tờ từ tay cô và lao vọt ra khỏi cửa. Bước vào cầu thang gần giữa nhà ga và máy bay, tôi ngoảnh lại còn thấy cô giơ tay gạt đầu, cười yên tâm như người đã làm xong một việc quan trọng của chính mình, khiến tôi ân hận vì đã không nói được câu nào cảm ơn cô. Sau này đến Niu-Yoóc hoặc gặp các nhà văn, các giáo sư trong cuộc hội thảo, tôi có kể lại chuyện và hỏi xem có ai biết cô ta, một cô bé có đôi mắt to, thông minh, một vầng trán rộng sáng sủa, một khuôn mặt tràn đầy sức lực lôi cuốn, khiến kẻ đi ngang qua không thể không tìm cách liếc nhìn khuôn mặt ấy để rồi lại tạo cho mình một sự giày vò, tự mình làm khổ khổ đời mình. Tất nhiên, mọi người chỉ cười bảo là sẽ giới thiệu cho tôi một cô gái khác, có thể dẫn tôi lên tận máy bay và «bay» cùng tôi. Nhưng tôi quả quyết là với tôi hoàn toàn không thể là chuyện đùa cợt. Dù thế, những người hiểu chuyện này nghiêm túc nhất cũng không tìm thấy cô. Cô bé người Mỹ đầu tiên tôi gặp cứ chập chờn trong tình trạng nửa thức nửa ngủ cả một chặng đường bay qua đại dương trong suốt hơn 30 tiếng đồng hồ, để lại ngỡ ngàng ở Si-a-to từ 10 giờ sáng, để rồi lại ngỡ ngác ở đây đến 11 giờ đêm mới có máy bay đi Bốt-ston. Đến chuyện này thì chắc chắn không thể ai nghi ngờ câu chuyện đúng đắn của tôi. Dù có tận tình hết mức cô gái hàng

không Thái không thể bỏ chuyến bay trở về, mà theo chỉ dẫn cho tôi ở Si-a-to. Cô dành nhờ một người Mỹ giúp tôi. Người ấy là nhân viên kiểm tra hành lý ở sân bay. Anh đã hết giờ làm ca, nghe cô nhân viên hàng không Thái nói tình trạng ú ớ của tôi ở nơi hoàn toàn lạ lẫm này, anh liền dẫn tôi đi làm tất cả mọi thủ tục từ kiểm tra hành lý, bố buộc lại sách và các đồ đạc. Sau khi kiểm tra xong, làm thủ tục nhập cảnh, ghi tên đăng ký và vào tất cả các phòng điều vận, kế hoạch, xếp vé, nghĩa là anh làm tất cả sự cần thiết cho việc bay đêm nay của tôi trên chuyến bay đã hết chỗ. Khi ở Băng-cốc, các anh ở sứ quán ta đã vất vả chạy vạy, nhưng sự hứa hẹn của hàng không Thái cũng chỉ dám hẹn: ngày nào cũng ra sân bay xem còn thừa chỗ đi Si-a-to thì xếp, chứ vé đi thẳng Bốt-ston nhất thiết phải đợi mười lăm ngày sau xem có vơi đi không. Ấy là cũng may ra thôi đã kín chỗ đến ngày 31 tháng 8. Sau đợt nghỉ hè, sinh viên, giáo sư người Mỹ đi du lịch châu Á trở về nườm nượp không thể chen được chuyến bay thẳng. Đến ngày thứ ba tôi ra sân bay, năm lần máy điện tử hiện lên những tín hiệu báo về mới biết có thể xếp được một chỗ. Thôi thì cứ đến đấy rồi ngày nào có vé đi Bốt-ston tính sau, còn hơn là cầu may ở đây. Sau những cú phôn nói với nhau những gì đấy, họ thu xếp được cho tôi đi ngay đêm nay. Người Mỹ cao lênh khênh có bộ ria đen chỉ nhếch mép cười mỗi khi nói chậm với tôi những điều cần thiết. Những lần như thế tôi cứ ái ngại vô cùng. Vì anh ta tất bật, vất vả xách va li của tôi đi khắp nơi, mồ hôi ướt đầm lưng áo, nhưng có cảm giác không vất vả bằng từ một khuôn mặt vốn lặng lẽ, có phần hơi cau có lại cứ phải cố nhếch mép để một kẻ lạ lẫm như tôi đỡ khó xử. Đến bốn giờ chiều, mọi thủ tục xong xuôi, anh đưa tôi ra cửa số hai, kéo tay, gần như đặt tôi ngồi xuống một chiếc ghế ngay cạnh cửa, xong lại kéo tôi đứng dậy dẫn ra chỗ vòi nước lạnh có

thè uống khi khát, chỉ nơi đi toa-lét, rồi trở lại cửa số hai, bảo tôi ngồi lại chiếc ghế cũ, cứ ngồi đấy đến 11 giờ đêm. Nhỡ đi uống nước quay về có bị lạc, cứ nhìn thẳng qua cửa kính thấy những chiếc máy bay hạ cánh thường quay ngang với hướng nhìn của mình đó là cửa số hai. Anh ta đi, một lúc sau mang về cho tôi một chai Cô-ca, một chiếc bánh mì kẹp cả một tảng dăm bông ở giữa. Tôi cảm ơn và trả tiền anh. Anh hỏi tôi có bao nhiêu tiền. Tôi nói có năm đồng. Anh ta nhếch mép bảo tôi giữ lại dùng. Anh đi, chắc là cũng đi ăn, khi quay lại thấy đang mút hai ngón tay như kiều trẻ em của ta mút kẹo bột, mút luôn cả tay. Tôi cũng đã ăn xong. Anh gọi điện thoại rồi vẫy tôi ra bên anh, trao máy cho tôi. Ở đầu dãy bên kia nói: Chào anh Lê Lưu, tôi là người Việt. Một người Mỹ, bạn tôi nói đã làm việc đề anh đi Bốt-ston đêm nay. Anh ấy đã đưa anh ngồi ở ghế chờ trước cửa số hai, nhưng sợ anh nghe không hết nên nhờ tôi nói lại với anh, xin anh vui lòng nghe tôi chỉ dẫn lại... Dạ, thưa anh, trừ đi cầu nếu cần, còn anh cứ ngồi ở chỗ đó. Đúng 11 giờ anh ra cửa. Nếu có gì trở ngại xin anh gọi cho tôi, anh ghi giùm số phôn... Tôi đặt ống nói vào máy. Anh nhếch mép nói tạm biệt và ôm chầm lấy tôi. Buông nhau ra, anh lại chỉ tôi ngồi vào chiếc ghế cũ. Tôi gật đầu cảm ơn. Anh quay đi, đi rất nhanh. Cách chỗ tôi vài ba chục bước, tôi mới nhớ không hỏi địa chỉ của anh. Nhưng chạy theo mà gọi một người không biết tên thì kỳ quá. Với lại còn cái va-li, chả lẽ xách cả chiếc va-li chạy theo, có khác gì một người mắc bệnh tâm thần. Tôi đành ngồi lại, ngồi vào chiếc ghế trước cửa số hai, buồn bã và giận sự vô tình của mình. Nỗi cô đơn trống trải trùm lên một cơ thể bã bời sau mấy ngày đêm bay, khiến tôi ngả đầu ra thành ghế, hai chân choãi ra giữ lấy chiếc va-li, mắt nhắm nghiền trong một trạng thái không ngủ, không thức, không tỉnh mà cũng không mê,

thêm một người quen, một màu da vàng dù là bất cứ một người nào ở châu Á mà nhìn thấy lúc này cũng sung sướng như gặp được người nhà.

Tôi đứng dậy, hít hoảng nhìn đồng hồ, 8 giờ mười phút. Tôi đã thiếp đi chừng hơn hai giờ. Nhưng sao trời lại sáng thế này. Tôi nghi ngờ, đứng dậy nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường. Đúng là 8 giờ 10 phút. Trời vẫn sáng như ở ta lúc bốn giờ chiều mùa hè. Vào giờ này đã là 8 giờ 10 phút sáng, vợ tôi đã khóa trái cửa đi làm, con gái tôi cũng đi học từ sáu rưỡi, chỉ còn thằng em nó chín tuổi bị nhốt trong nhà. Hai chị em học hai buổi khác nhau, mỗi đứa bị nhốt một buổi, chốt cửa phía trong mà vẫn không thề yên tâm phải khóa ở bên ngoài, buổi sáng mẹ khóa nhốt thằng em, buổi chiều thằng em khóa nhốt chị phía trong, dù con chị đã 13 tuổi, cao 1m50 là loại lớn nhanh, đã như một thiếu nữ vẫn không thề yên tâm.

— Trước khi mở chốt trong phải bảo chị nhìn trước nhìn sau xem có ai mới được bật chốt nghe không? — Vâng ạ —

— Lúc đi học phải nhìn qua cửa sổ xem có ai, mới được bảo chị mở cho ra rồi lại phải ập cửa vào ngay nghe không? Vâng ạ — Vợ tôi cẩn thận quá mức khiến tôi đã phải phát bần nhiều lần — Em làm như trong nhà mình có cửa chèm, cửa nôi không bằng — Lúc anh đi xa, ở nhà đáng giá nhất là cái xe đạp cũ của anh thì đã khóa cả bánh trước bánh sau, khóa nó với song sắt cửa rồi lo gì nữa — Ừ, chắc lắm đấy. Khởi nhà chỉ đề lấy cái xe đạp nó đã giết cả những thằng bé 15, 16 tuổi, anh biết không? Chưa kể cái xe đạp mà mất, khi về anh đi bộ đến cơ quan cả năm nhé! — Thì họa hoàn mới có chuyện như thế có phải ngày nào cũng xảy ra! — Cứ cảnh giác không đi đâu mà thừa — Ừ thì sự cảnh giác là bản chất của vợ tôi, tôi chẳng quan tâm gì lắm. Đến bây giờ ngồi ở một nơi xa lạ, đầu kia của trái đất, giữa ồn ào, huyên náo : hò, hát và cười nói và hôn nhau ráo riết và khóc lóc ào ào... Trước cảnh gặp gỡ hoặc chia

tay của những dòng người ra khỏi máy bay, tôi da diết nhớ, thậm thốt lo không biết giờ này con trai tôi có nghe đúng lời mẹ dặn? Có nhìn trước nhìn sau mỗi khi ra vào? Có lấy kim vặn nốt các núm chiếc ra-di-ô bị nó vặn mất một nửa? Có bắc ghế lên nối dây đồng vào ổ điện?... Còn lúc này ở quanh tôi không ai thèm để ý đến ai, đứng cạnh nhau, ngồi cạnh nhau, không biết hoặc biết cũng không hề quan tâm. Ngồi cạnh tôi là một thiếu phụ không thể đoán được tuổi. Trông cái vẻ tươi tắn của khuôn mặt phúc hậu, như người châu Á, chỉ trừ đôi mắt xanh biếc còn mái tóc đen, cái miệng cười hiền từ, trông chị chỉ như một cô gái Á châu chừng 29, 30. Nhưng nhìn đũa con gái cao lớn bằng chị, không ai dám chắc chị đang độ tuổi ấy. Cũng là nhân nhìn ra ngoài đường bằng mỗi lần máy bay hạ cánh tôi phải lướt qua phía chị, lướt qua khuôn mặt hai mẹ con mà biết. Nghe hai mẹ con nói thì biết họ đang chờ đón người mẹ đẻ của chị, tức là bà ngoại của cháu bé về chơi với mẹ con chị một tháng. Mẹ ơi, con không muốn ngoại đi khỏi nhà mình khi con chưa vào học — Đó là quyền của bà, phải đợi bà quyết định — Ừ — Trời ơi, cái « ừ » phụng phịu sao mà giống con gái tôi mỗi lần làm nũng là vậy. Tôi như chết lặng đi, nhìn qua bức tường bằng kính ra phía đường băng, Trời đã xam xam tối. Cả cây cối, cả nhà cửa chất ngất, cả những con số đen nhènh nhoáng trên thân những chiếc Bô-ing trắng loa loa cũng đã nhòa đi trong sương chiều chăng mỏng manh, như khói trên cánh đồng làng tôi đốt cỏ đầu bờ, mỗi buổi chiều lúc mặt trời lặn. Sự thèm khát được ngắm nhìn một nước Mỹ lạ lùng trong tôi hoàn toàn bất lực trước một bức tường kính, trước cửa số hai. Phải giữ chặt nó ở trước mặt mình đến 11 giờ. Dù đã gặp hai người Mỹ với bao nhiêu ấn tượng tốt đẹp, tôi vẫn chưa dám bắt chuyện với hai mẹ con chị, dù rằng cháu gái chỉ hơn con gái tôi một vài tuổi, thỉnh thoảng liếc sang tôi ngỡ

ngang. Mỗi lần như thế tôi dang mãi nhìn đầu đó, không hề nhúc nhích, không hề nhìn lại, tôi vẫn chăm chú như không hề biết gì ngoài cái miệng của tôi hơi tím tím cười hiền lành. Trẻ con dù mới ẵm ngửa cũng nhận biết tình cảm của người lớn chính xác và tình huống hơn bất cứ người lớn nào nhận ra tình cảm của nhau. Quả là cháu bé hay nhìn sang tôi. Nhưng giá mẹ cháu đứng ngồi ở đây, mẹ cháu có việc gì đó đi đâu, để cháu ngồi đây trông đồ đạc, tôi bắt chuyện với cháu sẽ tự nhiên hơn, dễ dàng hơn. 9 giờ 40 phút trời mới tối hẳn. Tôi đứng dậy đến bên máy điện thoại. Tôi phải phôn về phái đoàn ta ở Niu-Yoóc và trung tâm Gioi-nơ ở Bốt-ston để phái đoàn có kế hoạch giúp tôi và sáng mai trung tâm đón tôi ở sân bay Lô-gan. Thực ra tôi đã định gọi ngay từ lúc một, hai giờ chiều, nhưng không biết cách quay máy ở đây ra sao, đành phải «quan sát» qua năm bảy người gọi, tôi mới dám đứng dậy. Nhưng quay lần nào cũng thấy máy bận. Bốn, năm lần vẫn thế. Cháu bé chạy ra bên tôi hỏi cần gọi đi đâu. Nghe tôi nói xong cháu về nói lại với mẹ. Chị đứng dậy đến bên cầm mảnh giấy tôi ghi các số máy rồi quay cho tôi. Chỉ một lần là nói chuyện được ngay với phái đoàn. Xong, chị lại quay giúp rồi đưa máy cho tôi nói chuyện với ông Ke-vin. Thì ra chỉ một động tác đơn giản là phải bỏ tiền vào chỗ nào đó mà tôi không nhìn thấy động tác ấy ở ai nên «máy bận». Mà thực ra có trông thấy cũng không thề «bỏ», vì sau này anh Thương bảo nói trong thời gian lâu như thế ít nhất phải hết hàng chục đồng. Túi của tôi lúc ấy chỉ có năm đồng nằm bất động trước mọi sự chi tiêu. Từ đó tôi mới có dịp cảm ơn, mới làm quen được với mẹ con chị. Tất nhiên không dám hỏi tên và dù biết chị ở Oa-sinh-ton tức là ngay Si-a-to này nhưng không thề hỏi địa chỉ. Tôi nói rằng tôi là người Việt Nam sang đây dự hội nghị ở Bốt-ston. Chị nói rằng chị có nghe nói đến

Việt Nam, có biết nước chị có đánh nhau với Việt Nam. Nhiều người bị thương tật vì chị đã trông thấy tại sân bay này hơn mười năm trước. Chị biết thêm tôi là nhà văn Việt Nam đã viết những chuyện đánh nhau và đi dự hội thảo của những người lính đã từng đánh nhau, tự viết truyện phía mình hoặc của phía kia. Không biết tôi nói chị có hiểu không, chỉ thấy chị cười cười. Thình thoảng lại kêu ò lên một tiếng, nó như một thứ chuyện lạ mới nghe lần đầu. Chị nói, chị chưa đọc truyện gì của chính nước chị, cũng không hiểu cái thứ tôi vừa nói để làm gì. Chị bảo, chị là bác sĩ khoa sản mới ra trường mười năm nay, chị chỉ thích việc của chị và đi chơi với chồng con, thăm bố mẹ và bạn bè và nghỉ cuối tuần ở biển. Dù thế, chị vẫn chúc tôi may mắn trong cuộc hội thảo. Chị đưa « các » và dặn tôi khi trở về nếu dừng lại đây phôn cho chị, cần những gì ở vợ chồng chị, chị sẽ giúp. Mẹ con chị chia tay tôi gấp gáp khi chiếc máy bay đưa bà cụ đã hạ cánh xuống sân bay. Tôi cũng không thể tỏ ra quá vồn vã trước một người phụ nữ. Tôi rất cảm ơn, rất muốn gặp gỡ, rất muốn nói chuyện, đặc biệt là cháu bé gái còn đang muốn hỏi chuyện các con tôi, hỏi xem Việt Nam cách Mỹ bao nhiêu dặm? Chú đi có nhớ nhà không? Con gái chú có cao bằng cháu không? Cháu bằng tuổi bạn ấy, 13 tuổi, nhưng bạn ấy sinh tháng nào? Còn cháu, mẹ cháu sinh ra cháu vào đầu năm... Cháu bỏ dở câu chuyện khi mẹ cháu gật đầu chào tôi và kéo tay cháu chạy ra thang máy bay đã gắn sát vào nhà đợi khiến người ta cảm giác qua khỏi cửa đã đi trong máy bay. Nửa giờ sau khi mẹ con chị đi, tôi cũng qua cửa sổ hai đề vào máy bay. Suốt buổi bay khoảng mười giờ gì đó từ Si-a-to đi Bốt-ston tôi vẫn ở trạng thái chập chờn không ra ngủ, không ra thức nhưng thấy đỡ căng thẳng mệt mỏi hơn. Thấy sốt ruột mong đến nơi để ghi lại một cái gì đấy mà mấy ngày nay, tâm trạng lúc nào cũng hết hoảng

đối phó với những thủ tục, may, rủi, những làm lẫn lẫn sàng làm lơ lang chuyễn bay. Cái điều mong muốn được nhanh chóng ghi lại là hình ảnh mấy người Mỹ đầu tiên tôi gặp từ Băng-cốc đến đây. Thực ra, nó là một cử chỉ đẹp đẽ như những màu chuyện « người tốt việc tốt » tôi đã viết. Tôi viết đến mấy trăm « gương » trong mấy chục năm qua rồi. Đất nước mình đã có một thời « ra ngô gặp anh hùng », ở đâu chả có những cử chỉ, việc làm lay động đến tận tâm can người khác, dù rằng bây giờ có rất nhiều sự nhớ nhãng, ngạo ngược thì vẫn còn vô vàn người tốt làm đẹp lòng người khác. Cái điều tôi muốn ghi lại gấp gáp là vì tôi, tự tôi, vừa thấy sung sướng cảm động, vừa xấu hổ. Sung sướng vì mình thấy đỡ đơn độc, may mắn có người giúp đỡ. Còn xấu hổ vì đã bao nhiêu năm mình đã được giảng giải, học hành hết khóa học, lớp kia đến bây giờ mới hiểu nhân dân ở đâu cũng tốt quá, đáng yêu quá, kè cả ở nước Mỹ. Nhân dân tốt cũng nhiều vô cùng nhưng cũng có những kẻ xấu. Chẳng hạn, ngay ở chúng ta tốt đẹp là thế, vẫn có những hạng người như cô bé bán xúi cáo và ngược lại ở đây... Một xã hội nhốn nháo như thế tôi đã gặp được vài ba người tốt. Và chắc hẳn nhân dân Mỹ còn có những người tốt nữa mà khi ở đây tôi sẽ còn gặp.

IV

TÔI đến nơi, cuộc hội thảo đã được tám ngày. Trong tám ngày ấy các nhà văn Mỹ đã đánh giá những hay, dở, tốt, xấu trong vốn sống, trong tài liệu, sự chân thật và giả dối ở những sáng tác nội bộ nước họ. Nghĩ là tất cả những công việc nội bộ của họ đã được bàn cãi và đánh

giá. Bốn ngày còn lại (họ duy trì theo đúng chương trình 12 ngày) họ dành cho tôi. Chiều ngày 8 tháng 8, tôi đến Si-ơ-ton, một sân bay thuộc bang Oa-sinh-ton ở tây bắc Mỹ (ở Mỹ có 2 địa danh Oa-sinh-ton: một là bang, một là thủ đô). Trong khi chờ đợi chuyến bay đi Bốt-ston lúc 11 giờ đêm, tôi đã gọi điện về cho trung tâm Gioi-nơ nên 9 giờ sáng hôm sau, hai ông Kê-vin và Đê-vít Hãn đón tôi ở sân bay Lô-gan. Tôi hỏi hôm nay hội nghị làm gì, các ông trả lời: «Hôm nay hội nghị chờ làm việc với ông». Khi về đến trụ sở trung tâm họ đưa cho cốc cà phê sữa và nói rất lịch sự: «Ông cứ uống nước, nghỉ ngơi, khi nào cảm thấy đỡ mệt mời ông ra hội nghị». Hỏi: «Hội nghị lúc này đang làm gì?». Đáp: «Lúc này hội nghị đang ngồi chờ ông». Tay bê cốc nước, tay xách túi, tôi từ lâu 10 trụ sở của trung tâm xuống tầng trệt, hội trường của trường Đại học Mát-sa-xu-sết, nơi hội thảo, mặc cho mặt mũi, quần áo còn đầy bụi đường trường suốt ba ngày đêm bay đến đây.

Hội trường nhỏ, khoảng bảy, tám chục chỗ ngồi. Số người có mặt lúc này chừng năm, sáu chục. Nhưng từng nhóm đứng ngồi lộn xộn. Một nửa số ghế bỏ trống vì một nửa số người hoặc đứng phía ngoài, hoặc ngồi vắt vẻo trên những bọc bao quanh căn phòng. Có người mặc com-lê đi giày, tất, đội mũ chỉnh tề, có người lại mặc áo may ô, quần đùi, có người vừa ăn bánh ngọt, mút chùn chụt các ngón tay, vừa giơ bàn tay kia lên xin hỏi diễn giả. Nghĩa là đứng ngồi lộn xộn, mặc lộn xộn, ăn uống lộn xộn, nhưng không một tiếng động nhỏ, không một lời thì thầm, tất cả họ chỉ tập trung cho một mục đích: nghe. Cũng xin nói thêm: Hội thảo của Mỹ có khác ta — Hội thảo của ta mà tôi được dự, phần lớn những bài đọc trước cử tọa được viết công phu, tập hợp nhiều chữ nghĩa mà ít chính kiến. Đọc xong, coi như xong nhiệm vụ. Nghe người khác là đề biết vậy, có đồng tình hay phản đối cũng đều

ngồi im, có khi vài ba tháng sau, vài ba năm sau mới viết bài phê phán cái người đó, tham luận vấn đề đó, cái chi tiết đó không đúng, không có căn cứ, luận chứng, hoặc thiếu cơ sở khoa học...

Còn họ, có lẽ do thói quen keo kiệt với thời gian và rất nhiều phương tiện thông tin đồ sộ xung quanh người, nên không cần phải mất thì giờ nghe thông tin ở các cuộc hội họp. Lúc tập trung là để nghe chính kiến của anh, ngay thời điểm đó qua đối thoại. Một câu, một chữ, nếu chưa thông, có thể tranh cãi nhau, chừng nào anh đủ sự thuyết phục tôi hoặc anh bị tôi thuyết phục, dù anh đang là diễn giả đứng trên bục. Hội Nhà văn bảo tôi viết bài diễn văn đúng tư cách «trường đoàn» (bây giờ thì đoàn còn một người). Các anh ở Ban đối ngoại nói: «Anh có thể đọc diễn văn hay không thì tùy, nhưng quan trọng là phải chuẩn bị mọi lĩnh vực đề đối thoại». Các anh nói mấy điều kinh nghiệm hết sức quan trọng đề tôi tham khảo. Một là: anh phải trả lời mọi câu hỏi, không nên từ chối. Với giới khác như khoa học, y tế, giảng dạy... người ta có thể từ chối, nhưng nhà văn thì cố gắng mà trả lời. Anh từ chối, họ nghĩ đất nước mình đang có gì bí ẩn phải quanh co. Từ chối trả lời là bất lợi. Chỗ nào khó nói anh bảo đó là ý nghĩ của riêng tôi. Mà nhà văn nghĩ có lúc đúng, lúc sai, ai bắt bớ anh mà sợ. Hai là: phải chú ý phía tư bản và nhất là Mỹ, họ hình thành sẵn một ấn tượng nghi chúng ta hay nói dối, làm tuyên truyền và nói câu của ai chứ không phải của chính mình. Chẳng hạn, họ hỏi anh không trả lời ngay, chỉ cần dừng lại một chút họ nghĩ ngay là anh nhớ lại câu ai dặn dò chứ không phải ý kiến của riêng anh, chính anh. Ba là: anh cứ tỏ thái độ dằn hoàng, thiện chí trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng nhau, không nhượng bộ, nhưng không gây gở cãi nhau. Đề cãi nhau thì việc gì phải sang tận Mỹ, nếu không tránh được sự khiêu khích, sa vào cãi lộn là không hay.

Tôi đứng trước cuộc hội thảo với 50 nhà văn ở khắp các nơi trên nước Mỹ, đủ các màu da và các lứa tuổi. Nếu mỗi người chỉ hỏi một câu thì một ngày đã có 50 câu hỏi, chưa kể có người hỏi 4—5 câu trong một ngày. Những người bạn văn cựu chiến binh Mỹ ôm chầm lấy tôi trong sự xúc động chân thành: «may mà chúng ta không bắn chết nhau». Cái may được sống sót ấy, là sự yên tâm lớn, sự cảm thông sâu sắc, sự quen thân bè bạn không phải từ mấy phút tôi đứng ở đây, mà là từ 15, 20 năm trước. Từ cái năm 1968 ấy tôi làm báo đi theo bộ binh từ Vĩnh Linh vào Khe Sanh—Anh ở đâu?—Tôi là lính kỵ binh bay ở Đông Hà—Tôi là thủy quân lục chiến đánh lên Cửa Việt—Tôi là tía chớp nhiệt đới ở Tây Ninh—Tôi là Anh cả đỏ—Tôi là...tôi là... Ở đâu trên cái chiến trường Đông Dương này tôi nhắc đến, có chỗ có một người, có chỗ hai, ba người giơ tay lên hoặc đứng dậy đề nghị «đồng hương» cùng chiến trường. Năm 1968 lần đầu tiên chúng tôi xuất kích bốn xe tăng ở Làng Vây, bị bắn cháy hai. Trời ơi, (rất nhiều người lính Mỹ kêu trời ơi bằng tiếng Việt) tôi có trông thấy lửa lòe ra từ chiếc xe tăng đó—Anh có ngồi trong ấy không?—Nếu tôi ngồi đó bây giờ không thể đến hội thảo với các anh được...

Đêm 19-10-1972 tôi và hai nhà văn nữa đi từ Do Linh qua miếu Bái Sơn, vào Hải Lăng, Triệu Phong rồi Đông Hà... Chúng tôi theo xe của đoàn vận tải Trường Sơn chạy dưới làn đạn pháo bầy B.52 và phản lực «tọa độ», đề chúng kiến cuộc sống của người lính «đêm giao thừa» (theo ký tắt ngày mai ngừng bắn). «Trời ơi, lúc đó tôi ở hạm đội ngoài biển Quảng Trị». «Trời ơi, tôi ở Huế, là lính thông tin của cố vấn trưởng tại vùng chiến thuật một truyền tin yêu cầu không lực phải gia tăng việc oanh kích. Giá như lúc ấy tôi biết có anh đang đi ở đường 9, Cam Lộ...». Chúng tôi đã trở lại «ngày ấy» thân tình và mừng rỡ. Mừng vì đã không bắn pháo trúng vào đầu nhau,

nhưng đều ngậm ngùi ân hận vì ai trong số các bạn đã có những phút căm giận chúng tôi vô có? Ai trong số các bạn đã có những giây nghiêng rặng mà nhấn cò cho những viên đại bác bay đi? Ai trong số các bạn đã châm lửa đốt nhà và đâm lê vào những em bé, cụ già, đứng nhìn máu chảy?... Có thể là không có ai ngồi đây làm việc đó, hoặc làm mà không trông thấy cái chết vụt ra từ tay mình. Nhưng một thời các anh đã mang tên « Kẻ xâm lược », kẻ thù địch với nhân dân chúng tôi lành hiền và lam lũ. Có những lúc cắn răng vào môi muốn bật máu để kìm tiếng khóc khỏi bật ra, nước mắt khỏi tràn xuống vì cái chết thê thảm của đồng đội mình. Không, chúng tôi đã quên và sẵn sàng quên đi cái quá khứ đau đớn. Các bạn cũng đừng vội nổi ân hận khi tôi nói rằng điều quan trọng hôm nay chúng ta còn có cơ hội gặp nhau ở đây, quan trọng là hôm nay, từ nay, chỉ có lòng nhân nghĩa mới sửa chữa được lầm lỗi và hận thù.

Chúng tôi đã bắt đầu không khí một cuộc hội thảo về văn học chiến tranh như thế. Nhưng đâu chỉ văn học cả xã hội và kinh tế, ngoại giao và chính trị... nghĩa là mọi lĩnh vực. Trong suốt hai ngày đối thoại, dù trong không khí bạn bè thân mật cũng đã chóng mặt, căng thẳng. Ngờ đã hòm hòm vì phần nào đó những thông tin sai lệch, mặc cảm sai lệch được gỡ ra. Không ngờ hai ngày còn lại của chương trình hội thảo lại gặp gỡ đối thoại với cựu chiến binh, sinh viên và trí thức tại thư viện Bốt-ston, một trong những thư viện lớn của Mỹ. Hàng trăm trí thức và các nhà hoạt động xã hội được mời cùng dự hội thảo với các nhà văn. Có lẽ bốn ngày hội thảo đã đem lại kết quả gì đó khiến rất nhiều báo chí, truyền hình, các hãng thông tấn như: Thời báo Niu-Yoóc, Quả địa cầu Bốt-ston, Tạp chí nhân dân, Bưu điện Oa-sinh-ton, Mặt trời Ban-ti-mo, hãng thông tấn AP, đài BBC, hãng Roi-tơ của Anh đều phỏng vấn, đưa tin, đăng

bài ảnh lớn ở vị trí trang trọng. Rồi những cuộc đời
thoại ở các trường đại học, các tổ chức cựu chiến binh,
các tổ chức tôn giáo, các tổ chức từ thiện... Nếu cứ làm
thỏa mãn những yêu cầu của bạn Mỹ thì còn rất lâu.
Nhưng ở được tháng rưỡi, tôi không thể chịu nổi vì
những lý do: Ăn uống không quen. Ở nhà thiếu thịt, thiếu
bơ sữa thật, nhưng đến đây năm bảy ngày thấy thèm đến
khốn khổ một bữa rau muống luộc. Anh Nguyễn Thương,
một Việt kiều yêu nước, là người bạn rất tận tình với bất
cứ khách nào từ Việt Nam được mời sang Mỹ. Anh biết
những thèm thường của tôi liền mua rau muống cho ăn.
Trong khi bốn đô-la một ki-lô-gam thịt gà đã làm sẵn, thì
một mớ rau muống chét trong bàn tay là năm đô-la.
Trong lúc chúng ta còn khó khăn mọi thứ, thì thói quen
của người đi nước ngoài là uống một cốc nước cũng
nhanh chóng nhằm tính đời xem nó thành bao nhiêu
đồng tiền Ngân hàng Việt Nam. Năm đô-la một chét rau
muống bằng 20 ngàn tiền mình. Giờ này vợ con ở nhà
mua mớ rau hết một trăm đồng. Một ngày đi chợ bình
thường không được phép tiêu quá một ngàn. Lương cô
vợ tốt nghiệp đại học đã có gần 20 năm thâm niên và anh
chồng viết văn cỡ tá như vợ chồng tôi, tổng thu nhập
mới được 15 ngàn một tháng. Tiêu ngày một ngàn tức là
lương chi tiêu đủ trong 15 ngày. Vậy mà ở đây ăn vài gói
rau muống gọn lỏn trong lòng đĩa hơn lương cả hai vợ
chồng trong một tháng thì xót ruột quá. Đã biết ăn uống
ở nước ngoài là vô cùng đắt đỏ, nhưng những bữa ăn ở
khách sạn do người Mỹ trả không biết hoặc có biết là sáu
chục đô-la một bữa thì cũng là tiền của họ, họ quen tiêu
như thế. Còn tiêu tiền của mình, hoặc bạn bè mình thì
không nỡ, không đủ sự tàn nhẫn vung phí hoang toàng
như thế. Thành ra ăn với người Mỹ không quen, không
hợp khẩu vị vẫn cố chịu, vì ăn rau muống thấy xót ruột
hơn là không ăn, đành chịu đựng, không ăn còn hơn. Cái

khò thứ hai là thời gian không quen. Lúc chín giờ tối ở nhà sắp sửa đi ngủ là đúng chín giờ sáng ở Mỹ bắt đầu làm việc. Lúc một, hai giờ đêm ở nhà đang ngủ say như chết thì ở đây là một, hai giờ chiều, thường là lúc làm việc tập trung, căng thẳng nhất. Mắt thì cứng đờ, miệng thì lảm nhảm nhiều lúc tôi không biết câu trước nói gì, câu sau nói gì. Rất may, tôi thường đóng vai diễn giả đứng trên bục, buộc không thề ngủ gật, nếu không, có thề tôi đã ngòì ngủ ngáy o o giữa hội nghị, như một vài trường hợp có nhà khoa học của chúng ta dự hội nghị ở đây không vượt qua nỗi thói quen ở «giờ cao điềm» này.

Thứ ba: là người Mỹ vốn khai thác triệt ðề, thường «vác» đi ba ca, hội thảo ba ca một ngày. Từ chín giờ sáng đến một giờ đêm, hết ðối thoại chỗ này lại đến chỗ khác. Ăn, uống và hút ðều ở trong xe, trên ðường di chuyển đến địa ðiểm mới. Có nhiều chỗ hội ðã trùng hợp, cử chỉ của cử tọa cũng trùng lặp như hàng chục nơi khác, những câu trả lời mòn mỏi và quen thuộc, những cử chỉ của mình cũng mòn mỏi và quen thuộc nhằm chán với mình, nhưng vẫn là háo hức trầm trở của người ta, mình không mất công sức nghĩ ngợi gì nhưng phải nói ra ra, bõc lên mà nói. Ra khỏi hội trường, vừa thở, vừa đi.

Đến Mỹ, ăn uống nhiều prôtít hơn ở nhà mà người cứ phờ phạc vì nói. Bốn là: bọn cực đoan người Việt sống trên đất Mỹ sẵn sàng bắn chết mình bất cứ ở ðâu, lúc nào, nếu chúng biết. Tôi ở ðâu phải do trung tâm Gioi-nơ sắp ðặt bảo vệ. Gặp ai, kè cả người Mỹ và người Việt ðều phải theo một ðường ðay do họ liên lạc và tổ chức. Những ngày ðầu hoặc đến một thành phố khác còn ðám ra ðường, về sau báo chí ðăng ảnh khắp nơi, tôi không thề đi ðâu một mình. Gặp bất cứ người Việt Nam lạ mặt nào dù ngoài ðường hay trong cửa hàng, người Mỹ cũng ra hiệu cho tôi tránh họ. Ngay anh Thương, anh Long, Trần Hiền và Long Thanh là những người yêu nước

thường giúp tôi ngày ngày, cũng không dám đi cạnh tôi khi thấy một người Việt khác. Có lần đang ăn ở quán sinh viên, tự nhiên Long Thanh đặt các thức ăn xuống rồi lặng lẽ bỏ đi. Chờ cô hàng giờ không thấy quay lại. Sau hỏi ra mới biết cô đã phát hiện thấy một người Việt đã nhìn cô ngòì cùng bàn ăn với tôi. Đêm nào cũng hai ba giờ đêm xong xuôi mọi việc mới đi nằm. Dù những chỗ ở đã được giấu kín, nhưng tính tôi nhát thành ra cứ thấp thỏm, nằm nghe gió xào xạc rung lá cây cũng giật thót mình choàng dậy, tưởng nó mở cửa bắn mình.

Tôi nói rằng nếu họ còn giữ tôi thêm, tôi sẽ vượt biên về Việt Nam thì có lẽ nhiều bạn cười thẳm, thậm chí có thề cho tôi là thằng ngu. Nhưng tôi, có lẽ tôi hiểu mình hơn bất cứ ai. Tôi không thề ở thêm trong những cuộc gặp gỡ của một chuyến đi hội thảo đã kéo dài liên miên suốt một tháng rưỡi. Lại có thề hỏi tại sao lại như thế. Biết trả lời thế nào. Nếu không khai thác triệt để chuyến đi họ đã tốn công tồ chức, đã không phải là người Mỹ. Thế mới gọi là hội thảo kiểu Mỹ.

V

NGƯỜI Mỹ không có thói quen ý tứ, kè cả Tổng thống của họ, họ cũng có thề giễu cợt, đùa giỡn, châm chọc và nhạo báng, tất nhiên sự đùa giỡn, châm chọc có quy định. Chẳng hạn ngay trước cửa Nhà Trắng, anh chị có thề cắm trại và căng khẩu hiệu xung quanh phản đối Tổng thống, nhưng cắm trại biểu tình trong hàng dây quy định cho anh chị. Cứ cắm trại, cứ căng khẩu hiệu và hò hét trong cái vòng dây thừng ấy, không được ra phía ngoài, không được có bất cứ hành động gì. Thói quen

tự do trong dây thừng là hình thức, là ảo giác, là giả đã trở thành bản tính thật của người Mỹ ở nước ngoài. Khi ở nước ngoài họ cũng nhạo báng, đùa giỡn, châm chọc, nhưng không có ranh giới dây thừng và hành động với bất cứ phía nào đề đạt tới mục đích. Ngồi trước mặt tôi trong tất cả các cuộc hội thảo và đối thoại có hai loại người Mỹ. Một loại người hoặc đã sang Việt Nam, hoặc thông hiểu rất rõ Việt Nam trong đó có không ít người hiểu không phải vì cảm động, khâm phục hoặc sự đồng cảm nỗi mất mát cực nhọc của Việt Nam, mà họ hiểu sâu sắc đề làm việc khác, làm những việc chưa thề có ánh sáng nào dọi thấu tới mục đích của họ. Loại thứ hai: Cũng đã sang Việt Nam hoặc cũng chưa sang Việt Nam, nhưng còn dầy ấn tượng hằn thù, khiếp đảm trước ác liệt của chiến tranh. Họ không phân biệt nổi cái vô lý và cái có lý mà thông tin sai lệch của nhà cầm quyền trước đây và cộng đồng người Việt mới đi tản đem đến. Cả hai loại người ấy đều có một tâm trạng giống nhau: Khao khát khai thác triệt để thông tin của một đất nước Việt Nam từ khi thống nhất hoàn toàn đến nay. Phải làm thỏa mãn họ. Nhưng còn danh dự của dân tộc mình, của chính mình? Làm thế nào đề không cãi nhau mà họ vẫn hiểu được đúng, vẫn phải tôn trọng dân tộc mình. Bạn nghĩ như thế nào? Có bé bán xui cáo của tôi ở phố N. nghĩ thế nào? Còn tôi, tôi đã sòng phẳng với bất cứ câu hỏi nào của tất cả mọi cuộc hội thảo. Chẳng hạn như:

Hỏi: Các ông bảo là các ông đòi mới nhưng thực ra các ông làm lại việc các ông đã làm năm 1957. Năm 1957 nhà nước các ông đã bóp chết nhà văn các ông từ trong trứng. Có người đi tù (tức là đi cải tạo) đến nay không biết đã ra hết chưa? Và theo chỗ chúng tôi được biết, hpe xã hội chủ nghĩa các ông chưa có tự do sáng tạo, chúng

có là Xo-viét đã có thời mở ra vào những năm 1960, bị bóp chết. Bây giờ mở ra sự nghiệp cải tổ, không biết sẽ đi đến đâu, nhưng đầy sự chống đối. Còn ở Trung Hoa thì rất nhiều phen mở ra rồi lại đóng vào, đóng vào, chặt hơn mở ra. Vậy bằng nhạy cảm của một nhà văn, xin ông cho biết khi nào nhà nước các ông bóp chết nhà văn các ông trong sự đổi mới này?

Tôi hỏi người vừa hỏi tôi: — Ông đã yêu chưa? — Hội trường cười rộ lên trong tiếng xì xào: — Ông ấy thì yêu quá nhiều rồi — Tôi nói: Tôi cũng đã yêu, có thể bằng hoặc chưa nhiều bằng ông, nhưng khi đàn ông chúng ta yêu người đàn bà dù bất cứ một biểu hiện như thế nào (chẳng hạn nắm lấy bàn tay, tặng một bông hoa, một cái liếc nhìn tình tứ hay một lời nói đầy sức quyến rũ). Bằng bất cứ một biểu hiện nào đó cũng phải truyền đến cho người đàn bà một thông tin cơ bản là: Anh yêu em (có thể là tôi yêu bà, tôi yêu chị). Các cấp độ cũng hết sức khác nhau: Yêu say đắm, yêu điên dại, yêu cuồng loạn, yêu nhảy xuống sông, xuống biển mà chết... Nói chung là cấp độ thì tùy. Tùy từng tạng người, tùy từng thói quen và hoàn cảnh của mỗi người, mỗi dân tộc, nhưng cái thông tin cơ bản: Anh yêu em, không thể nào không có. Và người đàn bà tiếp nhận thông tin ấy với nhiều phản ứng khác nhau: có người lặng lẽ quay mặt đi, có người từ chối êm ái, có người phản ứng quyết liệt, thậm chí có người tát vào mặt anh, nếu anh tỏ ra là kẻ nhố nhăng, thô bạo, nhất là những cử chỉ làm mất danh dự của người ta, đặc biệt là trước đám đông, thì nguy hiểm vô cùng. Nhưng có khi người ta lại hơi khép hàng mi lại, lim dim ngay ngất, ngả đầu vào ngực anh, với trái tim đập thậm thịch và yêu anh cuồng nhiệt trước cái thông tin âu yếm «Anh yêu em», (Tôi yêu bà)... ấy. Vậy các bạn hãy xem xem loài người này đã ai cấm đàn ông chúng ta không được nói với đàn bà câu: anh yêu em, tôi yêu bà? Điều quan trọng

là cánh đàn ông chúng ta phải nói câu đó như thế nào và vào lúc nào để người ta khỏi tát vào mặt mình. Tôi không rõ các bạn đàn ông ở Nga và Trung Hoa đã biểu hiện nó trước đây và hiện nay ra sao, nhưng ở chúng tôi thì đã có sự lầm lỡ. Năm 1957 chúng tôi nói câu đó, người ta tát vào mặt chúng tôi. Còn bây giờ chúng tôi đang nói, nói rất nhiều, người ta đang ngả đầu vào ngực chúng tôi, thò thức nghe và yêu chúng tôi cuồng nhiệt.

Hỏi: Đồng ý, các ông đang được yêu. Nhưng tại sao vẫn có sự lên án, nhất là với những người trẻ tuổi, với những tác phẩm mạnh bạo của họ.

Trả lời: Trước hết đã là tình yêu thì không có tuổi tác. Nhưng đừng làm tương, khi người ta đã yêu anh, anh có thể sàm sỡ, thô bỉ và biến tình yêu là phương tiện.

Hỏi: Nghĩa là thế nào thưa ông?

Trả lời: Nghĩa là tình yêu phải là mục đích, đừng lợi dụng nó để làm công việc khác và mỗi dân tộc đều có đặc điểm cá tính (các ông rất coi trọng cá tính) riêng biệt của mình. Dân tộc chúng tôi cảm nhận cái đẹp bằng sự tế nhị kín đáo, chúng tôi không thể chịu đựng nổi sự lỏa lồ, trần trụi ở giữa đường phố.

Hỏi: Ông có sợ như thế là cò hủ, già nua? Trong thực tế, tuổi trẻ các ông đã và đang khao khát sống như người trai trẻ ở tất cả mọi nơi trên trái đất. Tại sao cấm đoán họ, có phải các ông lại muốn đóng cửa?

Trả lời: Nếu đóng cửa, ông đã không thấy tuổi trẻ của chúng tôi cũng khao khát như tất cả mọi nơi trên trái đất, như ông vừa nói. Nhưng chúng ta hơn ai hết đều nhận biết rằng, trái đất này chỉ phong phú, sinh động khi có nhiều truyền thống văn hóa của nhiều dân tộc đem đến. Nó sẽ đơn điệu, nhàm chán, kinh tởm như thế nào, khi cả loài người là một bầy đàn, một cách ăn uống, cảm thụ cái đẹp giống nhau. Hiều rõ nguy cơ đó, chúng

tôi phấn đấu hết mức với phương châm: tiếp thu triệt để những nền văn hóa hiện đại để giữ cho được nét riêng biệt của nền văn hóa dân tộc và phát triển nó. Nếu để được các ông khen là không già nua, cò hủ mà chúng tôi tiêu diệt đặc diêm dân tộc, cá tính con người, để nó trở thành bầy đàn như một loài thú, thì kiên quyết chúng tôi nhận là già nua cò hủ.

Người khác hỏi (bây giờ mới đến câu hỏi của người khác). Tôi hoàn toàn khâm phục ý chí của các ông duy trì sự độc đáo riêng biệt của nền văn hóa các ông. Nhưng vừa qua Tổng bí thư của các ông bảo cõi trời cho nhà văn các ông, vậy thì ai đã trời các ông?

Trả lời: Chúng tôi tự trời chúng tôi. Nền văn học cách mạng của chúng tôi ra đời sau cách mạng 1945, nó còn non dại chập chững như một đứa trẻ mới tập đi. Để khỏi bị bão gió quật ngã, thú dữ tha đi và bom đạn giết chết, buộc người ta phải khoan cho đứa trẻ mới tập đi một khu vực an toàn để nó sống. Hiện nay những đứa trẻ đó đã thành chàng trai trẻ khỏe mạnh mà vẫn chưa ra khỏi khu vực «an toàn» ấy. Có hai lý do. Một là: do quan niệm và thói quen của người ta. Rất khó từ bỏ thói quen này, quan niệm này để bước tới một thói quen khác quan niệm khác. Hai là: do bản chất ích kỷ của con người. Có người đủ sức vượt qua thói quen và quan niệm ràng buộc, nhưng có người chưa làm được việc đó thì níu áo người kia lại. Trong tình hình đó ông Tổng bí thư của chúng tôi kêu gọi: Các nhà văn hãy đừng cảm buồng áo nhau ra để vươn tới chân trời đầy tự do, sáng tạo.

Hỏi: Các ông chỉ viết cái thẳng, không viết cái thua, chỉ viết niềm vui, không viết nỗi buồn, tại sao?

Trả lời: Câu ông hỏi là trong tình hình của những ngày đất nước chúng tôi còn chiến tranh chứ không phải hôm nay. Nhưng tôi vẫn nói để ông hiểu rõ hoàn cảnh ấy

như sau: Ở đời, người ta chỉ cần cái thiếu chứ không ai cần cái thừa. Đất nước chúng tôi thừa nỗi đau đớn thừa sự chia ly rồi. Những người đàn bà đất nước tôi không chỉ chờ chồng khi chồng còn sống. Chờ cả khi chồng đã chết rồi. Có người mười tám, đôi mươi, lấy chồng, sống với nhau dăm bảy ngày rồi chờ chồng ở ngoài chiến trận mười năm, hai mươi năm. Ngày thắng lợi, người chồng không còn sống để trở về, người đàn bà vẫn sống một mình để thành núi vọng phu (vọng phu là chờ chồng). Đất nước chúng tôi có hàng triệu ngọn núi vọng phu như thế. Nhà văn chúng tôi không đủ sức tàn nhẫn để trút thêm lên đầu họ một sự thừa thãi của nỗi đau đớn, chia ly, mất mát, buộc chúng tôi phải đem cho họ sự thiếu hụt, đó là niềm vui và thắng lợi. Mặc dù họ có mất mát, thua thiệt nhưng cái được, cái thắng lợi có thật của cả một dân tộc, luôn luôn khích lệ họ. Đó là sự cần thiết, là tấm lòng nhân đạo. Tôi nghĩ, không một người cầm bút nào ở trái đất này không nghĩ và làm như chúng tôi trong hoàn cảnh ấy.

Hỏi: Hiện nay các ông đang trưng bày một khẩu hiệu: nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, vậy đã có lúc các ông nhìn vào sự dối trá, ăn nói dối trá hay sao?

Trả lời: Bất cứ lúc nào chúng tôi cũng nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật. Sự thật trước kia; một phía là đồng đội tôi cả ngàn, cả vạn người đều sẵn sàng ngã xuống cho độc lập, tự do của dân tộc. Phía ngược lại là các ông đều nhắm nhắm cầm súng bắn giết chúng tôi. Ngày ấy Nhà nước tôi kêu gọi người cầm bút hết lòng ca ngợi, cổ vũ, động viên đồng đội mình và phải làm cáo mọi người cảnh giác mọi phía với sự độc ác và những thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, trong đó có các ông. Còn sự thực ngày hôm nay: phía đồng đội tôi, không phải cả ngàn, cả vạn người đều sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc.

Có kẻ đã tự hủy hoại mình, có kẻ đã quay lưng lại với đất nước. Còn phía kia, trong đó có các ông, không phải tất cả đều hận thù độc ác với chúng tôi. Có người đã buông súng xuống, muốn giơ bàn tay thân ái nắm lấy bàn tay chúng tôi để thành bạn bè. Trong tình hình đó, Nhà nước chúng tôi đặt ra khẩu hiệu: nhìn thẳng sự thật, nói rõ sự thật, đề nhấn mạnh rằng sự thật ngày hôm nay có khác sự thật ngày hôm qua. Kẻ nào trong đồng đội của chúng ta hèn nhát phải lên án, còn phía kia, có nhiều người hôm nay muốn trở thành bạn, chúng ta sẵn sàng giơ tay ra nắm lấy bàn tay họ trong một tình cảm chân thành và độ lượng.

Hỏi: Ông thấy sự quản lý của đất nước tôi có hơn đất nước ông không?

Trả lời: Hơn, vì các ông quen làm giàu, còn chúng tôi quen chống giặc ngoại xâm, nên sự quản lý kinh tế còn kém cỏi.

Hỏi: Đứng trước đất nước tôi hiện nay, nếu khuyên một câu, ông sẽ khuyên ông Ri-gân câu gì?

Trả lời: Đáng lẽ các ông phải hơn những gì đã có ngày hôm nay. Vì thế, nếu được phép khuyên ông Ri-gân một câu, thì tôi xin khuyên ông Ri-gân đừng cảm thay mặt cho các ông Tổng thống suốt mấy chục năm qua xin lỗi các ông, xin lỗi nhân dân ông. Các vị Tổng thống của các ông đã dang tâm lừa dối các ông, lừa dối nhân dân ông, làm một cuộc chiến tranh giết hại hàng triệu nhân dân tôi, mà các ông thì bị thương tích đầy người. Sau khi ở Việt Nam về, rất nhiều người mới biết mình bị lừa gạt, bị mất mát, bị mắc bệnh hoang loạn tinh thần. Cựu chiến binh đã có tới gần 50 vạn người (theo con số điều tra xã hội học của các ông). Con số này với con số ghi trên bảng hình chữ V ở Oa-sinh-ton 58.116 người Mỹ chết ở Việt Nam sẽ làm cho nước Mỹ hàng vạn năm

sau còn ân hận, còn đau đớn vì sự sai lầm của các ông Tổng thống.

Hỏi: Thật lòng chúng tôi chưa thể khâm phục chính phủ ông trong việc xử lý nạn nhân chiến tranh. Xin hỏi, nếu ông làm Thủ tướng nước ông, ông sẽ đối xử với lính Mỹ chúng tôi như thế nào?

Trả lời: Nếu được làm Thủ tướng nước tôi, sắc lệnh đầu tiên của tôi công bố là lệnh giết hết lính Mỹ, không cho một ai chạy thoát về nước họ. Vì tôi cũng như các ông, vốn là lính, từng chứng kiến cái chết thê thảm, đau đớn của bao nhiêu đồng đội tôi, bà con thân thuộc của tôi, nên tôi không đủ sức bình tĩnh, đủ sự lịch lãm để tha cho các ông, như chính sách khoan hồng đầy tính nhân đạo, độ lượng của chính phủ chúng tôi đã dành cho các ông.

Hỏi: Các ông vẫn thường nói các ông dạy cho bất kỳ kẻ xâm lược nào một bài học đích đáng. Các ông đã từng dạy cho người Pháp, người Mỹ chúng tôi và gần đây dạy cho người «bạn láng giềng gần gũi», có đúng không?

Trả lời: Cảm ơn, ông là người am hiểu lịch sử của chúng tôi.

Hỏi: Thế khi kéo quân vào Cam-pu-chia, các ông còn nhớ bài học của các ông đã dạy cho kẻ khác không?

Trả lời: Các ông đã trông thấy nhà cháy và người bị thiêu trong đó bao giờ chưa? Trước nhà cháy và người chết, các ông làm gì? Còn người Việt Nam chúng tôi có câu: «Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại» là một tội lỗi không thể tha thứ. Ngoài lý do đó ra, lửa không chỉ cháy ở nhà hàng xóm, lửa đã cháy sang nhà chúng tôi. Pôn Pốt đã đem quân giết hại dân lành của chúng tôi. Báo chí các ông đã từng đưa tin năm 1978 chỉ trong một đêm quân Pôn Pốt đã giết hàng ngàn người trong một vùng Ba Chúc, huyện Bảy Núi, tỉnh An Giang của chúng tôi. Tại sao chúng tôi không có quyền tự vệ? Tại

sao các ông có quyền ném bom xuống Hi-rô-si-ma, đồng minh có quyền vào Béc-lanh, mà chúng tôi không có quyền đến Phnôm-pênh?

Hỏi: Các ông có lý, tại sao các ông đã có những đợt rút quân?

Trả lời: Chúng tôi sẽ rút toàn bộ quân đội Việt Nam tại Cam-pu-chia. Chúng tôi không muốn lặp lại một bài học đã dạy cho kẻ khác. Chúng tôi chỉ làm công việc chữa cháy và cứu người. Khi người đó tỉnh dậy, chúng tôi kiên quyết ra về dù rằng người chủ còn dùng dằng muốn chúng tôi ở lại.

Hỏi: Ông đến nước tôi, ông thấy Hoa Kỳ có đẹp hơn, giàu hơn nước ông? Người chúng tôi có thông minh không? Ông đã học được gì và ông nghĩ gì về những ngày ở đây?

Trả lời: Trời đã phú cho chỗ này một cảnh quan tuyệt vời. Những ngày sống trên đất nước các ông, mỗi bước tôi đi là mỗi bước ngập ngừng băng khuâng trước cảnh đẹp, sự trù phú của đất nước các ông. Còn sự giàu sang thì ở Việt Nam, tôi nằm mơ cũng không tưởng tượng ra sự giàu có như thế này. Các ông rất thông minh. Đặc biệt các ông có điều kiện hút được nhiều chất xám của loài người đến đây. Đã có một nước Mỹ chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học. Tôi đã học được các ông tính rõ ràng của mục đích. Đề đi tới mục đích, các ông biết khai thác triệt để, tàn nhẫn và không do dự (tất nhiên mục đích của chúng tôi và các ông khác nhau). Những điều làm tôi phải nghĩ ngợi, phải băn khoăn day dứt trong những ngày ở đây là câu hỏi: Tại sao một đất nước trù phú, đẹp và giàu đến thế này, một dân tộc thông minh và có tầng lớp trí thức ở tầng cao của trí tuệ như thế này, mà suốt mấy chục năm bị chính phủ lừa dối để làm một cuộc chiến tranh hết sức vô nghĩa, hết

sức phương hại đến truyền thống và lịch sử của dân tộc Mỹ mà các ông vẫn cứ nghe theo? Chính phủ các ông lừa dối các ông còn dễ dàng hơn cả những người ngu si bị lừa dối. Tại sao lại khó hiểu đến thế?

Hỏi: (người hỏi đã từng là trưởng đoàn của Mỹ đi tìm xác người Mỹ ở Việt Nam). Tôi xin hỏi ông hai câu. Ông có quyền không trả lời. Nhưng tôi nghĩ nhà văn cũng là nhà xã hội, chắc ông không từ chối câu hỏi của tôi.

Trả lời: Tôi sẵn sàng trả lời bất cứ câu hỏi nào của ông.

Hỏi: Câu thứ nhất, vừa rồi các ông trả chúng tôi 27 hài cốt người Mỹ, các ông đã lấy của chúng tôi hàng trăm ngàn tấn gạo để cứu đói cho nhân dân ông. Hiện giờ chúng tôi còn 40 hài cốt người Mỹ nữa, các ông để ở đâu? Nếu trả chúng tôi, các ông định đòi lấy bao nhiêu gạo và các vật chất khác để cứu cho dân ông khỏi chết đói? Câu thứ hai, Việt Nam có muốn đặt lại quan hệ bình thường với Mỹ không? Nếu muốn, các ông định xin gì ở chúng tôi để xây dựng đất nước ông?

Hai ông Kê-vin và Đê-vít Hăn là đồng giám đốc của trung tâm Gioi-nơ đều đứng dậy, mặt đỏ bừng như muốn bước tới túm lấy cổ áo người kia nói rằng: ông không được phép nhục mạ khách của chúng tôi. Anh Ngô Vĩnh Long một Việt kiều dạy lịch sử ở trường đại học Mên, dịch giả của nhiều tác phẩm văn học Việt Nam sang Mỹ, tác giả của nhiều cuốn sách nghiên cứu có tên trong từ điển danh nhân thế giới, là người có uy tín lớn trong giới trí thức Mỹ, di dịch giúp tôi buổi ấy. Anh nài khùng bảo tôi: Nó nhục mạ chúng ta, anh để tôi xử cho chúng nó một trận. Tôi bảo anh Long là không thể cãi nhau, anh cứ để mặc tôi. Tôi cũng ra hiệu cho hai ông Kê-vin và Đê-vít Hăn ngồi xuống. Tôi cười. Cũng không hiểu tại sao tôi lại cười được, khiến giờ giải lao có người ôm lấy

tôi khen: ông tươi quá. Trước lúc mở miệng cười tôi đã muốn ứa nước mắt vì uất giận. Vâng, chỉ mấy chục giây trước đây nghe anh Ngô Vĩnh Long dịch xong hai câu hỏi, tôi muốn bắn vào người đặt câu hỏi đó, giận đến run lên. Nhưng tích tắc đó tôi phải trấn tĩnh lại và nhận ra ngay rằng sự nhục mạ này không hề có cơ sở, nó cốt tạo ra sự lúng túng, ngập ngừng của mình hoặc một câu trả lời: tôi không biết việc đó, là người hỏi đạt được mục đích. Mục đích của ông ta cốt để cho những người có mặt ở đây không biết thực hư ra sao, nghi ngờ chúng ta. Vấn đề hài cốt người Mỹ là một vấn đề lớn, hầu hết dân chúng Mỹ quan tâm và sẵn lòng thông tin. Đã có bao nhiêu thông tin sai lạc, vu cáo lọt vào tai thân nhân những người Mỹ mất tích. Nghi ngờ chuyện này thì... « một sự bất tín... ». Vì thế tôi đã cười và trả lời ông ta.

Trả lời: Về câu hỏi thứ nhất của ông, trên đường tới đây, tôi gặp ngoại trưởng chúng tôi ở Băng-cốc. Tôi hỏi ngoại trưởng tôi một câu về vấn đề ông vừa hỏi, Ngoại trưởng tôi trả lời như sau: Trong lúc chúng ta còn vô vàn khó khăn, chúng ta chưa đủ sức tìm hết thân nhân ta, đồng đội ta, nhưng chúng ta sẵn sàng cộng tác giúp đỡ người Mỹ tìm ra thân nhân họ. Chúng ta sẵn sàng trả từng đốt xương người Mỹ khi chúng ta tìm thấy. Nhưng chúng ta không cho phép ai có quyền vu cáo, bịa đặt để nhằm bôi nhọ chúng ta. Anh sang Mỹ nói rằng nếu ai biết nơi nào có hài cốt người Mỹ, xin gửi địa chỉ cho tôi, tôi sẵn sàng làm tất cả những gì có thể làm được thỏa mãn yêu cầu của họ. Đây là nguyên văn câu trả lời, cũng là câu nhắn bảo của ngoại trưởng tôi. Tôi xin chuyển lời nhắn gửi đó đến ông. Xin ông đưa cho tôi địa chỉ những chỗ có dấu hiệu tìm thấy xác người Mỹ. Tôi xin làm liên lạc cho ngoại trưởng tôi và chúng tôi sẽ làm như đã nói.

Tôi dừng lại chờ đợi người vừa hỏi tôi như có ý giục bảo: « Anh đưa địa chỉ cho tôi ». Anh ta hơi nhìn lảng đi, có vẻ tránh cái nhìn của tôi. Tôi nói thêm: Tôi sẵn sàng ở nước Mỹ chừng nào ông đưa cho tôi địa chỉ. Chỉ cần ông hứa với mọi người ở đây là ông sẽ làm việc đó. Người Mỹ dô mặt và đứng dậy xin lỗi vì ông ta cũng chỉ nghe tin đồn như thế. Tôi nói thêm về câu hỏi thứ nhất, gần như là lời nói từ gan ruột tâm sự với ông ta: Thưa ông, ông là lính, tôi cũng là lính. Trong những ngày qua có rất nhiều người bạn Mỹ hỏi tôi, là tôi đã viết bằng sức mạnh nào để tạo ra những tác phẩm chân thật về chiến tranh. Tôi đã trả lời các bạn Mỹ rằng: tôi đã viết bằng máu của đồng đội tôi. Hàng trăm, hàng ngàn đồng đội tôi ngã xuống mà tôi đã nhìn thấy trong hàng chục năm ở chiến trường, là những sức mạnh bất diệt truyền vào ngòi bút tôi. Tôi đã viết bằng tất cả sự đau đớn, tiếc thương, kính phục những người đồng đội ngã xuống ở chiến trường. Kề cả chuyến đi này, nếu không có bao nhiêu đồng đội tôi ngã xuống, tôi không thể có một chuyến đi, một cuộc hội thảo với các nhà văn, các bạn bè hết sức thẳng thắn trong một không khí ấm áp tình bạn bè. Tôi nghĩ ông là lính, ông cũng đau đớn nỗi mất mát đồng đội ông. Ông thương xót nỗi mất mát của gia đình họ, nên ông mới tham gia làm trưởng đoàn những người Mỹ đi tìm hài cốt đồng đội ở Việt Nam. Không ngờ, qua lời nói và cách đặt vấn đề của ông vừa rồi, ông lại khinh bỉ đồng đội ông đến thế, ông rề rúng đồng đội ông đến thế là cùng. Đồng đội ông: những thân thể đã chết, dù thế nào thì người đã chết cũng được trân trọng trong một tình cảm thiêng liêng vô giá. Vậy mà, ông coi nó ngang tầm với gạo và vật chất tầm thường. Ông mang những thi thể đồng đội ông làm giá mặc cả để đổi chác gạo và vật chất khác, thì ở Việt Nam chúng tôi chưa có ai dám dũ

sức tàn nhẫn, phi báng đồng đội mình, làm ô danh đồng đội mình như cách mặc cả của ông vừa đặt ra.

Về câu hỏi thứ hai: không phải đến bây giờ, ngay những năm chiến tranh, chúng tôi đã phân biệt đâu là kẻ thù, đâu là nhân dân Mỹ. Đến bây giờ cuộc chiến tranh qua đi, chúng tôi, hơn ai hết, hiểu rõ nỗi khát khao bề bạn với tất cả mọi người sinh ra trên trái đất này, trong đó có nhân dân Mỹ, những người đã chống lại chính phủ Mỹ, ủng hộ cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc chúng tôi. Và, trong hoàn cảnh khó khăn sau cuộc chiến, chúng tôi sẵn sàng dang tay đón nhận tất cả mọi sự giúp đỡ của bạn bè bất cứ từ nơi nào gửi tới. Nhưng Việt Nam chúng tôi có câu: « Miếng trầu không đẹp mà đẹp ở tay bưng ». Nghĩa là, người bưng coi trầu đến mời chúng tôi, chúng tôi không hề quan tâm miếng trầu to, nhỏ, dài, ngắn ra sao, mà chúng tôi đề ý xem cử chỉ của họ có đẹp không, họ có tôn trọng chúng tôi không, họ có bình đẳng và thành thật với chúng tôi không? Nếu không có những cử chỉ tối thiểu đó, họ bẽ đến coi vàng, chúng tôi cũng sẵn sàng quay mặt đi. Ông là người sang Việt Nam nhiều, chắc ông bắt gặp những cử chỉ đó? Nếu chưa, xin ông tiếp tục sang Việt Nam, đề những người dân bình thường nhất của một làng quê nào đó cũng có thể giúp ông hiểu ra bài học đơn giản ấy.

Hỏi: Tôi đã từng vút xuống đất một đồng đô-la, họ cũng xô nhau vào nhặt, chứ chưa phải mời ai bằng bàn tay của mình.

Trả lời: Xin phép được các quý bà tha lỗi. Tôi xin hỏi riêng người đang đối thoại với tôi: Thưa ông, tôi thấy những cô gái điếm làm tiền một cách như nhóp, bần thiêu, dù thấy ở Niu-Yoóc không lẽ chẳng nữa, tôi cũng không tự biến mình thành kẻ ngu dốt, diên rồ mà không biết đến những người phụ nữ vĩ đại đã đẻ ra Anh-xtanh, Oa-sinh-ton và Huê-minh-uây... lại dám nói láo xược rằng tất cả

mọi người đàn bà sinh ra trên đất Mỹ toàn là những con đĩ như nhóp, tòm lợm. Thưa ông, ông có phản đối gì cách nghĩ của tôi không?

Người đàn ông ấy dầy nổi uất giận, ông ta nhấp nhòm, không biết định đứng dậy hay lấy thuốc hút. Nhưng tất cả các cử tọa, nhất là những người đàn bà, đều quay nhìn ông ta với một cái nhìn bực bội, căm ghét và khinh bỉ, vì chính ông ta đã làm nhục nước Mỹ, chứ người Mỹ đâu đến nỗi nhìn nhận một cách thiên cận và ngu xuẩn như thế.

Một tháng rưỡi trời đi bao nhiêu nơi, trả lời bao nhiêu câu hỏi, tôi không thể nhớ nữa. Tôi chỉ xin tập hợp nó lại thành một mục đề bạn đọc dễ theo dõi và tôi cũng muốn kết thúc phần đối thoại ở đoạn này đề mong cô bé bán xủi cảo của tôi ôm thúng tiền đầy thòi ra miệng cạp ấy cùng một tâm trạng như tôi, thấy tòm lợm những kẻ nào đó (cứ coi như là có đi) xô vào nhật một đồng đô-la của người Mỹ xô xiên kia. Tôi tin, cô cũng sẽ cau mặt lại khi đọc đến chi tiết này, muốn tát vào mặt kẻ nào đó (tôi nhắc lại, ta cứ giả thiết là có đi) làm ô danh chúng ta. Tôi tin cô như thế! Vì thúng tiền đang xò ra cả miệng cạp rồi, cô còn thiết gì một đồng đô-la? Liệu có đúng như tôi dự đoán không cô bé?

VI

NGHAY chiều ngày thứ hai đến Mỹ, tức là chiều 10 tháng 8, ngày thứ mười của chương trình hội thảo nói chung và ngày thứ hai của riêng tôi với các nhà văn

Mỹ, tôi được mời đi dự bữa cơm tối ở nhà một họa sĩ. Tôi từ chối vì những ngày đi đường quá mệt mỏi. Hai ngày «đổi thoại» cũng quá mệt mỏi, căng thẳng. Hội thảo còn hai ngày nữa. Hai ngày vẫn chỉ «ưu tiên» cho một mình tôi. Tôi muốn nghỉ ngơi và tĩnh tâm lại xem hai ngày tới còn những vấn đề gì đề đổi thoại. Không chỉ riêng với nhà văn, có cả sinh viên, giáo sư của một số trường đại học và chương trình trả lời phỏng vấn của hai đài truyền hình CBS và PBS. Rồi gặp gỡ với hàng trăm trí thức được mời tham dự chương trình hội thảo cùng các nhà văn tại thư viện Bốt-ston. Ông Kê-vin bảo: Tôi muốn ông đến gặp một họa sĩ rất yêu mến Việt Nam, ông ta vừa ở Việt Nam về. Ông ta đang chuẩn bị phối hợp với Bộ Văn hóa Việt Nam làm một cuộc triển lãm tại Việt Nam và Mỹ. Ông ta đã vẽ và tạc in ảnh Bác Hồ rất thành công — Nghe nói vậy, không những tôi nhận lời mà còn rất sợ vì một lý do nào đó tôi lại không có mặt ở nhà người họa sĩ tối nay, nhất là khi chiếc xe của tôi và hai xe nữa của Lavy Rốt-man Bin-Ohat và Brúc Uyết cùng bị lạc. Về sau, phải vào trạm điện thoại gọi về nhà Tô-mát, tên của họa sĩ — đề hai ông Kê-vin và Đê-vít Hãn đi tìm, chúng tôi mới không phải quay về. Tô-mát ra tận ngoài đường đón chúng tôi. Dù có anh Thương cùng đi nhưng Tô-mát nhận ngay ra tôi, anh gọi tên và ôm chầm lấy tôi. Thì ra, cái ông Mỹ trắng, đẹp trai và lịch lãm, có phần dịu dàng như người Á Đông này tôi đã gặp ở Bộ Văn hóa nước ta. Khi ấy tôi đến làm thủ tục xuất tặng phẩm văn hóa và ông cũng đến làm việc ở đó. Có người giới thiệu tôi sẽ sang Mỹ, ông đã hẹn tôi đến nhà ông chơi và tôi cũng đã nhận lời. Nhưng đã bảo khốn khổ cho tôi là, nhìn người nước ngoài tôi khó phân biệt và tên nước ngoài lại càng khó nhớ, thành ra tôi không thể ngờ lại đến chính cái nhà của người mà mình đã hứa sẽ đến.

Quả thật như Kê-vin nói, bữa cơm chỉ là có, thời gian chủ yếu là đi xem nơi làm việc của Tô-mát và nghe anh nói về những sáng tác mới của mình.

Ở tầng trên là một phòng tiếp khách lớn, hai phòng ngủ, một phòng ăn, một phòng bày tranh và cây cảnh, một phòng chờ và bếp. Tổng cộng sáu phòng ở tầng trên thì tầng dưới cũng diện tích ấy, nhưng không có sự ngăn cách, tất cả chỉ là một phòng vẽ và đặt máy chụp, máy in. Giữa phòng vẽ, trên tường treo ảnh chụp chân dung Bác Hồ cỡ lớn, ước lượng chiều 60, chiều 90 hoặc hơn. Ở Việt Nam, trong mỗi gia đình, mỗi cơ quan đều treo ảnh Bác Hồ, ngày ngày tôi vẫn thấy Bác là lẽ đương nhiên, nhưng nhìn hình ảnh Bác được treo trang trọng, kính cẩn trong phòng làm việc của một nghệ sĩ người Mỹ thì không thể không thấy lòng mình rung rung cảm động, như lần đầu tiên trong đời được nhìn thấy ảnh Bác. Cũng chưa bao giờ lại thấy niềm kiêu hãnh lớn lao đến thế. Bác không chỉ là lãnh tụ thiêng liêng, người Cha già của dân tộc Việt Nam, mà ngay giữa lòng một cường quốc tưởng dè bẹp chúng ta, ngay giữa những con người một thời từng là kẻ thù, từng cầm súng bắn vào chúng ta cũng phải kính nể, Tô-mát đã vẽ Bác bằng ấn tượng thiêng liêng, bằng sự rung động sâu xa của trái tim trai trẻ của mình. Anh là lính Mỹ sang Việt Nam vào dịp Bác mất. Đóng quân ở vùng rừng núi Gia-rai – Công-tum, anh không thể hình dung ra Bác ngoài những tin tức được truyền cho nhau: Cụ Hồ là lãnh tụ của cộng sản Bắc Việt. Nhưng anh đã chứng kiến sự đau đớn khôn nguôi, lòng nhớ thương vô hạn của dân chúng Việt Nam, dù là dân chúng trong vùng kiểm soát của quân đội ngụy và đồng minh là các anh. Dân chúng Việt Nam, người Kinh cũng như người Thượng, người già cũng như người trẻ, là dân hay là lính, đều bất chấp sự đe dọa của nhà chức trách địa phương, không cần giấu giếm nỗi đau đớn khi tin Cụ Hồ qua đời. Quả

thật, anh chưa hề nghe ai kể rằng quân lính trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, lại có thể «bất động» như một lời tuyên bố ngấm cái lệnh «ngừng bắn», khi một lãnh tụ phía đối phương của mình qua đời. Đây là những câu hỏi buộc anh phải hỏi. Phải hỏi tại sao? Nhưng không thể trả lời. Anh không thể trả lời, khi anh còn là một người lính đã mất hết tự do và không thể có điều kiện để hiểu vì sao vị lãnh tụ đối phương lại có sức mạnh ghê gớm đến thế. Mãi sau này, anh mới kiếm được tấm ảnh của Bác. Câu hỏi lớn của anh đã được gọi mở. Cụ già đầy trí tuệ này độ lượng, bao dung và có cái gì đấy hết sức kỳ lạ không thể giải thích. Anh thấy mình bé nhỏ, thấy mình như được săn sóc, hỏi han, như người con được người cha tự biết hết mọi tình yêu và ý nghĩ của mình. Tô-mát kể, anh đã phác thảo chân dung của Bác bằng ấn tượng ấy. Nhưng phác thảo của anh mới biểu hiện được Bác Hồ với dáng hiền từ, thông thái như một ông tiên. Bác Hồ còn là một biểu tượng của sự bền ba, từng trải, một người tự nguyện sống một cuộc sống lam lũ, khổ cực của lớp người tận «đáy» xã hội. Ở Người có cái nhìn xuyên thấu, mỗi hành động, mỗi lời nói có sức thuyết phục đối với mọi người. Những ai đã gặp Bác đều giữ lại một cái gì rất riêng biệt, rất nhân hậu Việt Nam, rất Hồ Chí Minh. Những trang sách đã tìm đọc chưa đủ hiểu về Bác, Tô-mát phải dừng lại phác thảo để nghĩ ngợi, để xúc cảm và tưởng tượng. Anh đã tìm đến một nhà hàng ở Bốt-ston. Nghe nói năm 1916 Bác Hồ đã đến làm việc ở đây. Anh hình dung ra công việc của một chàng thanh niên gầy gò, nhanh nhẹn làm chân phục dịch, rửa bát và nấu bếp. Chỉ còn lại ngôi nhà, không còn dấu tích gì của Bác. Người Mỹ không thể nào ngờ chàng thanh niên đó đã trở thành lãnh tụ sau 29 năm có mặt ở nước Mỹ, nên không giữ lại được kỷ vật nào. Cũng không còn ai và không biết ai còn nhớ người thanh niên bình thường

ngày ấy mà hỏi. Nhưng từ ngôi nhà ấy đã như gọi ý, đã như thôi thúc anh trở về vẽ lại phác thảo. Chỉ trong một ngày, một đêm anh đã hoàn thành chân dung Bác. Tuy chưa biểu hiện được hết những nét độc đáo, linh thiêng như cuộc đời Bác, nhưng anh thấy hài lòng vì đã lao động hết sức mình, khai thác hết khả năng và tình cảm của mình. Anh đã vẽ chân dung Bác vào những năm cuối đời của Người. Những năm Người ban ra lời kêu gọi bất hủ: «Không có gì quý hơn độc lập tự do» để đánh thẳng giặc Mỹ xâm lược. Và, đề bảy giờ chính bàn tay người lính Mỹ trong đội quân xâm lược ấy đã vẽ lên chân dung vị lãnh tụ của «đối phương», với một tấm lòng kính cẩn, một tình yêu chân thành. Những ngày sau khi vẽ, anh làm các công việc chuẩn bị đề chụp và in bức chân dung Bác. Hàng trăm bức ảnh in này đã được đến với người Mỹ. Như bất cứ người Việt Nam nào ở nước ngoài khi bắt gặp những cử chỉ, những việc làm tỏ lòng kính yêu Bác mình, tôi đã cảm ơn Tô-mát, cảm ơn ông Kê-vin, ông Đê-vít Hãn và những bạn nhà văn Mỹ đã dành những giờ trang trọng cùng tôi chiêm ngưỡng tác phẩm của Tô-mát về Bác Hồ của chúng ta.

Những ngày ở Bốt-ston tôi còn bắt gặp những gia đình cựu chiến binh Mỹ treo ảnh Bác ở vị trí trang trọng trong phòng khách nhà mình. Còn những gia đình yêu nước của cộng đồng người Việt thì bị bọn phản động nguy trang bằng cái tên «kháng chiến» không chế chỉ dám treo ảnh Bác và cờ Tờ quốc trong ngày Quốc khánh 2-9. «Chú ơi, ngay các giáo sư lịch sử người Mỹ còn phải thừa nhận và giảng cho chúng cháu về lòng hy sinh và yêu nước của Cụ Hồ, mà mấy ông «kháng chiến» ở đây lại cấm đoán nói đến Cụ, nói đến chính phủ đảng mình hiện nay. Đến khi nào thì chúng cháu treo cờ đảng mình và ảnh Bác Hồ không phải vụng trộm giấu giếm? Buồn lắm chú ơi!» — Những sinh viên người Việt đã hỏi tôi như

thế. — Đáng lẽ câu đó chú phải hỏi các cháu — Tôi nói:— Các cháu sẽ treo ảnh Bác khi không còn sợ sự lừa gạt, dọa dẫm đó nữa — Nhưng nhiều người còn sợ mấy « ông » lắm chú ơi — Các cháu giúp cho họ đỡ sợ đi. Các cháu có nhiều bạn bè lắm, nhất là các bạn sinh viên Mỹ đều sẵn sàng ủng hộ các cháu yêu mến cội nguồn của mình...

Có thể nói, hình ảnh Bác Hồ đã ăn sâu trong nhiều tầng lớp cựu chiến binh, trí thức, sinh viên và các giới khác ở Mỹ. Hầu như mỗi ngày đi làm việc, tôi đều bắt gặp hình ảnh Bác trên đường. Nếu tính từ Bốt-ston đi Con-cốt thì phía trái đường có ba cây xăng rất lớn, có đường kính hàng trăm mét, từ xa vài ki-lô-mét đã nhìn thấy nó. Ba cây xăng đồ sộ ấy đều được trang trí xung quanh rất hấp dẫn. Một trong ba cây xăng, cây ở giữa có những đường xanh, đỏ, vàng chạy từ đỉnh xuống, như những đường vân. Đó là hình Bác Hồ ngồi nghiêng, thấy rõ vàng trán rộng, đôi mắt sáng và chòm râu dài. Bác dang mím cười hiền từ. Ai chưa hề nhìn ảnh Bác thì xem như là những đường trang trí, nhưng đã nhìn ảnh Bác một lần, đều nhận ra ngay. Bất cứ một người bạn Mỹ nào đi với tôi, đều tưởng tôi mới qua đây lần đầu, nên ai cũng ra hiệu cho tôi nhìn về phía ấy và nói câu tiếng Việt rất sôi: Bác Hồ. Tác giả bức tranh được biểu hiện rất tế nhị ấy, không ai biết rõ ràng. Người ta chỉ nghe mang máng hình như của một bà họa sĩ nổi tiếng nào đó đã nhận vẽ thiết kế công trình này. Không ai biết tác giả, nhưng những người Mỹ qua đường đều nhận ra Bác Hồ và họ hết sức tự hào giới thiệu với khách từ Việt Nam tới.

Cũng những ngày ở đây, tôi mới hiểu vì sao mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9 của chúng ta, Bác lại trích câu nổi tiếng của bản tuyên ngôn hiến pháp của nước Mỹ năm 1880. Thì ra, từ những năm cả dân tộc chìm đắm dưới gót giày thực dân Pháp, Bác đã tìm tới

tận sào huyết của chủ nghĩa tư bản và lại đến nơi đầu
não của nước đế quốc đầu sỏ này. Bốt-ston thuộc bang
Mát-sa-xu-sét là cái nôi của cuộc cách mạng giải phóng,
là cái gốc của nền văn minh, văn hóa Mỹ. Hẳn là Bác đã
đến Con-cốt, nơi bùng nổ cuộc cách mạng giành độc lập.
Bác đã xuống con tàu đầu tiên vượt đại dương đi các
châu lục và đến Việt Nam vào năm 1884, ở Đà Nẵng,
Bác đã đi qua tất cả. Đã đến tận cùng của những trung
tâm văn hóa, khoa học, các chế độ xã hội khác nhau
của tất cả loài người, để rồi trở về tìm ra cái sức
mạnh riêng biệt độc đáo của dân tộc Việt Nam. Để rồi,
Bác đã lãnh đạo toàn dân đứng dậy làm cuộc cách
mạng thành công, chiến thắng bất cứ kẻ xâm lược
nào, ở bất cứ châu lục nào, với bất cứ sức mạnh vật
chất nào. Phải hàng trăm, hàng ngàn năm sau những
kẻ xâm lược Việt Nam còn thấy thối thía, còn hằn lại
nỗi đau bài học từ Việt Nam. Để rồi, chính những người
trong hàng ngũ kẻ thù ấy phải kính trọng vị lãnh tụ
vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Để rồi, chúng ta lớp
lớp con cháu của Người có thể ngang mặt bước đi đàng
hoàng, đến bất cứ một nơi nào trên trái đất này vẫn
có thể kiêu hãnh với niềm tự hào là người dân Việt Nam,
con cháu của Bác Hồ. Việt Nam — Hồ Chí Minh — Việt
Nam — Hồ Chí Minh... Cái đêm mùa thu se se lạnh ấy,
chúng tôi, những người cựu chiến binh Mỹ và Việt Nam
đứng trên tầng thứ 50 của một lâu đài giữa Oa-sinh-ton
nhìn xuống dòng sông Tô-mát rập rờn ánh điện, khoác
vai nhau hát lên cái điệp khúc ấy. Việt Nam — Hồ Chí
Minh — Việt Nam — Hồ Chí Minh... Nước mắt tôi giàn ra
từ lúc nào không hề biết. Chỉ nhớ rằng, tôi muốn kêu lên:
Ngờ đâu tôi lại được hát về Bác kính yêu của chúng ta
ở đây. Mà đâu chỉ riêng tôi. Cả những người bạn Mỹ đã
từng là kẻ thù, có thể bắn chết tôi bất cứ lúc nào trong
cuộc chiến tranh ở Việt Nam, bây giờ cũng đang ôm lấy

vai tôi, nhịp chân rầm rập trong bài hát về Bác của chúng ta. Hồ Chí Minh — Việt Nam — Hồ Chí Minh. Tiếng hát của tôi và của những người Mỹ mỗi lúc một đông, vang mạnh lên, hòa vào nhau bay trên tầng thứ năm mươi của tòa lâu đài giữa thủ đô nước Mỹ.

VII

Ở các cuộc họp mặt, hội thảo, đối thoại thường có những chiếc bàn kê quanh phòng chất đầy các chai bia, rượu, cô ca, nước suối, cam, chanh, những bình téc-mốt cà phê, sữa, những trái cây, bánh mì, xúc xích, thịt nướng, bít tết, thịt viên, trứng cá... Giờ giải lao mọi người thích uống gì, thích ăn gì cứ việc đến đấy mà «nhặt». Thậm chí chả cần đến giờ nghỉ, khi mới đến hoặc đang ngồi trong hội nghị thấy đói, thấy khát cứ ra «nhặt» mà dùng. Không ai mời ai, ngay cả hẹn anh đến nhà riêng ăn cơm cũng không mời nài, ép ường bất cứ một cái gì. Kề cả hàng chục loại rượu và bia đầy ngồn ngang ra đấy, anh không dùng một giọt trong những buổi liên hoan «hết mình», những phút trang trọng của cưới xin, tết lễ, những kỷ niệm di, ở hay hạnh phúc sum vầy không bao giờ bị ép buộc, ngửa mặt nhau ra mà dốc rượu đến nòn ra nèn mà vẫn phải «chạm cốc», vẫn phải đồ rượu ồng ộc vào mồm. Càng là khách quý, càng bị «chạm». Nếu anh không tự giác sẽ có người «đồ hộ», đồ «hết lòng» với nhau, như ở những nơi khác. Họ cho đó là cách sống của mấy trăm năm trước của kẻ ít văn hóa, làm mất thích thú riêng của từng người. Ngày đầu tiên

trong hội thảo, tôi bị dói, vì cứ chờ những người chủ mời. Những ngày sau thì quen rồi, nếu không quen, họ cũng quen mình, nếu trong bụng họ chưa có nhu cầu. Hiểu thế, dù đang bàn luận, đang đi đứng, thấy dói bụng, tôi cũng dừng lại, « đi nhặt ». Vừa ăn, vừa làm việc, hoặc chưa có đồ ăn, uống quanh dấy thì cũng nói họ dừng xe lại để ăn, uống. Đến cửa hàng, ăn gì, uống gì mình thích cứ nói thẳng ra, hoặc tự nhặt món mình thích, không ngại họ phải trả tiền nhiều hay ít, miễn là đúng món mình cần, mình thích. Tôi nói đến chi tiết này vì những ngày ở đây tôi có cảm giác người Mỹ đã quên đi rằng ở trên đời này có ba thứ phải nghĩ đến nó, lo toan về nó. Đó là ăn, mặc và tiện nghi trong sinh hoạt. Với một kỹ sư loại trung bình bốn ngàn đô-la một tháng thì ăn một ki-lô-gam thịt gà đã làm sẵn hết bốn đồng, một ki-lô-gam thịt bò nỡn bảy đồng, uống một hộp bia tám hào thì chuyện ăn uống có là gì? Một bộ quần áo bò năm chục thì việc ăn mặc cũng chẳng là gì. Một xe cúp hào hạng 500 đồng, một bộ vi-de-ô bảy hệ một ngàn đồng thì tiện nghi cũng không là gì nốt. Việc ăn mặc so với chúng ta, người Mỹ phải mua đắt gấp năm, bảy lần nhưng so với đồng lương họ kiếm được lại vô cùng yên tâm, không hề phải nghĩ ngợi, tính toán. Hàng trăm năm nay, nước Mỹ chỉ một lần khủng hoảng kinh tế lớn vào năm 1929, còn từ đó đến nay giá cả lên xuống không đáng kể, nên không phải ăn nhịn để dành. Làm được một ngàn có thể tiêu xài vài ba ngàn cũng chả sao. Từ cái nhà giá mấy trăm ngàn đến một lọ mắm tôm, chai nước chấm, nếu không sẵn tiền đều có thể mua chịu. Chịu bất cứ ở cửa hàng nào, vào bất cứ lúc nào trên toàn nước Mỹ. Vậy việc gì phải ăn nhịn để dành, việc gì phải đề phòng lo xa, việc gì phải như cộng đồng người Việt ở đây lúc nào cũng phải trừ lương trong túi, làm một ngàn chỉ ăn tiêu một trăm, hai trăm, dù hào phóng đến mấy, hoang phí đến mấy, cũng vẫn còn thói quen nhịn ăn để dành, phòng khi trái nắng trở trời.

dành dụm chi tiêu những việc lớn, ra tắm ra miếng. Cả đời chi lo đề dành làm những việc lớn, tiêu pha ra tắm ra miếng, thành ra cả đời tũn mủn, vụn vặt, kè cả chi lớn vẫn là cò con, là thiên cặn... Đã vô cùng đầy đủ, lại tiện lợi, đến nỗi con người ở đây trở nên tẻ lạnh, sự thuận tiện trở nên chán chường, thờ ơ ở tất cả mọi lĩnh vực. Mỗi sáng ngủ dậy, hai vợ chồng (thường là chi có hai vợ chồng, rất ít nhà có con hoặc có thì đã có người trông, có người lo hộ, đề hai vợ chồng quên đi mình đã có con) chi kịp hút chung với nhau điếu thuốc, rồi ai lái xe người ấy đi làm. Cần ăn, cần uống gì đã có những tủ gắn vào bờ tường. Đọc đường có đủ các loại uống, các loại ăn diêm tâm, bán hàng 24 trên 24 giờ. Chi cần cho xe dừng lại ở đường trong cùng, đường dành cho xe đỗ, rồi cho từng đồng hào, nếu không có đồng hào, cho tiền giấy vào khe đõi tiền, nghe keng một tiếng, những đồng hào rơi ra, anh vợ lấy rồi cho số lượng hào, xu cần thiết của mỗi loại giá, vào từng khe của loại hàng ấy rồi lại nghe xoạch một cái, nó rơi ra thứ anh cần mua. Thuốc lá, bánh mì không, bánh kẹp thịt, bánh ngọt, sữa, nước ngọt, bia... Cái anh cần ăn, cần uống, cần hút chi mất một phút là có tất cả, quay lại xe vừa ăn, vừa uống, vừa hút, vừa lái xe đến công sở. Chiều về, tất cả đã có sẵn trong tủ lạnh. Chồng ăn gì, uống gì, vợ ăn gì, uống gì, cứ việc lấy ra mà dùng. Vừa ăn, vừa đọc sách, xem băng vi-de-ô, hoặc xem phim, đọc báo. Cả tuần không phải mua bán, nấu nướng gì. Đến chiều thứ sáu hai vợ chồng đánh xe về một cửa hàng nào đó, đề xe phía ngoài rồi mỗi người lấy một cái xe đẩy đi «nhặt». Nhặt từng cái băng vi-de-ô, băng nhạc đến quả dưa chuột, bắp ngô, củ khoai... Ở trái đất này, thiên nhiên đã sinh ra cái gì, con người làm ra cái gì, ở bất kè Âu hay Á, bắc hay nam cực, trên trời, dưới biển có cái gì, thì ở cửa hàng Mỹ có cái đó. Hai vợ chồng «nhặt» chừng nửa

giờ đủ cho ăn chơi, mọi sinh hoạt trong một tuần. Sau cái việc vất vả nhất ấy họ ra bờ biển. Tùy theo sự đòi hỏi có thể đi ngay từ tối thứ sáu hoặc sáng thứ bảy. Cũng tùy theo nhu cầu mà ở lại đó đến sáng thứ hai hoặc ngay tối thứ bảy đã trở về thành phố. Đến bờ biển gần năm bảy chục mai (mỗi mai khoảng 1,8 ki-lô-mét) đi hết một giờ. Đi trên đường đã là du lịch thưởng thức cảnh đẹp và hưởng không khí mát mẻ. Đến nơi cắm dù, cắm ô, trải bạt, trải giường, đây ngạp ngựa bia, nước ngọt, thức ăn xung quanh. Tắm, bơi, đùa giỡn với sóng, rồi lên nằm thanh thản ở bạt, ở những chiếc giường gấp mà phơi nắng, tắm gió, tắm m.ưa, và uống, và ăn và nằm ngửa như chết hàng năm, bảy giờ đồng hồ. Đêm đến khi cần ngủ, chỉ việc chui người vào chăn, kéo phéc-mơ-tuya kín như cái bao. Tùy theo nhiệt độ mà «bao» dày hay mỏng.

Không riêng đường ra biển đông đúc, khắp nước Mỹ, đường một chiều 9, 10 làn xe không một hạt bụi. Hai bên đường cỏ xén bằng, rộng hai mét như là một đường viền trang trí, hài hòa giữa nền đường loang loáng và rừng xanh bạt ngàn. Đi khắp nước Mỹ cảm giác như đi giữa rừng cây hun hút. Xe du lịch nối nhau vun vút hàng trăm ki-lô-mét không có đoạn đường trống. Đây là chưa kể tàu hỏa chạy liên bang từ một trăm đến trăm rưỡi ki-lô-mét giờ, suốt ngày đêm.

Ăn mặc «quên đi». Đi lại, chơi bởi «quên đi». Ở cũng «quên đi». Đến chơi nhà một người bạn ở Niu-Yoóc tôi chỉ việc đứng ở dưới vỉa hè, ấn vào số phòng của anh chỗ bờ tường. Từ trên phòng 8.072 tầng thứ 80 ấy, anh ta đang cạo râu, hay ngồi đọc sách, hoặc nằm ở buồng ngủ... cũng nghe chuông reo và trông thấy tôi. Anh nói từ phòng ấy, ở dưới này tôi nghe thấy và tôi nói «vào tường» anh cũng nghe rồi ấn vào cái nút ở phòng anh cửa dưới này mở ra đề tôi đi vào thang máy lên với anh

Hãng người một cái là đã mười tầng. Chỉ cần tám cái «hãng» của thang, tôi đã đến trước cửa phòng anh. Rồi khi chủ vắng nhà nếu có người gọi, điện thoại trả lời thay và khi chủ về, «nói lại». Rồi ăn uống xong vứt bát, đĩa, thìa, đĩa, dao, nếu chúng làm bằng nhựa, hoặc dè cho máy rửa, nếu làm bằng sứ, bằng nhôm. Rồi, bao nhiêu thứ khác đều hết sức tiện lợi. Nhưng điều gì làm cho người Mỹ và cộng đồng người nước khác sống trên đất Mỹ hoảng sợ. Sự hoảng sợ ngọt ngào, êm ái, không bao giờ có cảm giác thấy mình phải hoảng sợ trước bất cứ một cái gì. Tôi trở lại đồng lương và làm hộ người nội trợ trong một gia đình Mỹ dè hạch toán. Chẳng hạn, hai vợ chồng có một đứa con, chồng là giáo sư hoặc giám đốc một phân xưởng sản xuất, vợ là giáo sư hoặc kỹ sư, bác sĩ, luật gia... Lương của hai người khoảng từ tám đến mười ngàn đô-la (bằng 16 đến 20 cây vàng) một tháng, được chia như sau: Các loại thuế: thuế thờ, thuế di, thuế ở, thuế sống... hết một phần ba. Tiền ăn và học của con hết nguyên số lương còn lại của chồng. Thuê nhà tối thiểu ba phòng, loại mặt hạng cũng hết hai cây. Tiền xăng của hai xe đi lại ít nhất một cây. Ăn uống của hai vợ chồng hà tiện nhất, «đạm bạc» nhất cũng hết ba cây. Còn lại một cây, tức là 500 đô-la phải chi bao nhiêu thứ: xà phòng, nước hoa, giặt quần áo, sách báo, băng vi-de-ô, băng nhạc, tiền gọi điện thoại và bao nhiêu khoản vặt vãnh khác. Ấy là chưa kể nếu anh nghiện thuốc lá, tiền đi xem, tiền đi xe, tiền may mặc, đi chơi, đi nghỉ... Cũng chưa kể đến tiền «ốm». Một lần khám bệnh thông thường hết hơn một ngàn đô-la. Nhờ một cái răng hết 400 đô-la. Nằm viện trung bình mỗi ngày hết 500-600 đô-la. Vì thế người Mỹ rất sợ ốm, nói đúng ra là không dám ốm. Ốm thì lương đau, trả tiền bệnh viện bằng gì, dù rằng có bảo hiểm của công ty, của ông chủ nơi mình làm, nhưng làm sao anh có thể ốm liên miên vài ba tháng.

Vắng mặt anh, kế hoạch không bảo đảm, ảnh hưởng đến lời lãi là người ta sẵn sàng thay người khác, sẵn sàng mời anh «ngồi nơi cho khỏe».

Nhưng người Mỹ hờn nhiên không bao giờ cảm thấy thiếu. Vì cái tính ưu việt của nước Mỹ là «mua chịu». Như đã nói, thượng vàng, hạ cám anh đều có thể mua chịu và không mấy khi bị thúc bách trả, miễn là anh chịu đúng lãi suất lũy tiến theo thời gian. Tất cả đều dễ dàng, thoải mái hết mức, tự do hết mức. Chỉ có một điều kiện nhỏ không đáng kể gì, ấy là anh, chị hay ông, bà đang còn sức lực, với một nghề nghiệp vững vàng, đang làm việc cho một ông, bà chủ nào đấy. Còn khi anh, chị, ông, bà mất việc không còn việc làm nữa thì chỉ một vài ngày sau, cùng lắm là một vài tuần sau, anh, chị, ông, bà mang con cái ra đường mà đứng xin, mà ngủ, mà ăn uống, sinh sống với nhau ở vỉa hè ấy. Vì rằng ông chủ nhà sẽ đòi nhà ngay khi anh thôi việc. Ông chủ phương tiện đến đòi phương tiện. Ông chủ nợ đến đòi nợ. Nếu không trả, anh phải ra tòa, chịu thêm phí tiền cho tòa án, còn điều đứng hơn. Vì thế người Mỹ không những chỉ sợ không dám ốm mà rất kính sợ, rất kính nể ông chủ. Làm hết lòng, hết sức, hết hơi cho ông chủ một cách hăng hái, nhiệt huyết. Tự giác một cách hứng thú, hấp dẫn cho đến khi nào hết hơi, hết sức mới được hưởng trợ cấp thất nghiệp, mới dám rời ra khỏi ông chủ. Nhưng khi «rời ra» thì các khớp xương cũng đã sẵn sàng «rời» ra khỏi cơ thể mình.

Những ngày sau này tôi có đến ăn xúi cáo mấy lần ở phố N. Cô gái thu tiền, bạn quen của tôi đẹp tí tởn, tràn đầy sức lực ấy đã biết tôi có được sang Mỹ ít ngày. Cô cười sáng khoái hỏi tôi: «Anh ơi, chủ nghĩa tư bản *lô* thú vị như thế *lào*?». Tôi không làm thất vọng sự đặc chí của cô. Vừa bê tô xúi cáo đặt xuống bàn, tôi vừa cười: «Nó thú vị lắm». Cô

dậy cái mẹt lên miệng thúng khảo và dè lên trên nó một con dao bầu. Đặt thúng xuống chiếc ghế, vốn là chỗ ngồi của cô đề bước sang bàn tôi ngồi. Quay người đi, một linh tính kỳ diệu nào đó khiến cô như chợt dạ quay lại cúi xuống nhắc mẹt ra. Đúng là nửa tờ giấy một ngàn tờ ra miệng cặp thúng, có nguy cơ bị rơi ra ngoài. Cô cầm tờ bạc đặt lại gọn ghẽ trong thúng, vẫn giữ nụ cười giấu cợt đến ngồi trước mặt tôi: « Anh kể cho em một vài chuyện *lố* « thú vị » đi anh » — « Biết chuyện gì kể bây giờ nhỉ ? » — « Chuyện gì cũng được » — « Nhưng cô trả thù lao bao nhiêu ? » — « Anh ăn xả lảng. Hôm *lay* em chiêu đãi anh » — « Nhưng cô phải giúp tôi một việc cơ » — « Ô kê, xong ngay, anh cứ *lói*, việc gì em thấy có thể làm được » — « Chắc không khó lắm đâu ». Tôi rút trong túi xách ra một lá thư và bốn tấm ảnh màu của một người Việt kiều gửi. Khi về nước, phần vì bận rộn, phần vì cái tính quên lãng rất đáng nguyên rủa của tôi, nên lá thư trong túi hàng tháng chưa đem đến tận tay thân nhân của anh. Cô bé bán xủi cáo hứa : bằng mọi giá, cô sẽ làm tròn nhiệm vụ quan trọng này trong vòng một, hai ngày tới. Thế là « ngã giá ». Tôi đã kể cô nghe cái chuyện của chính người có lá thư và bốn tấm ảnh này. Anh tên là Trầm, một thầy dạy vật lý lớp 10 (nay tương đương lớp 12) giỏi vào loại nhất ở một tỉnh miền núi. Theo đúng lời hứa hẹn thì năm năm đi xa anh có thể trở về dạy ở Hà Nội để thỏa mãn một nguyện vọng thiết tha : một buổi đạp xe đến trường, một buổi khom người chui lên cái gác xếp tối âm u đọc sách, soạn bài và nghiên cứu qua ô vuông sáng của miếng kính bằng nửa bàn tay trên mái. Nhưng mười ba năm anh vẫn chưa « đến lượt ». Cô sinh viên trường múa vừa tốt nghiệp, kiên quyết không đi xa và kiên quyết không cho anh cưới, nếu anh không về Hà Nội. Anh bỏ nghề dạy học trở thành người không hộ khẩu, sống lén lút với cô vợ mới cưới trong căn hộ chật hẹp của một gia

đình có đến 11 anh em. Bốn tháng sau, được thăng em kế mình giới thiệu, anh làm hợp đồng vẽ bìa và minh họa cho một tờ tạp chí. Không hề học hành, bằng cái « hoa tay » và sự thông minh của mình, anh được cả ban biên tập và bạn đọc tín nhiệm. Nhưng rất nhiều năm sau không vào được « biên chế », vì không có hộ khẩu. Vợ chồng anh đành gánh trên vai tội bất hiếu với cha mẹ, lừa gạt bạn bè, anh, chị, em (vì phải vay vàng đề góp), phản bội Tổ quốc đề vượt biên. Tôi gặp anh qua một đường dây giới thiệu của các em sinh viên Việt Nam ở trường đại học Mát-sa-xu-sét — Chú « Việt cộng » (bất cứ ai ra đi từ miền Bắc cũng được ghi trong các văn bản tiếp nhận là Việt cộng) ấy tốt hết mức, giảng cho chúng cháu hiểu rất nhiều chính sách của chính phủ đảng mình. Chú Trầm gương mẫu và thông minh lắm chú ơi... Khi tiếp xúc với Trầm tôi còn có cảm tình với anh hơn những gì đã nghe. Mới đến Mỹ bốn năm, anh không những dùng tiếng Anh thành thạo như người ở đây hàng chục năm, mà còn là thợ lắp ti-vi và com-pu-tơ của cả hai công ty. Lương tháng cả hai nơi là từ tám đến chín ngàn đô-la... — « Ôi ! ». Cô bé bán xúi cáo hơi rùng người kêu: « Mười tám cây một tháng hả anh? » — « Ừ, tính ra cây thì 16 đến 18 cây một tháng đấy ». Đôi mắt đen long lanh của cô bừng lên. Đôi mắt đáng yêu vì nó đẹp, cuốn hút làm sao. Rồi nó lại đáng ghét làm sao, vì không lúc nào nó che giấu nỗi sự thèm muốn vô cùng ở mọi lĩnh vực. « Tôi kể tiếp nhé » — « Vâng, anh kể đi, anh kể nhiều vào anh nhé. Em lấy bìa anh uống, hay anh uống bột đậu *lành*? » — « Rất nhiều lần hẹn hò và có cả những bạn thân của anh giúp tôi, anh mới mời tôi đến nhà. Thực ra, từ bữa quen nhau Trầm muốn nói chuyện với tôi lắm. Tôi biết chắc chắn thế. Nhưng vốn người Hà Nội lịch lãm, lại mặc cảm mình là kẻ hèn mạt, kẻ phản bội, anh không dám gặp gỡ, không dám tiếp xúc với bất cứ người Việt nào công tác sang

Mỹ. Anh nói chuyện với rất nhiều người về tôi và cũng lại hỏi dò rất nhiều về tôi. Đã từng đọc của nhau, nghe nhau từ trong nước, đến đây lại phải dò xét và rứt rề. Tôi phải chủ động nói với anh qua máy điện thoại (những người khác cho tôi số máy) rằng tôi đã biết anh từ khi ở nhà. Chính tôi đã có cái chuyện được anh minh họa. Tôi là bạn rất thân thiết của chú anh. Tôi là... Anh mới đến gặp tôi sau hai lần hỏi hai người bạn cũng đã gặp tôi: «Liệu có nên không? Anh ấy có nghĩ gì về tôi???». Khi anh đến tôi, cái mặc cảm hồ thẹn được xóa đi, nhưng anh vẫn sợ cô ấy. Cô diễn viên múa ấy, tôi cũng đã có lần xem cô biểu diễn ở trường. Nhưng... hai lần tôi tìm đến nhà đều: «Nhà em bị đau đầu không ra tiếp các anh được».

Nhà Trầm có ba phòng gọn, xinh và ấm cúng. Anh đã chuẩn bị sẵn những ấm chè Tân Cương hay loại chè gì đó mua tận Hồng Kông. Uớp trong sương, trong tuyết gì đó, hái và sao, ướp và gói gì gì đó toàn những là đặc biệt. Nghe anh nói say sưa, đầu óc tôi tối mù lên chỉ biết là rất thích thú, há mồm ra nghe, chứ không thể nhớ nó là thế nào. Anh nói, từ khi đồ nước sôi đầy tràn lên ấm chén phải thế nào, rồi bóc gói chè ra sao, rót nước thế nào, nước phải đun bằng gì, nước gì. Vừa nói, anh vừa làm. Khi rót nước vào cái ấm da lươn bằng ngón chân cái thì một tay anh phải trùm lên cái ấm như một cái chụp sắt chụp lấy nó, như thề sợ tôi và một người nữa là bạn rất quý của anh, sẽ táy máy sờ nghịch vào đấy, làm tan hoang cái công trình lớn lao của anh. Đợi mấy phút tôi cũng không nhớ, chỉ biết anh bảo phải đợi đúng cái lúc các cánh nó vừa duỗi ra, chứ không được để nó trương, để trương là hỏng, vút đi. Cái lúc ấy anh lại đợi một lần nước sôi nữa vào bốn cái chén bằng ngón tay cái và cái đĩa tròn cũng màu da lươn, rồi anh rót ra ba chén, nói đúng ra là anh pha nước vừa đúng ba nửa chén,

Tất cả đều trịnh trọng, xuýt xoa, chạm môi vào nước là xuýt. Anh « xuýt » trịnh trọng, nghiêm trang. Tôi và người bạn nữa cũng trịnh trọng « xuýt ». Phải « xuýt » ba lần mới hết vài chục xô xô nước trong cái li ấy. Xong, anh đổ bã vào la-bô, thận trọng pha ấm khác. Tôi hơi « ó » một tiếng có ý tiếc rẻ. Anh giơ tay ra hiệu tôi bình tĩnh. Pha xong xuôi ấm thứ hai, anh mới giảng giải rằng ai bảo uống chè lần thứ hai mới ngon thì hoặc chẳng biết quái gì, hoặc tính tham, uống lấy được. Người biết uống chè phải biết uống cái tuyết. Mà thực ra chả có gì chè, cái gì cũng vậy, nó linh thiêng, vô giá ở cái « tuyết ». Cái « tuyết » là thần linh, là trời cho, là cái gì gì đó dùng giải thích. Trong khi chờ ấm thứ hai, anh như tất cả những người đọc sành sỏi, người « tuyết » am tường tính tế, người cảm được cái « tuyết » của Hà Nội, say đắm nói đến Nguyễn Tuân, đọc thơ Xuân Diệu, Nguyễn Bính, hát nhạc Văn Cao, bình tranh Tô Ngọc Vân, Bùi Xuân Phái... Khi uống sang ấm thứ hai, anh bắt đầu mở đĩa la-de nhạc Su-be, Mô-da, hai mắt lim dim, gật gù, rồi tự nhiên hai khước mắt rơi ra hai giọt nước. Anh vội vàng đứng dậy...

Tôi gần như quên câu chuyện mình đang kể, người hăng hăng đi. Cô bé xúi cảo nói như một hơi thở dịu dàng : « Anh uống đi ». Cô đẩy cốc sữa đậu nành đã nguội lạnh về phía tôi. Tôi giật mình vì không hiểu tại sao mình lại sa vào câu chuyện uống chè với cô bé này. Nhưng cũng thật lạ, không biết do cách kể của tôi, hay cô cũng thích thú cái lạ mà rõ ràng trông mặt cô có dịu lại, hai mắt hơi nhìn xuống như bất cứ một cô gái mơ mộng nào. Cũng là hay. Con người dù thế nào cũng có những giây phút cao thượng, lãng mạn, cũng có cái « tuyết » trong tâm hồn đầy những ngăn kéo của ngàn vạn bạc, chỉ, cây... Nhưng cũng chỉ là chớp lát thôi. Tôi đứng dậy vì không muốn cái phút giây lãng lè phải kìm nén từng hơi thở cho những khúc nhạc chiều, những « mùa đông dần trôi qua » xâm chiếm lòng mình.

Cô bé xúi cáo tùm tay tôi lại: « Ô kia anh, anh lúra sẽ kờ ló thú vị kia mà » — « Ừ, được rồi. Nhưng mà... Tôi dang kờ nhà anh Trầm nhi? » — « Vâng, thôi cho qua chỗ ấy cũng được » — « Không! Tôi không hay kờ chuyện cách quăng thố. Nếu cô không thích nghe, ta kết thúc nhố » — « Không, anh cứ kờ tiếp vậy » — « Cô thấy một thắng anh Trầm làm 18 cây vàng có kinh khủng không? » — Cô bé xúi cáo tiếp giọng buồn buồn: « Ở đây, chỉ đi bốc lấy vàng thì một thắng cũng chả được đến thố » — « Vợ Trầm ở nhà. Hai con: một đúra học trung học, đúra học lớp hai, đến nhà anh ấy, thấy tất cả mọi đồ dùng đều tối tân, thuận tiện, bóng loáng... Có thề nói, không có một người Mỹ hoặc người Việt Nam nào tôi tiếp xúc mà có được những đồ dùng hiện đại, mới và đẹp như của anh ấy. Và, với cách ăn tiêu của người Việt Nam, mỗi thắng anh ấy cũng đờ ra được một vài ngàn. Thố cũng vẫn còn bốn cây một thắng. Ở nhà làm gì ra được ngàn ấy! Đúng thố thật. Nhưng cô nhìn lại những bức ảnh này mà xem. Cô có nhận ra điều gì không? Không à? Đúng là béo thật. Cô có trông thấy lớp da và mi mắt trể xuống không? Có à? Đúng rồi. Phù đấy. Những tấm ảnh màu khiến cô không nhận ra rõ lắm bằng khi tôi ở bên anh ấy. Trông người từ xa thì béo, nhưng đến gần rất sợ cái nước da bủng, vàng ềnh ệch. Bước lên cầu thang tầng hai với tôi, anh ấy thở gấp gấp, hơi thở ra nặng và thấy rõ sự cản trở, bế tắc trong khi thở. Tôi không dám hỏi Trầm, chỉ nghe những gì anh ấy nói ra thôi. Lần thứ hai đến nhà anh ấy từ chiều và lúc xắm tối anh ấy đừa tôi dạo quanh vườn cây quanh khu nhà anh ấy thuê. Lúc chia tay nhau đờ mấy ngày sau tôi về Việt Nam, anh ấy gửi tôi lá thư và những tấm ảnh này. Tôi bảo anh ấy: « Thôi, cố mà làm ăn, nuôi cô ấy và các cháu, sau này khắm khá giúp các cụ ở nhà khó khắn, và cũng dành dụm mà về thăm đất nước », Trầm đã ôm chặt lấy tôi kờ lờ: « Em sung sướng

quá anh ơi, gặp bà con quê hương đến đây không
xi nhục em, anh còn an ủi, em thấy đỡ tủi nhục. Thật
lòng, em cảm ơn anh, những ngày anh đến đây cho em
được những giờ thanh thản ngồi uống trà với anh, được
sống lại những ngày đầm ấm trong gia đình. Nếu không,
có bao giờ còn dám liều lĩnh ngồi như chiều nay với các
anh. Anh có thể hiểu, hàng tháng trời em không trông rõ
mặt vợ con. Bốn giờ dậy đề 4 giờ 30 phút bắt đầu lái xe đi,
12 giờ 30 phút xong nơi làm thứ nhất. Lái xe đến nơi làm
thứ hai, đến 1 giờ 30 phút đêm mới về. Cứ như thế, khi
đi vợ con chưa dậy, khi về vợ con đi ngủ rồi. Ngày em
ngủ giỏi mới được hai giờ, anh trông da em thế này, nhưng
em đâu dám ốm. Em xin lỗi anh, em mà ốm thì vợ em
phải đi làm đĩ, may ra mới nuôi được mình cô ấy, còn hai
cháu ai nuôi. Làm ra hàng chục ngàn đô-la một tháng thì
bằng ở nhà làm cả một đời, nhưng mà cũng ăn được một
đời, còn ở đây... Em không ngờ là hoàn cảnh khốn khổ
của em ở nhà mới phải trốn lủi sang đây kiếm được
miếng ăn, chỗ ở. Ở nhà tưởng ở đây sung sướng như thiên
đàng, nhưng mà máu chảy ngấm trong ruột. Anh trông
mặt em thì anh tin điều em nói. Giá anh cầm được, em
gửi cho bố mẹ, anh chị em vài ngàn. Vài ngàn em kiếm
không khó gì, nhưng anh nói hộ em là đề có đồng tiền
không dễ dàng như bà con mình tưởng đâu. Lúc nào có
thề nói được, anh nói riêng với thằng em kế em về cái
mặt phù thũng của em. Anh ơi, em rất nhớ bố mẹ em,
em rất thương mấy thằng em em vất vưởng sau khi học
xong, nhưng em chỉ cố gắng chặt bóp gửi về cho nó thôi,
không bao giờ em dám trở về đâu. Em không thể mang
khuôn mặt này về đề tự xi nhục lòng tham lam thèm
muốn của mình. Tất nhiên, có nhiều người đến đây thì
giàu có hơn ở nhà nhiều lần. Nhưng nói chung đề kiếm
được cuộc sống thực sự cũng chảy máu mắt mới được.
Em ngu! Với khả năng của em, nếu không tưởng đi như

hốt được bạc, cứ ở nhà, ở ngay chỗ quê cha đất mẹ mình, em làm bất cứ việc gì mà không vừa sung sướng, vừa rong chơi. Vợ em nó cũng rất có lòng tự trọng anh ạ. Nó biết anh, ngày xưa anh thân với mấy con bạn của nó. Nó rất muốn hỏi anh mọi chuyện, nhưng nó không đủ can đảm đề gặp anh. Nó cũng không muốn cả em gặp anh, vì nó nghĩ không biết anh có hiểu hết hoàn cảnh của chúng em, hay lại ngờ vì vợ con, em đã lao vào cái ánh sáng của sự sung sướng, đề chỉ trong mấy năm trời em như ngày hôm nay...

Câu chuyện kết thúc không được sôi nổi. Lúc chia tay, cô bé xúi cáo của tôi cũng không được sôi nổi cho lắm. Nhưng chắc còn có dịp gặp lại cô. Nhất định là thế! Tôi chỉ dặn cô, nếu gặp người em của Trâm, chưa nói gì về Trâm như những điều tôi đã kể với cô. Có thể anh ta sẽ đột ngột vì không thể ngờ nó lại như thế, hoặc không thể nào tin lại có chuyện như thế ở nước Mỹ. Và, cả cô nữa, cô chưa thể tin được vì sao vẫn có những người da đen, ăn ngủ ở vỉa hè và sự chui rúc của họ giữa thành phố Niu-Yoóc và các thành thị khác. Họ không «phân biệt màu da» đâu. Nhưng những người da màu vẫn đứng ngoài đường giữa nền văn minh rực rỡ của nước Mỹ đề ăn xin, đề thất thêu không nhà cửa, không gia đình. Nhưng thôi, những gì người anh trai đã viết cho cậu em và gia đình, cứ đề họ yên ổn và còn hy vọng về một thằng con không phải là một kẻ lỗi lầm, nó là nơi trông đợi yêu thương, hy vọng... của cả nhà.

VIII

TRONG số các em ngồi đây, em nào đã tham gia biểu tình phản đối chính quyền cộng sản ở Việt Nam, ủng hộ những người «kháng chiến» trở về «giải phóng

dất nước»? Em nào đã ký vào kiến nghị đòi thống đốc bang không được có cử chỉ thân thiện với người từ Việt Nam đến đây tham gia hội thảo, trao đổi kinh nghiệm với trí thức và nhà khoa học Mỹ? Em nào xé cờ TĐ quốc trước cửa trường đại học Mát-sa-xu-sét? Những em sinh viên ngồi quanh tôi trong phòng khách của trung tâm Gioi-nơ chiều nay trông hiền lành và ngây thơ. Bảy tháng sau khi ngồi viết những dòng này, nhìn bức ảnh cỡ lớn 20×24 đặt trước trang viết, tôi nhìn thấy chính tôi và các em quây quần nắm tay nhau cười. Tất cả đều cười sáng khoái, như những bức ảnh tôi đã chụp với bạn bè, với đồng đội, với các em học sinh, sinh viên ở bất cứ nơi nào, trong rừng Trường Sơn, giữa hầm địa đạo Củ Chi, hay ở Cần Thơ, Hà Nội, ở Cà Mau hay ở Mèo Vạc, Hà Tuyên. Tất cả vẫn là những khuôn mặt Việt Nam, nụ cười Việt Nam, cái cử chỉ e lệ Việt Nam. Một đĩa nem Sài Gòn rán giòn trước mặt và những đôi đũa rất Việt Nam. Cảm ơn ông Kê-vin, ông Đê-vít Hãn đã công phu tổ chức «đường dây» để chúng tôi có cuộc gặp gỡ này. Một thầy giáo người Mỹ dạy các em, được trung tâm cử «phục vụ» xách vào một túi căng dày những bọc nem Sài Gòn nóng hổi. Hộp nước mắm pha dấm ớt, có cả su hào, cà rốt thái thành những hình trang trí. Và rau xà lách, tía tô, rau mùi, rau húng, đều rất Việt Nam. Thầy giáo trẻ tuổi ấy đi ra, đi vào tất bật, vất vả với những hộp bia, cô-ca, chai nước suối, hộp sữa và cà phê. Những thứ uống và ăn, cốt cho cuộc «đối thoại» có những ấn tượng tốt đẹp. Khuôn mặt người thầy giáo ấy im lặng hay tươi cười đều do không khí của những người Việt và gốc Việt đang ngồi ở đây quyết định. Các em được mời đến với một vẻ mặt căng thẳng, thù hận, sẵn sàng «trả thù» tôi bằng những lời thóa mạ, bất chấp sự lịch lãm tốt thiêu. Sẵn sàng «cảnh giác», không để cho «cộng sản» tuyên truyền, lợi dụng. — Thưa ông, trước tiên xin hỏi: Ông có

là đảng viên cộng sản không? Cảm ơn, ông cứ thẳng thắn thế là rất có lợi cho ông, ít ra ông cũng không làm cho chúng tôi ngờ vực: ông là ai, muốn có ý định gì. Vậy là rõ, chúng tôi đang ngồi trước một ông cộng sản nòi. Ông có thể thay mặt cho chính quyền cộng sản hiện ở trong nước để nói chuyện với chúng tôi? Thôi được, ông không thể thay mặt cho ai, ông nói chuyện với chúng tôi với tư cách một người cộng sản. Ô kê! Vậy xin ông cho biết, chính quyền cộng sản đã đàn áp dã man, giết hại dân lành, đã trả thù độc ác, phải nói là hơn cả Hít-le đối với những người yêu nước (muốn nói chính quyền Sài Gòn cũ) như thế nào? Ông có thể cho chúng tôi biết được con số đó không? Thưa ông, chính quyền các ông đã và đang để cho hàng triệu người chết đói còn tang thương, đau đớn hơn cả năm 1945, ông có thể nói rõ hơn những nguyên nhân tạo ra sự thảm thương đó. Thưa ông, có phải chính quyền cộng sản cứ các ông đi dò la, để lại theo chúng tôi sang tận đây tiến hành một cuộc truy kích chúng tôi không? Thưa ông... Thưa ông... Tôi hỏi ông... Hàng vài ba chục câu hỏi của các em (tôi bảo các em cứ hỏi hết, tôi ghi lại rồi trả lời từng câu) làm cho tôi ngồi lặng đi. Cờ họng tôi đắng nghẹn. Mấy phút sau vẫn im lặng trong nặng nề căng thẳng. Thưa ông, có phải cuộc gặp gỡ lần này là bất lợi cho ông? Thưa ông, chắc ông không thể ngờ tới có cuộc tiến công trở lại làm ông đau đớn bẽ bàng. Nếu vậy chỉ cần khi trở về Việt Nam ông nói với chính quyền của các ông: tất cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài sẵn sàng trở về lấy lại những gì đã mất để tạo dựng lại một đất nước văn minh, khoa học. Đất nước tự do không còn kẻ cường bạo, đàn áp dân lành. Thưa ông, chúng tôi hiểu, ông là nhà văn, ông cũng đau đớn như chúng tôi, nhưng vì dưới một chính thể tàn bạo... Giờ đây những nỗi lòng trắc ẩn trong ông được

gọi lại làm ông dau khò khò không thề nói gì hơn, chúng tôi hoàn toàn cảm thông... Thưa... Thưa... Thưa...

Tôi bắt đầu nói. Giọng tôi vẫn không thề nào vui vẻ được. Cuộc gặp gỡ định dài nhất là hai tiếng rưỡi, nhưng đã kéo ra bốn tiếng, chưa kể lúc ăn chiều nem cuối cùng, và chụp ảnh, rồi hát, rồi ghi địa chỉ, rồi viết cảm tưởng, ghi lưu niệm vào sổ, rồi... Những cuộc hẹn gặp tiếp theo bằng « đường dây » khác mà các em là những người chấp nối. Nhưng lúc này, những câu đầu tiên nói tôi tưởng có thề cầm dao mà giết nhau.

Với tư cách một người lớn, tôi có thề tát vào mặt những đứa trẻ mắt dạy đã nhờ vào mặt tôi. Tôi có thề xỉ vả (bằng những chứng cứ có cơ sở khoa học, chứ không phải là nói láo) những kẻ dốt nát không thề nhận ra sự lỗ lãng trước những thông tin đơn giản, tối thiểu. Tôi hoàn toàn có thề làm như thế, còn các em dù có uất giận đến mấy, cũng không thề làm gì tôi ở đây. Những người đứng ra tổ chức hôm nay đã biết các em là ai, của ai và tất nhiên họ có cả kế hoạch giữ gìn cho tôi trên mọi phương diện. Vì tôi là khách của họ mà. Nhưng làm như thế để làm gì? Sở dĩ tôi thấy đau đớn, hồ thẹn, mà phải nghẹn đắng lại, vì thấy các em ngông cuồng một cách ngu si. Các em đã nói lại lời của những kẻ điên cuồng phản lại Tổ quốc. Họ làm cái đuôi của kẻ ngoại bang để quay về chửi bới xuyên tạc, vu cáo quê hương một cách vô liêm xỉ mà dám bảo là yêu nước! Các em là ai, tôi là ai? Những người Việt Nam! Dù các em có đi đến đâu, dù em có không muốn vẫn phải « Việt Nam—A-mê-ri-con », « Việt Nam—Phranch », « Việt Nam... ». Cái gốc Việt Nam ấy bao nhiêu đời sau em vẫn mang trong người mình! Và đến bao giờ con cháu các em, không còn chút huyết thống nào của Việt Nam? Các em có muốn như thế không? Vậy mà những người Việt Nam gặp gỡ nhau, trò chuyện nhỏ to với nhau lại phải nhờ người nước ngoài dàn xếp. Họ

bảo tôi rằng họ sẽ làm hết sức chu đáo. Tôi hoàn toàn yên tâm khi gặp các em. Chúng ta đã đau khổ bao nhiêu tháng năm chia li, ly tán hai miền. Bao nhiêu máu xương đổ ra để có được những ngày đoàn tụ, sum họp Bắc Nam! Các em chửi bới chính quyền ở quê hương, bảo đó là bọn cộng sản. Các em lên án sự độc ác, man rợ, sự hủy hoại, sự đè nén của chính quyền đó đối với dân chúng. Tất cả những từ ngữ ấy bọn phản động lưu vong nói nhiều lần rồi. Nhưng tôi vẫn muốn đề các em nói hết, nỗi căm giận không bị ức chế, không bị phản đối và ngăn chặn. Tôi không giận gì các em, kể cả hành động thô bỉ. Những trí thức người Mỹ ở đây bảo rằng các em đã có những hành động thô bỉ mà họ không hiểu nổi. Ấy là, khi các em leo lên xé cờ Tờ quốc Việt Nam. Tôi biết rằng các em ngời đây và cả những em không đến đây hôm nay đều chưa hiểu gì về những lời các em đã nói, những việc các em đã làm. Tất cả các em sinh viên lứa tuổi mười bảy đến hai mươi bốn, đến đây lâu nhất là 13 năm, gần nhất là bảy năm. Ở lứa tuổi ấy khi ở Việt Nam chưa em nào chịu sự « đàn áp » của chính quyền cộng sản. Nhưng cha mẹ, anh chị các em có thể chịu một tai họa nào đó sau cuộc chiến tranh. Đó là điều không thể tránh khỏi ở một đất nước nhỏ bé phải gánh chịu bao nhiêu hậu quả nặng nề. Nhưng những tai họa đến với những người từng là kẻ thù ấy không hề là một sự phờ biển. Nó là cá biệt, là hết sức lẻ tẻ, nhất là những năm gần đây, mọi chính sách đã cởi mở, độ lượng rất nhiều. Tôi không phải giải thích gì nhiều chuyện này. Tôi nói các em khó tin. Ít ngày nữa anh Nguyễn Ngũ từng là trung úy trong quân đội ngụy cũng được mời tham gia hội thảo với các nhà văn Mỹ, nhưng bị chính phủ Mỹ làm khó khăn về vi-da, anh ấy sẽ đến đây vào thứ hai tuần tới, sẽ nói với các em về xã hội Việt Nam hiện nay, đối với những người của chính quyền cũ ra sao? — Thưa, ông ấy có thể

do phía Việt cộng gài vào? — Ngay lúc này, tôi đưa số phôn, các em có thể gọi cho ông Võ Phiến, Mai Thảo, Nhật Tiến... là những ông trùm văn chương thời cũ mà các em biết rất rõ, xem các ông ấy nói về ông Ngụy Ngữ ra sao? Hoặc nếu cần, ngay bây giờ các em có thể mời ngay một ông từng là đại úy thủy quân lục chiến đi cải tạo từ năm 1975 đến năm 1979 vượt biên sang Mỹ, hiện đang ở bang này. Vừa rồi ông ấy có về nước một tháng. Tôi gặp ông ấy khi vào làng viếng Bác Hồ. Hỏi đề ông ấy nói ra sao về xã hội Việt Nam hiện tại! Tôi hoàn toàn không trách gì các em. Các em có thể nghe chính những người thân của mình còn uất giận những gì đã gặp phải ở quê hương, truyền lại cho các em những thông tin từ năm, mười năm trước. Hoặc các em nghe lại bạn bè, nghe lại những thông tin xuyên tạc, bôi nhọ của báo chí, của những người muốn các em không có trong mình bất cứ một ấn tượng tốt lành nào về quê hương xứ sở. Các em là lớp người hăng hái làm bất cứ việc gì, có thể đời cả tính mạng mình cho Tổ quốc, cho xứ sở đã sinh ra mình, cha mẹ mình. Nhưng nếu không hiểu rõ mọi gốc gác của nó, lòng yêu nước trở nên nguy hại, trở nên kẻ phản bội mà không hề biết. Chẳng hạn, có những em xé lá cờ đỏ sao vàng để treo cờ vàng ba sọc nhân ngày khai giảng là việc hoàn toàn lầm lẫn. Những người tạo ra cờ vàng ba sọc đỏ ấy là ai, bây giờ ra sao? Những ông Bảo Đại, ông Diệm, ông Minh, ông Khánh, ông Thiệu với những chính phủ của họ ở đâu? Chính họ, kẻ tội tở, nô lệ đã tan hoang, đã yên phận làm kẻ lưu vong, kiếm nghề làm ăn buôn bán ở đất mầu quốc. Họ cam chịu nhục nhã, đắng cay của thân phận kẻ bán nước, không được mầu quốc nhìn ngó tới. Vậy mà các em lại đem cái nhục nhã của kẻ đã tạo ra nó trở thành niềm kiêu hãnh của chính mình? Điều anh đau buồn nữa là thế này: Các em còn trẻ quá! Chả lẽ tấm lòng yêu nước của các em lại trừu tượng đến mức không

biết sẽ yêu nước nào, trong khi tiếng mẹ đẻ không biết. Người cùng quê hương với nhau nói gì phải qua người khác phiên dịch như đang diễn ra ở đây. Tự đánh mất đi cái ngôn ngữ thiêng liêng của mình, nó thiêng liêng máu thịt như chính nổi da diết của các em ở đây đều mong ước có một ngày nào đó được trở lại quê hương. Có em không sinh ra ở đây mà tiếng quê hương vẫn thiêng liêng làm sao. Các em hãy học lại tiếng mẹ đẻ đi, đừng nói với nhau không cần phải qua phiên dịch nữa. Cha mẹ các em chắc cũng buồn, vì chắc chắn vốn tiếng Anh không thề bằng các em. Bố mẹ, con cái trong gia đình không hiểu hết tiếng nói của nhau, chắc cũng không vui gì. Tôi chỉ muốn lần sau chúng ta gặp nhau có thể nói chuyện thẳng được với nhau, tự chúng ta phải đi tìm nhau mà gặp gỡ chuyện trò, hỏi han. Có thể cứ nời khùng, cứ cãi giận nhau, khi hiểu chưa đủ về nhau, rồi lại có thể tha thứ, cảm thông cho nhau, như tình cảm của chúng ta hôm nay, hoặc chưa thể thông cảm với nhau cũng được. Phải chờ thời gian, chờ những thực tế, nhưng chúng ta phải chủ động tìm đến nhau mà giải hòa, mà giải bày, đừng qua người Mỹ nữa. Họ tốt với ta thật, nhưng anh thấy như bị xúc phạm, bị xem thường thế nào ấy. Hai anh em ruột gặp nhau mà phải qua người làng khác, tình khác, không máu mủ, ruột già đến dễ dành, thì làm sao họ có thể kính nể hai người ruột thịt ấy. Các em có bằng lòng với tôi như thế không? Nếu cứ phẫn nộ cho hả giận, cứ mạt sát cho bỏ cơn uất ức, có lẽ kết quả sẽ khác. — Sau cái phút căng thẳng ban đầu, các em đã biết rằng tôi cũng có lòng tự trọng, có danh dự và không thể chấp nhận sự vu cáo, bịa tạc. Tôi đã nói với các em tất cả với một tình cảm thành thật. Có thể là chưa khéo, chưa tế nhị, nhưng sự thành thật vượt qua mọi trở ngại, vượt qua mọi thời gian, vượt qua mọi cách biệt, đừng không thể nào giải thích nổi! Nếu không có mặt trong giờ phút này không thể hiểu nổi cái không

khí mỗi lúc một nặng đi, dè rồi các em đã không cần chờ đợi chứng cứ, không cần phải kiểm nghiệm, đã có thể bằng lòng với tôi, cùng tôi nghĩ rằng các cụ ta đã dạy: «Nhiều điều phủ lấy giá gương...» là không thể khác. Lúc này có em bảo rằng nếu không đánh nhau, cứ làm giàu như Nhật, Xanh-ga-po... có phải hơn không? Tôi xin nói với các em một ngàn lần là từ tổ tiên, ông bà chúng ta đều không ai muốn đánh nhau. Chúng ta tha thiết mong mỗi sự êm dịu đến nỗi thắng kẻ thù rồi lại đem thăm trái cho kẻ thù đi. Như thế là cùng chứ còn gì nữa. Nhưng họ có dè chúng ta yên đâu. Họ là những nước lớn, đầy lòng tham, mà trời đất đã sinh ra chúng ta nằm ngay ở cái vành ngoài dè kêu gọi lòng tham đó. Nếu không kiên cường đánh lại, chúng ta sẽ là gì trước mắt họ. Trước lúc gặp các em, tôi gặp một trong những ông nhà văn bậc thầy của chính quyền cũ hiện nay đang sống trên đất Mỹ. Qua máy điện thoại, ông ta thông báo là đã đọc và xem các bài của nhiều tờ báo Mỹ nói về tôi. Ông ta than thở: «Anh ơi, chúng tôi theo nó 30 năm, nó không cho chúng tôi một dòng trên các tờ báo lớn của nó. Anh vừa sang đây chưa đầy một tháng, nó đã hết lời âm ỉ. Lúc này tôi mới thăm thía thân phận kẻ lưu vong...». Nếu không chiến thắng họ, có bao giờ họ biết chúng ta là ai. Xưa nay các ông nhà văn của chính quyền cũ sang Mỹ nhiều lần rồi đấy. Sang dè họ sai bảo, dạy dỗ và coi thường, chứ có bao giờ được tranh cãi, được câu giện, khi có điều gì nó không trân trọng mình. Và, các em biết đấy, người Mỹ bây giờ có cùng tâm trạng và câu hỏi giống nhau: Các ông nhận xét đất nước chúng tôi, con người chúng tôi, việc này, chuyện khác của chúng tôi thế nào? Rất có thể họ thăm dò và họ cũng muốn được khen ngợi. Nhưng nếu anh là kẻ bị coi thường thì anh khen, chê, anh chửi bới, kệ anh, tôi không thêm biết, có biết cũng không thêm quan tâm, việc gì tôi phải mừng rỡ trước lời anh khen và

buồn rầu, nghĩ ngợi trước cái anh chê bai. Chính vì lẽ đó, bà con ta ở quê hương còn chịu đựng bao nhiêu thiếu thốn, gian nan, nhưng biết rằng dân tộc mình không còn là chỗ dè cho kẻ khác có thể khinh bỉ, coi thường. Cái điều làm tôi lặng đi lúc ban đầu không phải vì giận các em mà tôi phải tự hỏi rằng: có một người con nào thấy bố mẹ nghèo quá, thậm chí có thể bố mẹ ruồng bỏ, mắng chửi, đuổi đi, đứa con phải tha phương cầu thực kiếm ăn, lúc ăn nên làm ra, có bát ăn, bát đũa thì vênh mặt lên, chõ về nhà chửi bố mẹ mình là cái đồ độc ác, ngu si không biết làm ăn dè con cái nheo nhóc? Có người con nào lại hỏi bố mẹ tại sao chúng mày đã đẻ ra chúng tao, đã làm bố, làm mẹ chúng tao? Người làm cha, làm mẹ là quê hương đấy. Ở nhà có nạn đói thật đấy, nạn đói lên đến hàng triệu người, nhưng số bị chết đói không quá con số hàng chục. Có bao nhiêu tệ nạn xấu xa thật đấy, nhưng nhà nước không thể là dã man, độc ác đối với dân chúng. Cái ông mà tôi nói là đại úy thủy quân lục chiến hiện đang sinh sống ở thành phố này, chắc chắn là không bênh gì chính phủ hiện nay, nơi đã bắt ông ấy đi cải tạo, cứ cho là đi tù, và cũng không thâm thù gì chính quyền cũ, nơi đã phong quân hàm cho ông ta lên đến chức đại úy, làm ở Bộ Tổng tham mưu. Ông ta bảo với tôi hôm qua rằng, nếu được phép trở lại sinh sống ở trong nước, độ dăm, ba năm nữa, ông ấy sẽ trở về. Ông ta nói thành thật điều đó, vì ông ta biết không hề có sự trả thù, sự hành hạ, đụng chạm đến quyền công dân, dù ông ta đang còn cái án cải tạo. Vì ông ta đã từng là con đẻ của chế độ cũ, là tù nhân của chế độ mới, là bạn đồng minh được cứu vớt của người Mỹ, ông ta phải hiểu sâu sắc như thế nào, tinh táo và khách quan đến mức nào, mới dám nói với tôi một cách thành thật như thế. Tôi tin rằng nếu gặp, các em cũng sẽ nhận ra ngay mình không bị ông ta lừa dối. Ông ta đau buồn trước cảnh ngộ đất nước. Ông ta

thành thật mong muốn làm lụng dăm ba năm nữa, có lưng vốn kha khá sẽ trở về. Đất nước mong bất cứ ai, kè cả các em trở về góp sức xây dựng, dù chỉ một ý kiến đóng góp thành thật. M. và L. hai cô gái, một khỏe mạnh hùng hực, một gầy yếu, đều căng thẳng, uất ức lúc mới gặp tôi, lúc này lặng lẽ cúi xuống. Cả P. và H. những người không nói được tiếng Việt cũng im lặng, đau đớn.

Tôi phải nói ngay rằng tôi nói chuyện với các em không những không hay ho gì, thậm chí còn nhạt nhẽo, nông nổi. Có lẽ các em đã tìm thấy ở tôi một sự thành thật, một người cộng sản không phải lần tránh, giấu giếm, không nề hà trước bất cứ một cử chỉ, lời nói thô bạo nào... Cái đó có thể tạo cho các em một sự liên hệ giữa họ và tôi, giữa những thông tin sai lệch, giả dối và lòng thành thật. Có lẽ cũng vì họ thiếu cái thật, nên những gì tôi nói ra đã bù đắp được sự mất cân bằng trong tâm trạng và sự hiểu biết của họ. Bất gặp thoáng thay đổi nhanh chóng trong tình cảm của các em giữa nơi xa xôi, lạ lẫm này, tôi muốn kêu to lên: «Tuyệt vời vô cùng việc «cởi trói», thoáng rộng, nhìn thẳng, nói thẳng, nhìn thật, nói hết của chúng ta». Tôi cũng muốn kêu lên rằng: «Các anh, các chị ơi, ở nhà mình lúc này tinh thần đổi mới thật tuyệt vời! Cứ dằng hoàng, dĩnh đạc mà nói hết những thiếu sót, sai lầm, những cái xấu, cái tốt, cái được, cái mất đi, đừng sợ bị lợi dụng, đừng sợ phản tuyên truyền. Không có sức mạnh nào ghê gớm đề thuyết phục con người có hiệu nghiệm lớn lao bằng sự thật đâu». Tất nhiên, quốc gia nào chả có những bí quyết, những khu vực phải tuyệt mật, phải cấm kỵ, phải nghiêm ngặt. Nhưng những cái gì đã bày ra đời sống, đã xuất hiện ở vỉa hè, đã ồn ào dư luận, đã xoắn xang tình cảm, đã hiện lên khuôn mặt, thì càng bung bít, càng bung ra, càng nén lại, càng bật lên, càng che chắn, càng hờ hênh. Nhất là thời buổi này có luồn trên chín tầng mây cũng nghe thấy, cũng nhìn được

kề cả những gì ta đề trong buồng, trong bếp, dưới sông, dưới biển. Không bao giờ tôi dám cả gan nói rằng việc làm của mình đem lại kinh nghiệm gì, nhưng quả thật, lúc này tôi hiểu ra cái thật đã xóa tất cả những gì ngăn cách, khiến mọi người trở nên âu yếm, thân tình, có thể ôm lấy nhau mà khóc, mà than thở: vì sao chúng ta đã có lúc không hiểu, không chịu hiểu về nhau. Cái «hội nghị» nhằm «tiêu diệt» danh dự của tôi, mất đi cái mục đích ấy, từ lúc nào? Cả tôi và các em sinh viên người Việt quá khích đều trở thành tự nhiên như người trong một tđ, một nhóm, một lớp, một đội cùng nhau bỏ dĩa, lấy tay bốc nem. «Đồng chí» Hiền, máy hình đầu (một sinh viên hứng lên gọi anh sinh viên báo chí hay đi với tôi). Hiền lôi một lúc ra ba cái máy đeo vào người «bắn» liên miên «chộp» hết «không khí» đến nỗi Long Thanh và M. phải «trốn» ra một góc. Họ nhìn lại đám người ăn bốc, đứng và ngồi, hát và nhảy. Hai cô lặng lẽ xuống xe, về nhà lấy ghi ta đem đến. H. từ cái không khí lộn xộn ấy vội vã chạy ra vội lấy đàn trao cho N. một thanh niên trắng, đẹp trai. Trước đây hai giờ N. đã tím mặt lại bảo tôi: Thưa... ông không thể ngờ... chúng tôi làm ông bẽ bàng...? N. đưa một chiếc nem mới nhắc lên cho M. bắt cô phải nhận anh mới hát. M. đành nhận lời. N. so dây, đầu hơi cúi, mái tóc mềm xõa xuống, hai mắt anh nhắm hẳn lại. Tất cả sự ồn ã nén lại chờ đợi. Tiếng đàn lúc đầu chỉ dè dặt từng âm, như thăm dò, như chờ đợi, như bắt buộc tất cả mọi người không thể rời ra khỏi cái âm thanh xao xác lẻ loi ấy. Rồi nó mới như xô lên dào dạt, lúc lại lặn đi réo rắt, nước nở. Bàn tay N. như sóng rập rờn vỗ về những âm thanh khắc khoải da diết. Tay kia của anh như ghi chặt lấy phím đàn. Anh dạo hai lần cả bài rồi hát theo nhỏ nhỏ, như những hơi thở náo nùng. Bổng giọng anh rung lên như run, như nức, như khóc than và tiếng đàn đang ghìm nén bùng dậy...

«Thương nhớ ở nơi đâu. Em ơi,... em cứ đợi.

Bèo dạt, mây i i i i i trời. Chim xa...

Một tin trông... Hai tin đợi... Ba bốn tin chờ, sao chẳng thấy đâu...».

Những tiếng hát ấy như rút từ ruột người hát, trông mặt anh đau đớn khổn khổ. Tất cả chúng tôi im lặng, nín thở. Những em gái đã hơi quay đi chùi nước mắt. N. hát xong phải lặng lẽ đến vài ba giây, mọi người mới vỗ tay ăm ăm. Cay đàn được chuyển cho một cô gái khác, rồi những bạn trai, bạn gái khác nữa. Không biết từ lúc nào, không phải chỉ một người hát, gần như là dàn đồng ca hát từ nhạc Văn Cao, Trịnh Công Sơn đến những bài «Tự nguyện», «Quê hương»... Cuộc gặp gỡ tưởng chưa thể dừng lại, nếu như những người Mỹ ở Gioi-nơ làm công việc tổ chức đã không đi đi, lại lại phía ngoài chờ. Chúng tôi hẹn nhau sẽ có dịp gặp lại. Khi đã siết chặt tay nhau, ôm chăm lấy nhau, một quyết định của Hiền bắt mỗi người phải cầm một cái nem ăn để giữ lại dư vị của chiều nay. Tôi chưa kịp cúi xuống thì M. đã đưa chiếc nem từ nãy giờ cô vẫn cầm như quên ở tay: «Ông ăn hộ em» — «Sẵn sàng. Nhưng em còn cầm thù tôi nữa không?» — «Có. Em trả thù ông đấy». Tôi đã nhận chiếc nem và thầm cảm ơn cô vì phải thú thật là cái bệnh đau dạ dày của tôi lại bắt đầu hành. Có cái gì vào bụng lúc này nó cũng dễ chịu hơn. Cô gái nhìn và hỏi tôi giọng nhỏ lại buồn buồn: «Thưa, chúng em có thể về làm việc ở quê nhà được không?» — «Câu đó đáng lẽ là của tôi. Còn em, em phải trả lời đi» — «Sao em hỏi, em lại phải trả lời?» — «Câu hỏi của tôi em nói hộ đấy chứ» — «Thế ông lại nói hộ câu trả lời của em đi» — «Câu trả lời của em là thế này: từ trước đến nay không bao giờ em nghĩ đến điều đó. Còn bây giờ em tin chắc người trả lời em sẽ hoan nghênh nên em mới hỏi» — «Cảm ơn ông nhiều vô cùng. Khi học xong chắc hẳn em sẽ gặp ông ở đất nước mình».

IX

CẬU bé sáu tuổi ấy tròn nặng như một tảng đất. Mỗi lần cậu đột ngột nhảy lên bá lấy cổ tôi, người tôi sụn xuống vì cái sức nặng của cậu tương đương với một cậu bé 15, 16 tuổi ở Việt Nam. Hầu như lúc nào gặp, tôi cũng thấy Giem-my cời trần, mặc quần đùi, di giày, tất xù đến đầu gối. Kề cả lúc tôi mặc áo len và áo khoác, vẫn thấy cậu ta cời trần, quần đùi. Tôi có cảm giác từ trong cái cơ thể của cậu luôn luôn tỏa ra cái nóng hăm hập làm mình vã mồ hôi. Cậu rất ít cười. Lại thêm đôi mắt cận bẩm sinh luôn luôn phải mang kính ba di-ốp, trông lúc nào cậu cũng như đang nghĩ ngợi điều gì. Chúng tôi bắt đầu quen nhau vào một buổi chiều. Long Thanh và tôi đến nghỉ cùng gia đình cậu trong một biệt thự kiểu nhà sàn bên bờ biển. Những tháng hè mẹ con cậu thường đến đây nghỉ và đến cuối tuần cha cậu — ông Đê-vít Hãn từ Bốt-stơn về nghỉ cùng. Hình như mẹ cậu, chị Me-ry đã hút cả sự hồn nhiên, sôi động và thích đùa vui về phía mình, nên cậu cũng ít nói và không biết nói đùa như cha. Khi chúng tôi đến, chị Me-ry giơ hai tay gọi tên tôi và vồn vã hỏi thăm sức khỏe, tỏ rõ sự vui mừng được đón khách quý. Giem-my lăm lăm đứng ở phía sau. Tôi xô vào ôm lấy Giem-my, cậu lặng thinh không tỏ ra phản đối, cũng không vỗ vập. Tôi bế Giem-my ra cửa đặt cậu xuống đất. Cậu lặng lẽ đi vào nhà. Cho đến khi xuống biển, tôi và cậu té nước vào nhau, tôi « thua », cậu mới cười khanh khách lẫn tới. Cho đến hôm đi hội chợ Mát-phiêu, tôi là người tâm đắc nhất trong thắng lợi tuyệt vời của cậu. Bốn vòng đua ngựa. Giem-my « cá », cả bốn lần đều được thưởng. Lần đầu tưởng ăn may, nhưng sau cả bốn lần, tôi thực sự thần phục cậu. Tôi hỏi cậu bé như

một nhà báo phỏng vấn. Giem-my trả lời gọn, dõng dạc như một người lớn: « Làm sao có thể chắc chắn con ngựa thắng cuộc? » — « Phải nhìn từ khi người đua cưỡi lên mình nó » — « Nó khác những địch thủ ở chỗ nào? » — « Bắt đầu có người cưỡi là nó không thể đứng im, chi chực lồng, bị ghim lại nó bứt rứt, các chân giậm lên, giậm xuống » — « Đây là tính nết, còn sức khỏe? » — « Không được gầy, nhưng phải béo lẳn, thịt lắn lên từng thớ, không thể lẻo nhẽo như thế này ». Cậu lấy hai tay ôm vào cánh tay tôi siết chặt, ý nói không được lỏng lẻo, nhẽo ra như cánh tay tôi.

Rồi cậu đi bay, quay tròn tít mù trên những chiếc xe, chiếc nôi có tốc độ lớn như máy bay siêu âm. Lao từ mặt đất lên chót vót dăm bảy chục mét, đầu dốc xuống, « hăng » như không còn trọng lượng. Cậu vẫn cười khảnh khách trong khi những đứa trẻ khác nhắm nghiền mắt, hàm răng cắn lại, tay vừa giữ, vừa dầy cái vòng tròn bảo hiểm để người cứ ưỡn ra. Rất nhiều cậu bé lớn hơn Giem-my khi máy dừng, trông mặt cắt không còn hạt máu, ôm lấy bố mẹ khóc vì túi thân, như đã có lúc bố mẹ đưa nó vào chỗ hoàn toàn không thể sống được nữa rồi. Giem-my vẫn bình thản như không. Trong vòng một tháng hoặc tháng rưỡi, cậu bé Giem-my được hưởng tiêu chuẩn đặc biệt. Thỏa mãn tất cả mọi yêu cầu di hội hè, mua đồ chơi, xem đủ mọi trò, tham gia đủ mọi hoạt động của trẻ em. Nghĩa là, gần như không yêu cầu nào của cậu bị từ chối. Cậu cũng có thể phạm lỗi nhưng không bị la mắng, thậm chí không ai nhìn mặt trước sự sai hỏng, lầm lỡ của cậu, giống như ở Việt Nam, sớm ngày mùng một tết không ai được làm cho con em mình bị rông cả năm. Tôi làm quen với Giem-my trong cái tháng cậu hưởng tiêu chuẩn đặc biệt ấy, kể từ khi cha mẹ cậu bắt đầu *phôn* hoặc thư cho người thân, cho bạn bè biết năm nay Giem-my vào lớp một. Những

cú *phôn*, những thư hoặc gặp gỡ trực tiếp đều gửi lời tốt đẹp nhất chúc mừng cậu. Tối hôm trước khi khai giảng, bạn bè của cha mẹ và những người thân mang quà, mang hoa đến tặng và dặn dò cậu. Đêm nay khác với lệ thường, cậu cũng như mọi đứa trẻ ở Mỹ từ mới đẻ cho đến tuổi trưởng thành tùy theo lứa tuổi mà giờ đi ngủ bắt đầu từ sáu giờ đến tám chín giờ. Giem-my vào cái tuổi tám giờ phải đi ngủ. Đúng cái giờ ấy, dù cậu đang đùa nghịch ở đâu, xem ti-vi, vi-dê-ô hay ngồi với khách cùng bố mẹ, thì cứ việc lặng lẽ vào chỗ của mình mà ngủ. Dù ham muốn, thích thú bao nhiêu, trẻ em Mỹ không có thói quen kéo nheo, làm nũng, sai quy định. Đêm nay, khác với lệ thường, cậu được thức đến chín giờ tối để bố mẹ dặn dò những gì cần thiết, cần phải nhớ trong ngày mai. Đê-vít còn cần thận lấy một tờ giấy xộp, vụn vào chỗ ống tay áo xắn lên để ngày mai có khóc, con lấy nó ra thấm nước mắt. Ngay động tác ấy cũng phải hướng dẫn, để làm sao khi cô giáo trông thấy mà không phật lòng. Ngày mai, từ sáng sớm bố mẹ đã dậy chuẩn bị cho con, rồi đưa con đến trường. Khu trường được cắm cờ hoa tung bưng. Bao nhiêu là màu sắc của bóng bay, của biều ngữ, của cờ, của áo, quần, mũ, giày, rực rỡ như một rừng hoa, như là nơi hội tụ của tất cả mọi năng khiếu thẩm mỹ với toàn bộ sức lực, trí tuệ của tất cả người lớn. Những người làm cha, làm mẹ đều dồn lại nơi đây với niềm sung sướng, hồi hộp chưa bao giờ có. Nhưng tất cả quý ông, quý bà đều phải đứng phía ngoài. Các vị « anh hùng » lớp một ấy xếp hàng, rồi vào lớp, trước sự chỉ huy nghiêm ngặt của các cô giáo mặc áo thụng đen, dài chấm gót, đội mũ vuông, mỏng như kiêu mũ quan tòa, đứng im lặng, trang nghiêm, lăm liệt. Các cô chỉ đọc tên từng trò, chỉ tay ra hiệu ngồi ở bàn nào, chỗ nào, không thêm một lời giải thích, hướng dẫn. Sự trang nghiêm khiến các vị « anh hùng » không dám mếu, không dám nhìn lại cầu cứu bố mẹ. Mắt nhìn

lên cô giáo, người run lên bần bật, một cậu bé lì lợm, vững chắc như Giem-my mà vấp ngã, nhưng mắt vẫn phải nhìn xem cô có quở mắng gì không, chứ không dám xuýt xoa, nhăn nhó. Tất nhiên Giem-my không cần dùng và không thèm nhớ, có nhớ cũng không dám động dậy gì vào mảnh giấy xộp cha vụn vào tay áo đêm qua. Trong khi đó, mắt của Đê-vít và Me-ry đều đỏ hoe. Hai người phải dùng chung chiếc khăn mùi xoa, vì Đê-vít không hề chuẩn bị cho mình cái giờ phút này, dù đã chuẩn bị cho con từ hơn một tháng trước, dù biết rất rõ, thông hiểu rất nhiều cái ý nghĩa thiêng liêng này. Cái mục đích, cái ý nghĩ thiêng liêng là : tất cả những trẻ em vào lớp một, tiếp thu chữ đầu tiên, cuộc sống đầu tiên của nền giáo dục Mỹ đều thấy bắt đầu từ hôm nay, chúng đã bước sang một môi trường khác, cuộc sống khác. Nhà trường là thánh đường, cô giáo là đấng thiêng liêng cao cả. Bố mẹ, anh chị dù là tổng thống đều bất lực, đều vô nghĩa trước thầy, cô giáo. Nếu không được thầy, cô giáo nhờ một việc gì đấy, dè hì hứng, ngoan ngoãn làm theo, như chính mình là học trò của thầy, cô, thì không được tham gia bất cứ một việc gì với con cái mình. Tất cả mọi thói quen, mọi sự dạy dỗ riêng biệt của mỗi nhà đều vô nghĩa. Phải, từ nay, bắt đầu từ sáng ngày hôm nay mới bắt đầu một nền giáo dục của nhà trường. Nền giáo dục không chấp nhận cách dạy dỗ của từng nhà, nhưng nó lại có cả cung cách dạy dỗ của muôn nhà cộng lại thành luật lệ, tiêu chuẩn đạo đức. Nó hoàn hảo đến mức chỉ một cử chỉ của cô giáo sớm nay làm cho cả trẻ con và người lớn đều cảm nhận sâu sắc cái ý nghĩa rằng tất cả sự trong trắng ngây thơ này chỉ có thầy cô là những người duy nhất có quyền đặt lên đấy nốt chấm đầu tiên. Và, cũng từ sự thiêng liêng của muôn nhà và muôn bầy trẻ, khiến không ai có thể dấy lên đó một vết nhòe ở những tờ giấy trắng tinh xòe

ra mọi chân trời, kể từ buổi sáng ngày hôm nay. Buổi sáng vào lớp một.

Nhưng cũng một ngày đầu tiên vào năm học của trường đại học tổng hợp Mát-sa-xu-sét nơi Đe-vít là giáo sư dạy môn lịch sử lại hoàn toàn khác biệt đến không thể ngờ tới. Mười ngày sau khi đưa con đi học lớp một, Đe-vít giảng buổi đầu tiên cho sinh viên năm thứ ba. Anh mời tôi và Ngụy Ngũ đi dự. Phải nói ngay rằng anh không hề có một mảy may cử chỉ coi thường chúng tôi. Từ cuối năm 1964 khi chính quyền Mỹ trả đũa Việt Nam bằng cuộc ném bom ngày 5 tháng 8, anh đã tham gia phong trào chống chiến tranh, tham gia biểu tình ở Bốt-ston. Năm 1965 anh là người đầu tiên ở Bốt-ston đến Oa-sinh-ton tham gia cuộc biểu tình lớn của 20 ngàn người trước Nhà Trắng, đòi chính quyền không được đổ quân vào Việt Nam. Anh đã tổ chức một nhóm đi tìm sách rồi truyền cho người khác hiểu về Việt Nam, hiểu lịch sử Việt Nam thế kỷ 20. Từ 1969 anh đã dạy lịch sử cách mạng Việt Nam, lấy tài liệu của Lầu Năm Góc (bộ quốc phòng) do một nhân viên của họ ăn cắp trao cho báo chí in. Anh giảng cho sinh viên hiểu lịch sử nước Mỹ là gì. Tại sao chính quyền không muốn cho dân biết nguồn gốc người Mỹ từ đâu đến. Người Mỹ đã từng gọi thổ dân là mọi đống. Những hình họa, những áp phích đều nổi bật lên mục đích buộc mọi người phải hiểu da trắng là anh hùng, da đỏ là quý tộc cần phải giết. Đến bây giờ họ lại làm cái việc thâm sát, đầu độc đã xảy ra trên đất Mỹ trước tuyên ngôn độc lập 1776 và tuyên ngôn hiến pháp 1880, gọi dân Việt Nam là mọi vàng, một bày thú độc ác cần tiêu diệt. Anh nghiên cứu, giảng dạy và viết quyền: Mỹ đã có từ trong máu thịt của họ cái mục đích: tiêu diệt thổ dân ở bất cứ nơi nào họ đặt chân đến. Những năm tháng ấy anh bị coi là kẻ ngông cuồng chống lại chính quyền. Nhưng anh nói: «Tôi đã thấy mình lớn lên trong

sự hiểu biết lịch sử Việt Nam. Là sự kỳ thú, chưa thấy có một dân tộc nào trên hành tinh này kiêu hãnh như Việt Nam. Hy sinh đến cùng cho phẩm chất và danh dự của dân tộc mình». Từ năm 1985 đến nay anh đã năm lần sang Việt Nam. «Mỗi lần nhìn thấy khó khăn từ Việt Nam, trái tim tôi đau khổ như muốn vỡ ra — Anh nói — Trong tôi luôn luôn có một cảm giác lẫn lộn, người Việt Nam đẹp quá, hiền lành và cởi mở vô cùng, nhưng vì đâu họ thiếu thốn quá? Nước Mỹ có trách nhiệm gì trong cuộc sống hiện tại của Việt Nam, một dân tộc chịu hậu quả quá nặng nề do tác động chiến tranh của chính quyền và những người độc tài Mỹ gây nên?».

Trung tâm Gioi-nơ do anh và Kê-vin Bâu-uên đồng giám đốc nghiên cứu hậu quả xã hội sau chiến tranh Việt Nam đã làm hết sức để tổ chức hội thảo, đề quyền góp tiền, đề vận động các tổ chức và cá nhân trên toàn nước Mỹ giúp đỡ văn hóa, giáo dục, y tế, đời sống cho thương binh, phụ nữ và trẻ em Việt Nam. Dù kết quả còn quá ít ỏi, nhưng tấm lòng và sự tận tình của các anh thì không thể là bình thường. Không phải chỉ đi đấu tranh chống chính phủ trước kia và hiện nay, mà bất cứ ai, kể cả người Việt Nam hiểu sai lệch hoặc xuyên tạc về đất nước Việt Nam, lịch sử dân tộc Việt Nam, Đê-vít cũng không thể nhượng bộ. Khuôn mặt vốn luôn luôn day dứt của anh, những lúc ấy như gục xuống vì đau đớn, khổ sở nếu chưa tìm ra được một cơ sở khoa học làm cho kẻ dối thoại phải khuất phục. Một con người như thế không thể có một cử chỉ nào coi thường người Việt Nam, nhất là chúng tôi, những người anh đã vất vả hàng mấy tháng trời vượt qua vô vàn trở ngại để mời bằng được đến đây. Nhưng tại sao trước mặt chúng tôi, trước sinh viên, anh lại ngã lưng ra ghế tựa, đưa cả hai chân mang giầy, tất đặt lên mặt bàn. Còn sinh viên thì người quay ngang, quay dọc, hầu như không hề biết đến sự có mặt của chúng tôi,

những người khách nước ngoài. Nhớ lại buổi khai trường cùng anh đưa Giem-my vào lớp một, tôi hoàn toàn thất vọng buổi dự giảng này. Tất nhiên, tôi không hề thể hiện điều gì về Đê-vít biết nỗi buồn bực của mình. Tôi cười cười để nén nỗi buồn bực, cho đến khi trở về đến nhà Nguyễn Thương. Anh Thương cười ngớ ngàng vì sao tôi lại đi thắc mắc chuyện ấy. Tôi đã từng nói với anh Thương, tôi hiểu người Mỹ bao giờ cũng hành động theo mục đích nào đấy, bất chấp mọi cung cách trong quá trình đi tới nó. « Nhưng không phải một mục đích xô bồ, đồng loạt — Anh Thương giải thích — Với giáo sư: nếu anh giảng dạy tôi thì anh ngồi cách nào, đứng cách nào, nhìn liếc, cười cợt như thế nào, mà sinh viên không tiếp thu ở mức cao nhất, thì họ cũng có thể làm đơn kiến nghị hiệu trưởng đuổi anh. Còn nếu anh uyên bác, giảng hay, thì anh đứng quay đi vào mặt họ, có ngửa mặt nói với cái trần nhà, hoặc nói ra ngoài cửa sổ, như thể đang nói với người ngoài đường, thì họ vẫn cứ thích thú. Đối với sinh viên, mục đích ở lớp là nghe, chứ không phải chú ý đến cách ăn mặc, cách ngồi, cách đứng, cách nhìn, cách ghi. Vậy thì chỉ cần trật tự, vô cùng trật tự, im lặng là được. Anh có công nhận họ im lặng ghê gớm không? Đấy, họ chỉ cần thế là đủ. Và, thậm chí nếu anh nào đang nghĩ đến người yêu, nghĩ đến chuyện du lịch hay bị hỏng xe, bị vợ bỏ... không thể nghe được, chỉ cần mở máy ghi âm. Khi về nhà, lúc nào tỉnh táo, đầu óc tập trung, mở máy ra nghe lại, đến khi hiểu bài thì thôi. Giáo sư không cần biết anh học như thế nào. Nếu khi thi, anh thiếu nửa điểm, dù có là con thống đốc bang, cũng không có trường hợp ngoại lệ, vẫn phải thi lại, phải ở lại lớp hoặc bị đuổi. Cùng là mục đích, với đứa trẻ hoàn toàn tựa vào người khác, thì người làm điểm tựa ấy phải dẫn nó tới mục đích. Còn sinh viên, đã biết nghĩ ngợi, biết tự định đoạt lấy cách học, cách hiểu, cách thi, cách đỗ, anh phải tự

quyết định lấy. Phải tự tìm ra cái yếu tố quyết định để trở thành người giỏi. Thế đấy, người Mỹ giáo dục cho từng người cụ thể, chứ không giáo dục cho tất cả toàn xã hội một công thức bằng tập hợp những mỹ từ rất kêu, nhưng nó chạy leng keng, loong coong, ào ào trên đầu tất cả mọi người và ra ngoài sự quan tâm của tất cả mọi người. Đê-vít muốn hôm nay các anh chứng kiến tận mắt cái thực của một cung cách học hành, cung cách giáo dục ở trường đại học, ở lứa tuổi đã trưởng thành, chứ không phải cốt lểm cho các anh vừa lòng trong sự mời chào xã giao, lại càng không phải để các anh thích thú, hài lòng những cái gì mà ngày khác, năm khác, không phải thế. Bọn nó rất ghét sự lừa bịp giả dối. Tất nhiên, chính quyền Mỹ đã từng bịp bợm, đã từng lừa dối dân chúng, nhưng đấy lại là chuyện khác thuộc về mục đích đen tối nào đó. Cảm ơn anh Thương, anh đã cho tôi một đêm ngủ ngon lành ở nhà anh, vì đầu óc không phải day dứt cân xé mãi về cái cử chỉ của Đê-vít. Tất nhiên anh ta hoặc không hề đề ý đến, hoặc cho đó là chuyện vặt, nhưng tôi thì tôi đề bụng tất cả và không thể gọi là chuyện nhỏ. Có khi cắt đứt những tình cảm tốt đẹp, những sự bàn luận và những việc làm lớn lao đôi khi liên quan đến cả danh dự của dân tộc, chỉ do những chuyện bực tức vặt vãnh trẻ con như thế này.

X

TẤT cả những thành phố tôi đã đi, giữa hàng triệu người, hàng triệu xe hơi ngang dọc, quay cuồng

mù mịt, rất ít khi trông thấy cảnh sát điều hành, duy trì luật lệ giao thông. Nhưng bất cứ lúc nào anh vi phạm, lập tức bị «chộp» ngay. Có cảm giác họ như ma, như có phép tàng hình kỳ lạ vô cùng. Chẳng hạn ở Niu-Yoóc hoặc Oa-sinh-tơn và rất nhiều thành phố, quy định tốc độ xe hơi chạy trong thành phố không được quá 35 mai. Nếu anh vượt quá tốc độ dăm, bảy mai, lập tức đã có xe cảnh sát nhấp nhóang đèn tín hiệu rú còi ầm ầm, chặn ngay trước đầu xe anh. Sự «nghênh tiếp» của cảnh sát không phải chỉ có sẵn sàng ở thủ đô và các thành phố, mà bất cứ ở đâu người vi phạm cũng được «tiếp đón» kịp thời. Chúng tôi đi Kép-cót vào lúc một giờ đêm. Sau hơn một tiếng, cách Bốt-stơn gần hai trăm ki-lô-mét. Ở chỗ «khi ho cò gáy» này vào đúng hai giờ ba mươi phút, có một chiếc xe cùng chiều đi quá tốc độ quy định. Chiếc xe ấy vừa vượt lên trước xe chúng tôi chừng dăm trăm mét đã được «tiếp». Những lần như thế, cảnh sát không thềm nói một lời, chỉ việc đưa cho anh miếng giấy vàng rồi họ đi ngay. Người phạm luật nhìn «giấy vàng» xem một trăm hay năm chục đô-la, rồi dăm ba tiếng, hay cùng lắm một vài ngày sau phải ra ngân hàng nộp phạt. Nếu không muốn nộp phải làm đơn ra tòa chứ không được phép kéo dài. Thường thường, tất cả đều tự giác nộp, rất ít người kiện ra tòa. Vì đến tòa chắc chắn anh thua. Tòa án chiếu ngay cho anh xem đoạn băng anh phạm luật, khiến anh không thềm cãi.

Kề với bạn đọc một ví dụ trong muôn vàn việc làm nghiêm ngặt của luật pháp, khiến con người phải tự giác thường xuyên, tự giám sát nghiêm ngặt với chính mình trên tất cả mọi lĩnh vực. Luật định là tối thượng, không có người đứng ngoài. Tất nhiên, đất nước nào chả có luật pháp. Nhưng tôi nghĩ, sự tinh vi và nghiêm ngặt khách quan của luật pháp ở Mỹ, khiến chúng ta không thềm không nghiên cứu nó. Vì lần đầu tiên tới một đất nước xa lạ

trong hoàn cảnh nói nhiều hơn là nghe, lúc trở về lại muốn tâm sự nhiều điều hơn những gì đã thấy, nên có những lúc tôi muốn và thực chất đã biểu hiện ra trong cuốn sách về chuyến đi này như là những kinh nghiệm, những tin tức vụn vặt, những ý nghĩ lan man, lộn xộn hơn là những trang viết có được sự cô đọng của nghệ thuật. Cho nên nếu được bạn đọc cho phép, tôi nói ngay rằng tôi vô cùng thích sự quản lý xã hội bằng luật pháp. Nhưng tôi lại không thể nào thông cảm và có thể chấp nhận được luật pháp nằm trong cả giấc ngủ, miếng ăn của cha con, vợ chồng, anh em ruột thịt và bạn bè thân thiết (tất nhiên tôi nói tôi, tức là một anh nhà quê Á Đông nên cách nhìn nhận, cảm thụ có thể không phù hợp với sự tân tiến của Tây Âu và những bạn bè chúng ta đang có cách sống hiện đại). Ấy là những chuyện mời nhau đi ăn, ăn xong chia đều mỗi người tự rút tiền túi ra trả. Vợ chồng ở với nhau cả đời nhưng tiền ai nấy tiêu. Tiền gửi nhà băng có mã số riêng của từng người. Khi cần chi tiêu gì trong gia đình thì theo tỷ lệ lương dăng «ấy», dăng «này» góp lại. Vợ chồng như hai bộ phận cơ khí máy móc ghép nối với nhau mà luật pháp là đinh ốc, bu loong giữ gìn sự bền chặt. Nhưng có người thích thế. Thế nó sòng phẳng, đỡ giằng níu, rắc rối khi phải chia tay nhau. Chia tay nhau chỉ như tháo đinh ốc, bu loong là xong. Đơn giản hết chỗ nói. Ôi! Nó đơn giản tuyệt vời. Con người luôn luôn thèm khát sự đơn giản tối đa trong mọi ràng buộc. Nhưng lấy gì để ghép nối da diết nhớ thương, lấy gì để tháo gỡ vấn vương, tơ vò trong lòng đau, dạ thất? Cái gì rồi cũng thành quen ư? Nếu loài người chỉ có tình cảm, tính nết và quan niệm như luật pháp thì có gì phải có nhiều người đến thế, có gì phải tìm hiểu, có gì phải nói năng bóng gió, liếc nhìn tình tứ. Và, thực tế, một cuộc sống luôn luôn đề phòng sự chia tay, chuẩn bị sẵn sàng cho mọi đờ vỡ thì tình yêu đôi lứa, cái nghĩa

chồng vợ làm gì còn sự yên tâm đề «bốc lửa», bèn chặt đấm say.

Bà cụ ở tầng trệt cùng biệt thự với anh Thương, năm nay 83 tuổi. Sau một tháng kể từ ngày qua lại làm việc, ăn ngủ chơi bởi với anh Thương, tôi mới biết có bà cụ ở căn hộ bốn phòng tầng dưới cùng, trong ngôi nhà ba tầng này. Nhưng cụ biết tôi từ hôm đầu tiên đến đây. Đứng trong khe cửa mà nhìn. Cũng như cụ đã đứng nhìn như thế hàng chục năm với những người ở hai tầng trên khi họ đi lúc bảy rưỡi sáng và về lúc năm rưỡi chiều. Đây là chưa kể lúc nửa đêm, ngày nghỉ họ ra vào, lên xuống thậm thình bước chân, ồn ã tiếng nói, ăm ăm nhẩy nhót và ca hát. Tuổi già khó ngủ, lại rất dễ tỉnh giấc, một động tác nhẹ nhàng, một tiếng nói thì thảo trong hơi thở gấp gáp chỗ cửa ra vào dưới chân cầu thang cũng làm cụ tỉnh giấc. Cụ quen thuộc từng bước chân người con trai ở tầng hai, tiếng mở khóa rụt rè của cô gái mới đến ở với anh ta hồi cuối năm ngoái. Tiếng nói xèo xèo như rán mỡ của người đàn ông tầng ba và tiếng cười lạnh lạnh như tiếng kim loại va vào nhau của cô gái chỉ bằng tuổi con út ông đến ở với ông đã ba năm nay, vào những ngày nghỉ cuối tuần. Một anh sinh viên gầy gò, tóc xõa ngang vai chuyên mặc quần soóc khoét thùng ở mông để hở mảng quần lót và phía trước xé tướp thành hai, ba mảnh. Anh ta đến thuê một phòng nào đó trên tầng ba. Đã năm năm nay không thấy anh nói một câu tại ngôi nhà này. Nếu không thấy tiếng mở khóa lúc nào cũng vội vã và tiếng đẩy cửa «rầm» thì không thể biết có anh sống ở đây. Nghe tất cả, biết tất cả, nhưng cụ không hề biết tên bất cứ người nào, họ là ai, làm việc gì, ở đâu. Còn họ, tất nhiên không hề biết cụ, kể cả khi giáp mặt nhau trước cửa ra vào. Ai cũng tránh cái nhìn vào cụ. Cụ không hề trách cứ họ. Bởi thói quen ở nước này thế. Thành ra cụ không thể nhìn rõ mặt ai, chỉ biết

tính nết của họ qua những tiếng động ở cửa và chỗ cầu thang. Anh Thương mới chuyển về đây hai tháng, thay chỗ ông già và cô gái trẻ đã dọn đi nơi khác. Cụ đã một lần móm mém cười và gật đầu đáp lại cái cười và gật đầu của anh. Còn tôi, bữa ấy Kê-vin nhờ Mai-con đón tôi nhưng Mai-con lại phải làm một việc khác. Ông *phôn* cho tôi, xin lỗi và yêu cầu tôi chờ ông một giờ. Một giờ ấy tôi xuống chân cầu thang ngồi đọc sách. Chừng năm phút sau khi tôi ngồi, cụ mở cửa phòng đứng ngóng trông, chờ đợi cái gì đó. Rồi cụ quay vào. Tôi đứng dậy chào cụ. Cụ mừng cuống quýt hỏi tôi. Tôi nói, tôi từ Việt Nam đến. Người bạn của tôi ở tầng ba. Cụ nói, cụ biết tôi đến ở tầng ba ngay từ hôm đầu. Cụ cũng có biết anh Thương nhưng không biết tên, như thói quen của tất cả mọi người trong cùng ngôi nhà hàng trăm năm không hề biết tên nhau. Ai cần gì thì nói, nếu làm được, họ sẽ tận tình hết sức mình. Còn đã không nhờ vả gì, không bao giờ họ biết anh là ai, kè cả bố mẹ nếu không nhờ, cũng không bao giờ họ hỏi đến. Cụ bảo, mười hai năm nay, kè từ khi tất cả ba người con của cụ, hai gái một trai đều lấy vợ, lấy chồng hoặc ăn ở không đăng ký với người khác, ở nơi khác, đây là lần đầu tiên có một người lạ chủ động hỏi han, vồn vã về sức khỏe và nói chuyện vui vẻ với cụ. Còn các con cụ thì sao? Dăm bảy tháng họ mới trở lại thăm cụ một lần. Nó ào ào đến, lại ào ào đi cùng người yêu của nó. Nó nói năng, cười đùa với nhau là chính. Có khi cả một buổi họ về nhà thăm cụ mà chỉ nói với cụ một câu. Cụ hy vọng có những đứa cháu dễ thành thạo được chơi đùa hoặc trông nom chúng. Nhưng cả ba người con của cụ đều chưa có con. Không người con nào quy định, nhưng cụ tự giới hạn cho mình một tháng chỉ *phôn* cho mỗi đứa một lần. Riêng người con gái thứ hai quý cụ hơn, cụ gọi nói chuyện với nó hai lần. Vậy là cụ chia đều cho bốn tuần. Mỗi lần *phôn* cho con, cụ hỏi han lo lắng sức khỏe, công việc

và sự tiêu pha của chúng là chính. Họ cũng trả lời là chính, hỏi lại rất ít hoặc có lần họ quên không hỏi gì cụ. Cách đây ba tháng, cụ ốm cả tuần không dậy được. Việc ăn uống, giặt giũ đều có người ở cửa hàng đến tận nơi, chỉ cần trả tiền. Cụ thấy thềm được ở với con. Cụ gọi điện cho người con gái thứ hai yêu cầu nó đến ở với cụ một tuần. Con sẵn sàng đến với mẹ. Con tự thấy mình rất muốn điều đó, nhưng con chỉ được nghỉ hai ngày, còn những ngày khác mẹ trả con bao nhiêu tiền?

Tôi không đột ngột lắm với câu chuyện của cụ. Tôi đã ngỡ ngàng, đã day dứt tự hỏi, đã buồn bã từ khi nghe chuyện của K, bạn tôi. Cả anh ấy và tôi không hề biết nhau, dù rằng đã đọc truyện và xem tranh của nhau. Nhưng những cái tên của chúng tôi vẫn lẫn chìm trong rất nhiều tên khác, gặp nhau không «giở lại lai lịch» làm sao biết được. Vừa đến trung tâm làm việc một tuần, nghĩa là có bài báo đầu tiên của người Mỹ giới thiệu về tôi, anh *phôn* đến trung tâm cho tôi — Tôi là bạn thẳng Ngũ, anh nói, Ngũ nó đã sang chưa anh? Anh ơi, tôi *phôn* lần này là lần thứ năm mới được gặp anh đó. Ngay chiều nay tôi đến anh được không? Anh còn phải đi à? Vậy thì anh cho tôi được phép ngày ngày nói chuyện với nhau qua máy được không? Anh ơi, khi nào mới gặp được nhau? Dù Ngũ nó chưa đến, tôi cũng cứ đến anh. Nếu không tôi muốn lao vào ô tô mà chết mất thôi. Anh không thề hiểu được tôi đâu. Tôi đến đây được hai tháng. Đầy đủ, thừa mứa vô cùng, nhưng lại thiếu vô cùng. Tôi chả còn gì nữa, anh ơi. Nhưng thôi anh tiếp tục làm việc với họ đi, đêm đêm tôi *phôn* lại anh. Đề tôi chủ động gọi trước đỡ phiền cho họ — Từ đấy, đêm nào anh K, cũng *phôn* đến nói chuyện với tôi hàng giờ đồng hồ. Rồi khi Ngụy Ngũ đến Mỹ, anh có mặt chờ bạn trước khi máy bay hạ cánh, đưa chúng tôi về nhà. Rồi, anh lại «bỏ» vợ con, «theo» luôn chúng tôi hàng nửa tháng trời.

Đêm nào chúng tôi cũng thao thức với nhau đến sáng. Cứ ngồi với nhau đề anh được đàn, được hát, được đọc thơ Nguyễn Bính, Xuân Diệu, được vẽ chân dung cho tất cả mọi người. Nếu không, các bạn ơi, mệt quá cứ ngủ đi đề mai còn đi làm việc. Còn tôi... Cái dáng người to lớn lừng lững, một khuôn mặt đỏ gay gắt với bộ ria đen nhánh, một đôi mắt sâu xa và sáng quắc rất đàn ông ấy chờ bạn bè đi ngủ, ngồi một mình vẽ, uống. Rồi vẽ, rồi uống. Rồi rũ xuống giữa vắng lặng của ngọn đèn ngủ mờ ảo, như chơi với giữa mệnh mông không bến bờ của kẻ mất quê hương, mất hết người thân yêu. Anh thêm khát một tình người, một tiếng bạn bè, một kỷ niệm da diết. Nhưng bạn bè thì vô tư đang ngủ, đề lại anh, một mình anh chơi với giữa đơn độc, bơ vơ. Người ta bảo rằng ở Sài Gòn bao nhiêu người mừng cho anh, thêm muốn ở anh một vận may mà trời đã trả công cho sự chờ đợi xa cách suốt mười ba năm ròng rã. Trong nỗi hoảng loạn của năm 1975, vợ anh và hai đứa con «chạy thoát». Lúc yên trí đưa vợ con xuống tàu, anh quay về đề thu dọn nốt những gì cần phải mang theo thì bị rút lại. Sự hẫng trượt ly tán không thể nào ngờ tới, không thể nào dám nhen nhúm một tia hy vọng của sum vầy, đoàn tụ. Một năm sau, vợ anh có thư về. Một thân gái không chỉ bơ vơ dặm trường giữa đất khách quê người, kiếm sống nuôi dạy hai con ăn học, chị còn phải lo toan «từ xa» cho chồng, một người chồng hết lòng yêu vợ, thương con. Với tính cách bất cần, anh sẽ sống ra sao ở quê hương đang loạn xạ thông tin về sự khốn khổ, cực hình. Suốt mười ba năm trời săn lùng, tìm kiếm cách thức đề chồng được đến đây với ba mẹ con. Khi có chính sách «bảo lãnh», chị mừng rỡ và đã chạy vạy hết sức, đến nỗi khi anh có mặt ở sân bay, ôm chầm lấy chồng, chị vẫn tưởng như đang ôm vào giấc mơ, hoảng hốt nhìn lại khuôn mặt anh. Ừ, anh ơi, tuy có nhiều nếp nhăn, nhưng anh không gầy, ốm o như

em nghe, em đoán. Còn anh, sau những phút choáng ngợp, cảm động, có phần biết ơn người vợ vất vả, anh thấy mình không còn gì. « Các anh ơi, tôi mất cả rồi! Vợ tôi không còn là của tôi nữa. Tôi biết vợ tôi rất mực chung thủy chờ chồng, nuôi con, không một mây may ngờ vực, nhưng mười ba năm qua đã đủ hình thành một thói quen, một cách sống không dễ gì thay đổi. Vợ tôi vẫn thông minh và tế nhị, vẫn làm lụng kiếm ăn và biết an ủi khuyến khích tôi về, cố tạo dựng lấy một phòng tranh cho tôi. Nhưng chỉ một cử chỉ nhỏ nhen, một thói quen tự nhiên không ai tránh khỏi. Chẳng hạn, hai vợ chồng đi mua bán, cô ấy buột miệng nói đùa một câu: « Nào, tiền anh đâu? ». Vợ tôi chỉ lơ lờ do thói quen suốt mười ba năm bên cạnh những người làm gì cũng có luật, cũng được xăn ra từng phần rất khoa học, chính xác. Khi biết mình lơ lờ, cô liền nắm lấy tay tôi kéo vào khu bán bột màu để tôi chọn. Nhưng tôi cứ thấy nghèn nghẹn ở cổ cảm giác mình là thằng ăn nhờ vợ, bám vào vợ để được rong chơi nhảy múa. Đã được vợ bảo lãnh, lại được vợ nuôi. Các anh thì không. Thằng Ngũ đây, bạn tôi nó biết. Từ xưa tới nay, tôi chưa hề bắt cứ ai có thể coi thường về một sự hạ mình, luồn lọt, nhờ vả, kè cả bố mẹ đẻ ra mình. Đang là thằng họa sĩ, không dám nói là tài năng có hạng, nhưng ở nhà, các anh biết tôi vẽ không giống ai. Vì thế tôi sống có bao giờ thiếu thốn. Không cần bán tranh. Bạn bè yêu tranh mình, « bao » mình, đã đủ thừa múa, sung túc. Vậy mà ở đây, dù sao vẫn là thằng bám vào quần vợ. Mà con người ta dễ thỏa mãn vật chất là vô hạn nhưng cũng rất có giới hạn. Có cần gì nhiều đâu, nhất là dám nghệ sĩ anh em mình. Đây là chưa kể những cử chỉ rất nhỏ nhặt trong cuộc sống và tình cảm hàng ngày. Chẳng hạn như một người đàn ông quen biết trong công sở gặp vợ mình, họ có thể ôm chàng lấy hôn lên môi, lên má là chuyện thường, nhưng mình lại không quen. Từ

không quen đâm ra ngờ vực. Từ ngờ vực dẫn tới mình cố làm ra những thói xấu để hành hạ, bắt bẻ làm khổ cô ấy. Thành ra hai vợ chồng rất yêu thương nhau mà vẫn thấy xa lạ, vẫn không thề tin nhau.

Những đứa con cũng không còn là con tôi. Nó nói tiếng Anh, tôi nói tiếng Việt. Nó có thể nghe mình loáng thoáng. Mình cũng có thể nghe nó loáng thoáng. Mình mở mồm ra nói là nó nhấp nháy với nhau, ôm mặt cười giễu cợt mình. Nó nói mình nghe cũng buồn cười. Hai bên không thể hiểu được nhau, thành ra, muốn nói gì với nhau, phải đợi đến tối mẹ nó về làm phiên dịch. Con trai 17 tuổi đã có thể mang bạn gái đến nhà, trong một phòng riêng suốt đêm. Con gái 15 tuổi cũng có thể đi suốt đêm đến nhà bạn trai. Nói nó, nó bảo ông không có quyền xâm phạm đến việc của tôi. Tất nó một cái, nó ngồi viết đơn đưa ra tòa.

Còn bạn bè ư? Ở Sài Gòn đi nhậu tối ngày không phải lo nghĩ gì. Có tiền « bao » bạn. Không tiền đã có bạn « bao ». Còn ở đây, bạn rủ đi ăn, không có tiền trong túi không dám đi. Tất nhiên, như thế nó sòng phẳng và buộc con người phải biết tính toán. Nhưng bao giờ tôi mới giết hết được những tình cảm hồn nhiên, bột phát của mình đối với bạn bè để thành thói quen: yêu bạn, phải có những đồng tiền ở sẵn trong túi. Nhà cửa và ô tô, tiện nghi và vi-đê-ô và cả không gian này đều không phải của tôi. Tôi sẽ vẽ bằng cảm xúc nào và ai sẽ thương thức tranh tôi, khi ở đây tôi chẳng còn gì, kể cả Tờ quốc của mình.

Anh đã thức trắng suốt đêm « theo » chúng tôi để rồi lúc buộc phải chia tay nhau, anh đã ngửa mặt úp cả hai bàn tay trùm kín cả đôi mắt sâu xa, sáng quắc, cả bộ ria đen nhánh và khuôn mặt đầy cá tính, rất đàn ông của mình. Để rồi, anh lại trở về sống chơi vui giữa vợ và con, giữa sự thừa thãi đến vô lý của vật chất. Liệu có ngày nào đó, anh cũng đứng phía trong khe cửa để nhìn ngắm

tất cả, lắng nghe tất cả những âm thanh của con người tạo ra, mà không thể biết đến ai, trước mặt chỉ có sự lạnh lùng nghiêm ngặt của tất cả những gì đã thành thói quen luật lệ, như bà cụ 83 tuổi đã mừng rỡ cuống quýt khi nói chuyện với tôi, một kẻ xa lạ ở dưới chân cầu thang, trước cửa lối ra vào không?

XI

MỘT người Mỹ to cao, đồ sộ có cảm giác muốn đè lút tất cả những người xung quanh. Anh có mái tóc cắt «cua», cái miệng cười «thường trực» và nói liên tục như tiếng súng đại liên. Đi trên đường Hà Nội, gặp bất cứ ai anh cũng giơ tay, nói tiếng Việt: «Chào đồng chí. Tôi là chiến sĩ của người Mỹ. Tôi yêu nhiều lắm nhân dân Việt Nam của tôi». Rồi hát bài hát «Giải phóng miền Nam», hát «Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng». Hát rất say sưa và nghiêm túc. Gần một tuần ở miền Bắc, anh hăm hở chuyện trò ồn ã, hăm hở hát và cười đùa như một người đi xa được trở về nhà mình, như kẻ bị tù dày được giải phóng, trở về với xóm làng, bè bạn thân thuộc. Đây là lần thứ hai từ sau ngày đất nước ta hoàn toàn thống nhất anh trở lại Việt Nam. Lần trước vào năm 1985. Khao khát trở lại Việt Nam, nỗi nhớ Việt Nam như lửa đốt ruột gan, nhưng anh không có tiền để làm được niềm mong muốn, đành thuê báo «quảng cáo» nguyện vọng của mình để xin tiền. Một tuần sau, số tiền gửi đến cho anh được hai ngàn. Anh xin vi-da và mua vé máy bay đi luôn. Lần ấy anh ở Hà Nội có hai ngày rồi phải

vào chiến trường cũ, vùng Quảng Trị và vào thành phố Hồ Chí Minh. Trở về Mỹ, anh có được những vật anh cho là vô giá: cờ giải phóng, mũ tai bèo, gậy « Trường Sơn », tăng, võng, ba lô con cóc. Khi ở Mỹ, trung tâm Gioi-nơ giới thiệu với tôi về anh, một người vô cùng nhiệt huyết với Việt Nam. Trước năm 1985 Giô-beng-gơ làm việc ở tổ chức cựu chiến binh ở Bốt-ston. Anh đã kêu gọi, vận động, khích lệ các bác sĩ Thụy Điển, Đức, Nhật, Pháp, Hà Lan và sáu bác sĩ người Việt Nam ở trường đại học Ha-vớt tìm ra 300.000 người Mỹ và Việt Nam (lính ngụy) và các nước khác đã bị nhiễm chất độc hóa học tại Việt Nam. Cũng trong mười năm nghiên cứu ấy, họ đã kết luận Mỹ đã rải chất độc màu da cam tại Việt Nam. Hãng DOX chế chất độc đó phải ra tòa thượng thẩm, bồi thường nửa tỉ đô-la. Sau đó tổ chức cựu chiến binh của anh không được trợ cấp lương, anh phải về nhà ở Kép-cốt sống nhờ vào lương vợ.

Tôi còn được Trần Hiền, một thanh niên người Việt Nam yêu nước rất thân thiết với Giô-beng-gơ nói về anh và hoàn cảnh gia đình Giô « neo bần » rất nhiều. Việc đến thăm anh là đột xuất, ngoài chương trình, nên chúng tôi phải tranh thủ vào ngày chủ nhật. Mười giờ tối ngày thứ bảy, nghe chuyện anh trong một bữa cơm tối xong, tôi nảy ra ý định muốn được đến gia đình anh. Đê-vít Hán và Trần Hiền *phôn* cho Giô-beng-gơ. Anh reo to lên trong máy: « Trời ơi, thế thì tốt nhiều quá, tôi được gặp « đồng chí » Việt Nam của tôi, ngay đêm nay có được không? » Rồi « vẽ sơ đồ » địa chỉ nhà anh qua máy điện thoại cho chúng tôi. Phải hơn 12 giờ đêm chúng tôi mới rời Bốt-ston. Đoạn đường đi Kép-cốt chưa đầy 200 ki-lô-mét, vòng vèo, lặc lối, hơn hai giờ sáng chúng tôi mới tìm thấy đường rẽ vào nhà anh. Một lá cờ giải phóng to gần 2m² căng phía trong kính ô tô đỗ ở cạnh đường quay mũi vào phía nhà, báo hiệu đã đến nơi anh ở. Nghe tiếng

còi xe Hiên bám trên anh, Giô-beng-gơ vội vã lao từ trong nhà ra, hai tay giơ lên ngang mặt bằng giấy in chữ: «Chào mừng chí chiến sĩ của cách mạng Mỹ». Anh ôm chầm lấy tôi và cất giọng hát rất vang, mạnh mẽ, hùng tráng bài Giải phóng miền Nam. Tôi cùng hát với anh. Cả hai đều thấy bài hát cất lên lúc này sao thiêng liêng trang trọng quá. Chúng tôi hát đi hát lại giữa lúc vợ và ba đứa con của anh đã chạy từ trong nhà ra quay quần quanh chúng tôi cùng với Hiên, anh Thương và Long Thanh (đi cùng tôi từ Bốt-ston đến). Đêm đó, anh và chị Vic-to-ri-a vợ anh, thức cùng chúng tôi hát và kể chuyện. Đây là những ngày anh và tôi sống ở chiến trường, cùng có mặt ở Quảng Trị mà chưa hề biết nhau. Có thể thấy nhau mà chưa biết mặt. Anh là lính xạ thủ trên máy bay lên thẳng của thủy quân lục chiến. Tôi là nhà báo đi theo đồng đội, là lính của đại đoàn Đồng Bằng, đơn vị cũ của tôi. Có thể anh đã nã đại liên vào đồng đội của tôi và đồng đội tôi cũng bắn 14,5 ly lên. Cả hai bên đều có người chết và máy bay của thủy quân lục chiến rơi. Nhưng tôi và anh thì vẫn lành lặn, đề đêm nay ngồi kể lại cho nhau nghe. Ngày hôm sau, anh và tôi đội mũ giải phóng, khoác ba lô con cóc, nằm võng Trường Sơn và chống gậy đi phía sau nhà anh, nơi có cây cò thụ như rừng, có những tảng đá lớn, có suối chảy róc rách đề nhớ lại Trường Sơn. Tôi bảo anh: «Khung cảnh này là của tôi, còn anh bay ở trên trời bắn xuống kia mà. Làm sao kiếm được máy bay đề diển lại cảnh này» — «Ồ không, tôi đã bỏ máy bay xuống đất và tôi không bắn, nên tôi bị phạt giam. Tôi biết, tôi bắn xuống có thể trúng, có thể không, nhưng bắn xuống «đồng chí» của tôi là có tội. Một lần ông đại tá thủy quân lục chiến đi thăm bà con ở trại tập trung. Ông bắt chúng tôi theo, mang đồ ăn phát cho dân chúng. Ông nói rằng người Mỹ luôn luôn thông cảm và thương yêu người Việt. Mỗi lần người Việt

đói là người Mỹ chúng tôi thấy mình không chỉ cảm thấy đói, mà còn đau khổ, thương xót người bạn đồng minh của mình. Một em nhỏ chừng 9, 10 tuổi đưa bàn tay ra nhưng không đề nhận phần thức ăn, mà gạt nó xuống đất và chửi: «Đù mẹ mày». Lập tức đại tá rút súng bắn chết em bé tại chỗ. Ngày ấy tôi chưa có con, nhưng tôi lớn lên từ cô nhi viện ở Phi-la-đen-phia. Tôi có rất nhiều kỷ niệm với những đứa bạn tôi ở tuổi lên 9, lên 10. Đại tá bắn, em bé lăn ra chết. Tôi rùng mình và nước mắt ứa ra vì tôi tưởng đại tá đã bắn vào những đứa bạn của tôi, vào cả tuổi ấu thơ của tôi ở cô nhi viện. Một lần khác, vào năm 1969, tôi viết thư về nhà nhờ người di vận động quyền góp đề giúp nhân dân Việt Nam. Người di đã làm việc đó rất tận tình, vận động được nhà triệu phú gửi cho hai tấn quần áo sang Đà Nẵng. Không ai biết tôi đã làm việc đó. Khi quần áo đến nơi dân địa phương đang bị lụt và đói. Những quan chức địa phương đem quần áo và bắt dân học tập ý nghĩa cao cả của người Mỹ. Dân phản đối. «Chúng tôi không ai mặc được thứ quần áo này. Chúng tôi đang đói và không có chỗ ở. Hãy cho chúng tôi cái gì chúng tôi đang cần lúc này!». Nhưng những quan chức người Mỹ và người Việt muốn truyền giáo chứ không muốn cứu dân. Họ bắt mọi người phải nhận và cảm ơn người Mỹ và chính phủ cộng hòa. Dân ào ào phản đối. Họ không đập được, cho trực thăng bay xả súng bắn vào dân chúng. Phi công trưởng ra lệnh bắn. Không ai bắn. Phi công trưởng bắn chết hai người rồi hô tôi bắn. Tôi chĩa súng vào hắn và nói: «Tao hèn nhất không bắn được xuống đất nhưng tao bắn được mày». Tôi đã to lớn lại ngang tàng, nên trung úy phi công trưởng sợ không dám tố cáo tôi với cấp trên. Từ đấy, tôi từ chối việc hành quân trên trực thăng với lý do tôi đã mắc bệnh tâm thần. Thực chất, từ khi chứng kiến cảnh giết các cụ già, em bé và tiếp xúc cảnh khổ cực của dân chúng tôi

đã nói làm nhảm nhiều lắm. Tôi cố tìm cách tiếp xúc với người Việt để học tiếng Việt. Trong những người dân bị coi là cộng sản, bị tra tấn và bị giết chết, tôi rất thêm gọi những người ấy là đồng chí. Không ai chấp nhận tôi, nhưng tôi tự thấy mình là một chiến sĩ cách mạng của Mỹ, để được là bạn bè của các đồng chí Việt Nam. Mỗi lần sắp có một quan chức từ Mỹ sang, các đơn vị lại cho người đi dạy trẻ con bài hát ca ngợi Mỹ và những cử chỉ tỏ ra yêu mến người Mỹ. Tôi hằng hái nhận là một trong những người làm việc đó. Nhưng tôi dạy các em những bài hát hài hước, giễu cợt nước Mỹ. Các em đã hát những bài đó trước mặt ông tướng Mỹ khi ông đến thăm dân cùng quan chức chính quyền ông Thiệu. Các ông rất tức giận nhưng vẫn phải cười nghe hết bài nọ đến bài kia. Tức giận mà không thể làm gì được. Chỉ huy cấm tôi không được đến chỗ người Việt. Trong những lần gặp người dân Việt Nam, tôi đã học được tiếng Việt ở họ và vẽ bản đồ nơi tôi đóng quân cho họ. Tôi lật ảnh ông Thiệu, vẽ bản đồ phía sau. Có căn cứ tôi vẽ bản đồ, sau một tuần thì căn cứ đó bị pháo kích rất chính xác.

Bao nhiêu tội lỗi của chính phủ Mỹ ở Việt Nam, khiến tôi chỉ muốn làm được cái gì đó, để người Việt Nam thấy người Mỹ chúng tôi không phải độc ác tất cả, để khi thành bạn bè của nhau, ôm nhau hát và cười như chúng ta ở đây hôm nay, không phải trông thấy nước mắt chảy, và máu chảy...».

Hôm nay thật cũng ngỡ ngàng đột ngột. Tôi không thể nào ngờ mình lại sống lại cái thời gian nan, đói khổ của người lính Trường Sơn «luồn rừng, lội suối» ngay trên đất Mỹ, ngay nhà người lính thủy đánh bộ Mỹ ở Kép-cót, một vùng biên nghỉ mát sang trọng và đẹp nhất nước Mỹ. Đồng đội của tôi, những người thân yêu nào đã ngã xuống, vĩnh viễn ở lại với núi rừng Trường Sơn? Những bạn bè

nào đã góp phần máu xương của mình với chiến thắng? Những người anh, người chị, người em nào đã đánh đổi cả tuổi xuân mình cho ngày hôm nay, để tôi có mặt tại đây? Tôi đi hôm nay đâu chỉ mình tôi. Tôi đi trong đội ngũ trập trùng của lớp lớp cha anh, lớp lớp bạn bè tôi, mới có sự trân trọng kiêng nề của người Mỹ trong những ngày hôm nay. Tôi đi không chỉ bước chân tôi. Tôi nói không chỉ tiếng nói của riêng mình. Tiếng xung phong vang dội núi rừng, tiếng bĩ bõm của tổ trình sát lộ suốt cùng tôi rờng rã ba ngày, tiếng gọi « mẹ ơi » của người lính trung đoàn cũ của tôi, trung đoàn 48. Anh mới vào chiến trường ba ngày. Khi lộ qua sông Thạch Hãn anh bị trúng đạn. Không kịp nói gì thêm ngoài tiếng gọi thiêng liêng cuối cùng chột thốt ra: « Mẹ ơi, con chết ! ». Tất cả thành tiếng nói của tôi với những người bạn cựu chiến binh Mỹ, với nhân dân Mỹ. Những người lính, người dân ấy cũng thành thật và khao khát con người sinh ra để sống, để yêu nhau và họ biết kẻ nào đã bày ra trò hận thù, chém giết nhân dân, đồng đội tôi, để máu chảy dài suốt nửa thế kỷ?

Chị Vic-to-ri-a vợ Giô-beng-gơ là người phụ nữ tế nhị và thông minh tuyệt vời. Chị chỉ ngồi nghe, chị chứng kiến « Trường Sơn », ở khu vườn sau của chị, nơi chúng tôi làm « Quân giải phóng » và làm « lính Mỹ ». Kẻ tựa lưng vào tảng đá, người nằm võng. Kẻ lộ suốt, người chống gậy luồn rừng. Anh Thương, Hiền và Long Thanh cùng tham gia trò chơi của chúng tôi. Chị Vic-to-ri-a chỉ hơi mỉm cười, đôi mắt rất nhạy cảm nhìn lướt lên khuôn mặt chúng tôi, rồi chị nén một hơi thở dài. Người ta bảo nhìn vào thái độ của người phụ nữ thì biết được cuộc chiến tranh ấy là chính nghĩa hay phi nghĩa. Tôi không thể nhìn thấy thái độ người phụ nữ Mỹ trong những năm xảy ra cuộc chiến tranh xâm lược đất nước chúng ta. Nhưng bây giờ chỉ thoáng qua một giây, tôi bắt gặp cái

rùng mình của chị. Rồi vì lịch sự với khách, chị lại hơi mỉm cười nhìn lướt qua khuôn mặt mọi người. Lại cố nén những hơi thở dài. Bây giờ không còn cuộc chiến tranh Việt Nam, nơi chồng chị phải có mặt, để chị phải tỏ thái độ. Nhưng rõ ràng, trò chơi của chúng tôi đã làm chị hình dung ra những gì không phải ở Việt Nam, mà ở ngay trong cuộc sống gia đình chị. Một cuộc sống mà năm người chỉ trông chờ ở lương tháng của chị. Anh là người chồng thành thật, tốt bụng, yêu thương vợ con, nhưng không thể yên ổn học hành, làm lụng một việc gì. Năm 19 tuổi anh vào lính, xung phong vào, chứ không ai bắt buộc. Sang Việt Nam hơn một năm, lúc anh trở về chưa đầy 21 tuổi. Trước khi đi lính anh đã học hết trung học. Cái tuổi 20, 21 có thể vào đại học, có thể xin công việc làm một cách dễ dàng. Nhưng mà những gì nhìn thấy ở Việt Nam, cái chết vụt ra từ đồng đội anh, từ chính anh hoặc cái chết của chính đồng đội anh, anh không thể xua đuổi nó ra khỏi đầu óc mình, tình cảm mình. Anh không thể ngồi đầu yên, làm gì yên được vài giờ đồng hồ. Khi lấy vợ rồi, cuộc sống gia đình thúc giục anh phải đi làm. Anh không hề phân biệt nghề nghiệp sang hèn. Cố chịu đựng kiên nhẫn cũng không thể làm việc gì được quá một tháng. Anh tham gia trong ban phụ trách cựu chiến binh ở Bốt-ston, ăn lương phụ cấp ít năm, khi tờ chức này không hoạt động được nữa, anh lại thành người thất nghiệp, sống nhờ vợ và bạn bè.

Buổi trưa, chúng tôi đi bơi ở một hồ nước ngọt rộng mênh mông hàng ngàn héc-ta. Quanh hồ những biệt thự sang trọng lấp lóa trên những rừng cây xanh mơn man. Những thuyền bơi tay, thuyền chạy máy ken dày quanh bờ. Những chiếc thuyền khác bơi thanh thản, hoặc ào ào lướt trên mặt nước. Tất cả chúng tôi đều nhao xuống lặn, ngụp, bơi đuổi nhau, đùa giỡn nơi hồ nước trong vắt có thể nhìn thấy đáy ở độ sâu hàng mét. Chị Vic-to-ri-a

vấn ngồi phơi nắng trên bờ. Khuôn mặt linh lợi thông minh của chị, giọng nói trong như tiếng chim của chị chỉ sinh động, ríu rít khi đông đúc bạn bè. Còn chỗ một mình cái không gian chỉ riêng chị, đôi mắt rất to và sáng sau cặp kính cận trắng một di-ốp lại nhìn xa xăm, dăm dăm vào một cái gì đó, mà thực ra chả nhìn cái gì. Chị rất chiều chồng, chiều khách, sẵn sàng tham gia hoặc ngồi xem những trò chơi vui của chồng và bạn anh. Nhưng thực ra, trong thâm tâm chị, tôi biết, chị chỉ muốn lặng lẽ một mình, trong một không gian lặng lẽ của riêng chị. Trần Hiền một người bạn thân của gia đình Giò-beng-gơ đang dập dềnh ở đầu kia chiếc phao nằm cùng tôi. Anh hỏi: «Anh thấy vợ ông Giò-beng-gơ sao?» — «Nghĩa là thế nào?» — «Nhận xét của anh đó» — «Chị ta là người phụ nữ tuyệt vời. Rất thương yêu chồng con và lịch lãm với bạn bè» — «Nhưng chị ấy khờ lắm anh ơi» — «Sao vậy?» — «Ông Giò-beng-gơ không lúc nào chịu im lặng. Có khi một hai giờ sáng, ông ấy nhồm dậy hồ khâu hiệu, hát và nói. Ông nói một mình rất to. Có lần lại mang ghệt (kiểu giầy ủng) đi đều lộp cộp trên sàn nhà vào lúc vợ con đang ngủ. Thậm chí có những đêm ông ấy đứng ở đầu giường, mồm «bắn» pằng pằng, hai ngón tay chỉ vào các con. Hứng chí lên, vào giờ nó đang ngủ say như chết, ông dựng tất cả dậy ngồi theo hàng dọc nghiêm chỉnh để ông dạy hát. Chúng không chịu, ông lại «bắn» và chạy quanh nhà hò hét, nhảy rầm rầm» — «Ông ấy bị bệnh thần kinh?» — «Đâu phải. Anh thấy đấy, từ tối qua đến giờ ông ta có nói câu nào, làm việc gì tỏ ra là bệnh hoạn đâu. Nó như thói quen hoặc là thế nào đó, không giải thích được». Trần Hiền cũng nói với tôi về nỗi khờ riêng của chị Vic-to-ri-a. Chị đã có một lần chồng và có một cháu gái. Cháu Heather chín tuổi, cũng im lặng như một người lớn. Cháu đang ngồi với mẹ ở trên bờ.

Người trí thức đứng đắn đã 35 tuổi, hai lần chồng, ba đứa con, như một lời tuyên bố khắc nghiệt không thể thay đổi, không được phép phá vỡ. Với lại, anh ấy vẫn là người khôn ngoan, một người đàn ông vô cùng tốt bụng, hết lòng thương vợ, yêu con. Chỉ có những cố tật: không quen làm việc, học hành. Nói chung là một cuộc sống yên ổn bình thường, anh ấy không quen. Đêm đêm hát hồng hò hét, làm mất giấc ngủ của vợ con, nhưng anh lại rất hồn nhiên và đáng yêu. Tất cả những sự « nhỏ nhặt » ấy đè nặng lên đầu chị, giằng xé tâm can chị. Chị vẫn chịu đựng vì một lẽ đơn giản. Chị rất yêu anh, thương các con và vì thế chị hiền hơn bất cứ ai rằng, vì sao, từ đâu chồng chị mắc phải một căn bệnh « vui vẻ » như thế này.

Chia tay gia đình Giô-beng-gơ, suốt chặng đường về lại Bốt-ston chiều ấy và cho đến hôm nay tôi vẫn như nhìn thấy cái dáng ngồi lặng lẽ của người đàn bà thông minh, đầy sức nén chịu, có cái nhìn xa xăm bên hồ nước mênh mông, trong vắt, giữa những tòa biệt thự sang trọng, lấp lánh, giữa cơ man nào là người tắm, người bơi, người chèo thuyền. Tất cả đều lướt qua cái nhìn xa xăm của chị, để chị vẫn lẻ loi bên người chồng ồn ào rất hồn nhiên vô tư.

Nhưng dẫu sao chị vẫn ở bên cạnh một người chồng và những đứa con. Còn ở đất nước chúng tôi, những người đàn bà chờ chồng đã hóa đá. Tôi muốn nói với chị một điều gì. Nhưng thời gian quá ngắn ngủi. Chị sẽ đi Việt Nam. Chị nói thế. Khi chị đến đất nước tôi, nhất định chị sẽ gặp những người vợ, người yêu đã thành núi vọng phu, cái hình tượng muôn đời của những người đàn bà ở đất nước tôi, mà tôi chưa nói được với chị ngày hôm nay. Lúc ấy chắc hẳn chị sẽ tìm thấy nguồn an ủi cho một người « vô cơ » như chị phải chịu đựng, phải hy sinh và nén chịu những đau đớn!

XII

TỪ Mát-sa-xu-sết đến Niu-Yoóc, Oa-sinh-ton, Con-
nơ-tơ-cot... ở đâu, trong những cuộc tiếp xúc dù với
tầng lớp giáo sư, sinh viên, báo chí, tôn giáo, các nhà kinh
doanh... đều có cựu chiến binh. Hoa Kỳ có rất nhiều quân
ở các nước trên thế giới, nên người lính từng ở nước nào
họ gọi luôn tên nước ấy đi liền với chữ cựu chiến binh.
Cựu chiến binh Việt Nam tức là cựu chiến binh Mỹ ở
Việt Nam. Tất cả cựu chiến binh Việt Nam đều muốn hồi
hạn, đều muốn tìm hiểu, đều muốn trở lại Việt Nam.
Nhưng động cơ lại không thể giống nhau. Tùy theo công
việc, vị trí xã hội hôm nay, mà mục đích đặt ra khác nhau.
Trong một bữa cơm ở nhà ông Giôn-kac-e, tôi đã gặp
hai nhà tỉ phú và bảy người khác đều là cựu chiến binh
Việt Nam. Ông tỉ phú, chủ một vùng kinh tế, có trong
tay hơn hai ngàn héc-ta rừng và lúa mạch, hàng triệu
bò, cừu, dê... với ba văn phòng quản lý. Ông bị gãy
chân phải trong trận càn Gian-xơn Xi-ti. Ngày ấy ông
là hạ sĩ. Từ binh nhì lên đến hạ sĩ thì trở về Mỹ, xuất
ngũ. Hiện nay ông chóng nạng, đi thập thồm. Người ta
chỉ biết ông có tật khi ông bước đi. Còn lúc ngồi và đứng
với cái chân giả giấu trong quần và giày, với dáng to đậm
rất chắc và khuôn mặt sạm nắng, hai mắt sáng dưới đôi
lông mày đen nhánh, mái tóc cứng cắt cao, mọi cử chỉ
nhanh nhẹn, khiến không ai có thể biết ông có một khuyết
tật nào. Ngồi phía đối diện ông là một người trẻ tuổi,
chừng 40 tuổi, da trắng, gầy và cười nói kín đáo, dè dặt.
Ông là chủ ngân hàng đầu tư tín dụng. Ông còn hoàn toàn
lành lặn, sang Việt Nam một năm, nhưng là lính công
vụ ở văn phòng cố vấn Bộ Tổng tham mưu. Ông trở về
Mỹ với quân hàm binh nhất. Thừa kế gia tài của người

cha, ông trở thành tỉ phú. Ông trẻ tuổi này hỏi tôi : « Sài Gòn, con gái bây giờ còn đẹp như ngày xưa? ». Tôi bảo : « Đẹp hơn ». Ông ta tròn mắt, hỏi nhòm người lên nhắc lại : « Đẹp hơn? ». Tôi nói : « Chắc chắn ngày xưa ông chỉ gặp những cô gái mặt trát dày phấn son, không thể nào nhìn thấy cái đẹp tự nhiên như bây giờ. Trang điểm chỉ cốt làm cho nó xao xuyên thêm chứ không làm mất đi những khuôn mặt thật » — «Ồ, đúng lắm ! Về đẹp ấy mới tuyệt vời. Nhưng đây là những người lao động? » — « Vâng, kể cả những người lao động chân tay và lao động trí óc đều giữ được cái đẹp chân thực như tôi vừa nói » — « Cảm ơn, nhưng tôi... muốn hỏi ông về những người đàn bà... Không làm gì. Chẳng hạn như... Ở những quán bia ôm? » — « Có thể khi ông sang lại Việt Nam vẫn gặp một số người đó, nhưng xấu hơn trước kia » — « Tại sao? » — « Vì nó lạc lõng trước những vẻ đẹp thật mà trước kia ông không có điều kiện gặp gỡ nhiều để so sánh » — « Ô kê, rất có thể như thế ».

Và rồi có lẽ sợ tôi hiểu lầm, đánh giá nhầm nhận cách của ông, nên ông phải hỏi tôi một lô về nguyên nhân mất giá của đồng tiền Việt Nam, về lãi suất, về phương thức góp vốn đầu tư, về tương lai Việt Nam có tham gia thị trường chứng khoán thế giới... Tất nhiên, ở lĩnh vực này thì tôi mù tịt, tôi phải bảo rằng nếu ông quan tâm đến vấn đề đó thực sự, ông sẽ đến Việt Nam nói chuyện với những người có nghiệp vụ này. Còn tôi, khi cầm tiền lương chỉ biết mỗi việc đưa cho vợ tôi và vợ tôi chăm lo tôi như nuôi một đứa trẻ. Những đứa trẻ thật thì chỉ biết ăn và học bài, còn tôi, một đứa trẻ róm cũng chỉ biết ăn rồi viết bài, không biết gì hơn. Tất cả đều phá cười lên thích thú, tránh được cả cho tôi và ông sau câu chuyện ông hỏi về gái và tiền ở Việt Nam. Khác hẳn với ông chủ nhà băng, ông tỉ phú đồn đồn trầm ngâm tính toán tưởng nói điều gì sâu xa, lúc nói ra mới biết vẫn là cách nghĩ ngạo của

một nông dân, dù là ông nông dân ở Mỹ và ông nông dân ấy không hề bước xuống ruộng bao giờ.

« Nếu những người lính chúng tôi trở lại Việt Nam liệu các ông có trả thù chúng tôi? » — « Nếu trả thù ông tôi đã không đại gì đến đây để các ông tóm cổ tôi được ». Những người quanh bàn ăn lại cười, còn ông thì vẫn dăm chiêu nghĩ ngợi, rồi hỏi tôi về những khó khăn của người nông dân Việt Nam, họ cần những gì trong việc khai thác năng suất. Ông rất muốn khi nào đến Việt Nam, ông sẽ đến lại tất cả những nơi ông đã hành quân, trú quân, nổ súng và... bị thương. Ông muốn được thấy lại cả những thân cây bị pháo binh « dọn bãi » cho đơn vị ông « tiến lên ». Cũng như nhiều bữa ăn khác, buổi ăn này thực sự như cuộc « hội thảo », đối thoại là chủ yếu, nói nhiều hơn ăn. Chỉ một vài tháng cuối năm ngoái đầu năm nay, những tổ chức và cá nhân người Mỹ vào đất nước ta ò ạt. Lúc ấy, việc đi lại giữa hai bên vẫn còn dè dặt. Người Mỹ rất quan tâm đến Việt Nam, nhất là cựu chiến binh Việt Nam và trí thức rất háo thông tin, giống như chúng ta háo những thông tin chính xác, đầy đủ về họ. Sau bữa ăn (thực ra cũng không phân biệt đâu là ranh giới bữa ăn, đâu là không, vì có người chưa ăn xong một món, có người đã bê cốc cà phê hoặc uống bia trừ, nói, « sau bữa ăn » dường như chỉ là để nói khi tôi ăn xong), tôi hỏi chuyện chung hoặc riêng với từng người, cho đến nửa đêm mới gọi là kết thúc « bữa ăn tối », diễn ra từ năm giờ chiều. Đã có hàng trăm lần gặp cựu chiến binh và qua « tâm sự » với họ, hôm nay tôi biết tất cả đều muốn trở lại Việt Nam. « Nếu chúng tôi lại ò ạt tới Việt Nam thì các ông có sợ không? » — « Nếu chúng tôi sợ, các ông đã không rút chạy, chỉ có điều các ông nên trở lại đất nước tôi như thế nào đó để chúng tôi mang hoa đi đón, đừng buộc chúng tôi phải đưa đại bác ra sân bay, bến tàu « đón » các ông ». Một đời người không nên hối hận hai

lần trong một việc làm. Tất nhiên phía sau đó không thể không có những âm mưu đen tối, những việc làm ám muội của một số kẻ nào đó, còn nhìn chung tâm sự của cựu chiến binh Mỹ muốn trở lại Việt Nam. Có thể chia làm bốn loại như sau: Loại thứ nhất, khi ở Việt Nam là anh binh nhất, binh nhì, thượng, hạ sĩ, khi trở về có người đã thành thành viên của thượng, hạ nghị viện, giám đốc ngành nọ, ngành kia, là bác sĩ, giáo sư, nhà triệu phú, tỉ phú, nhà văn, nhà báo... muốn trở lại Việt Nam giống như kẻ hàn sĩ lều chõng ăn học, khi đỗ đạt muốn trở về vinh quy bái tổ cái thuở «hàn vi», đề mọi người biết rằng mình đã đỗ đạt, tiến tới, đã ăn nên, làm ra. Loại thứ hai: dù ở Việt Nam sáu tháng hay ba năm thì đây là thời gian «oanh liệt» nhất của tuổi thanh xuân. Những dấu ấn không thể phai mờ của lối làm và vinh quang, của nỗi đau đớn và những may mắn, của nỗi căm giận và lòng yêu thương. Trở lại Việt Nam như trở lại cái mối quan trọng nhất của thời trai trẻ mà họ muốn tìm kiếm, ít ra là một lần. Loại thứ ba: tự nguyện sang Việt Nam hay bị bắt buộc, hăng hái ra trận hay lừng khừng phản đối, đã bắn chết người, đốt nhà hay quay súng xuống đất, bắn vào khoảng không? Bàn tay đã vấy máu hay chưa hề gây ra tội lỗi?... Nhưng trong cuộc chiến mất còn đó, đều bị nhân dân Việt Nam căm giận, nhìn tất cả lính Mỹ đều là kẻ thù không thể nào khoan nhượng dung thứ. Bây giờ tất cả đều muốn trở lại, đề nói với nhân dân Việt Nam rằng, chúng tôi là bạn bè, là người cũng biết trân trọng, yêu thương quý ông, quý bà, chúng tôi chưa hề độc ác, không phải là kẻ thù của quý ông, quý bà đâu. Từ «Quả địa cầu Bốt-ston» một trong sáu tờ báo lớn nhất của Mỹ đăng ảnh tôi chiếm phần tư tờ báo và cái tit lớn dài hết chiều ngang trang hai (báo này bằng khổ báo Nhân dân, ra 100 trang hàng ngày) «Một thời là kẻ thù, mãi mãi là nhà văn». Chính là họ muốn

nổi họ tâm trạng của hầu hết cựu chiến binh Mỹ hiện nay là: có một thời (tất nhiên là có một lý do khách quan tốt hơn) chúng tôi là kẻ thù, nhưng thực ra mãi mãi chúng tôi là con người, cũng muốn được yêu thương, được là bè bạn với Việt Nam, với các ông, bà, anh, chị. Loại thứ tư: với 300.000 lính Mỹ bị thương tại Việt Nam, 100.000 người tàn tật hoàn toàn, 40% thất nghiệp, 41% bị cầm tù, vì những tội lỗi sinh ra từ sau khi ở Việt Nam về. 25.000 người bị nhiễm chất độc màu da cam, chưa kể thân nhân của 58.116 lính Mỹ chết (con số này ghi trên bảng băng đá hình chữ V, mỗi chiều chạy dài hàng trăm mét ở Oa-sinh-ton, được tăng lên mỗi khi tìm thêm được hài cốt và những người bị thương đã không sống nổi), chưa kể những người lành lặn bị hoảng loạn, đang yên, đang lành bỏ vợ con, ra chợ mua súng liên thanh bán chết hàng chục người. Cũng chưa kể hàng triệu cặp vợ chồng của cựu chiến binh phải ly dị, phải đồ vỡ tan hoang... Tất cả những người lính đau khổ, những thân nhân đau khổ, đều muốn trở lại Việt Nam để tìm sự đồng cảm, tìm lời an ủi. Họ muốn làm một việc gì đó, dù là một cử chỉ đẹp, một lời chào hỏi âu yếm, không chỉ là cảm ơn, để góp phần làm dịu nỗi đau, hàn gắn lại vết thương quá lớn của Việt Nam, mà chính là để chữa chạy cho họ những căn bệnh tâm thần hiểm nghèo ở ngay nước Mỹ đồ sộ, đã hàng chục năm nay chưa thể chữa nổi.

Nếu cứ nói với nhau là lính Mỹ trở lại Việt Nam, là trở lại lương tâm mình. Việt Nam là một phần máu thịt, phần quê hương da diết không thể nào người của những người lính đã từng đến đây, thì chúng ta dễ ngờ vực (thật khốn khổ bệnh ngờ vực, cái thật thì ngờ, cái giả lại tin). Nhưng những cựu chiến binh Mỹ với những vết thương trong lòng họ và khắp trên cơ thể họ, thì không phải là những con người «giả», những số liệu giả để tôi cố tình dùng nó làm cái việc «mẹ

hát, con khen hay». Có lẽ nào chúng ta cứ lún mình trong những thiếu thốn, khuyết tật, những lộn xộn và thói xấu để không dám dang hoàng một nhân cách, một tư thế. Với những chịu đựng lớn lao, những đức tính quả cảm đã có thời là mẫu mực, là lương tri của loài người. Đến kẻ từng hằn thù độc ác với ta, hôm nay cũng dang khao khát muốn tìm lại ta, nơi quê hương thứ hai, để sưởi ấm nỗi cô đơn lạnh giá của họ. Ta không lạnh lùng quay mặt đi. Cũng không việc gì phải cưỡng quyết như cô bé xúi cáo của tôi. Ta dang hoàng như tư thế của ta, tư thế của những người đã làm ra thắng lợi có thực.

XIII

BỘN đội lột những người «kháng chiến» Việt Nam ở Mỹ là nỗi hoảng sợ của tất cả cộng đồng người Việt ở Mỹ. Đi ra đường, thấy người «kháng chiến» phải lẩn tránh thật lẹ. Ở trong nhà, nếu người «kháng chiến» đã biết địa chỉ phải lập tức tìm cách rời đi nơi khác. Một cái «các» ghi số *phôn* ở công sở hoặc ở nhà lỡ bị rơi ra, tự mình làm rơi hoặc bạn bè nhận «các» của mình lỡ để người «kháng chiến» vớ được, cũng phải lập tức thay máy hoặc rời đi chỗ khác. Những ngày đầu ở Mỹ, trung tâm Gioi-nơ và các bạn Việt kiều yêu nước còn dám cho tôi ra đường. Khi báo chí, truyền hình đã tường thuật hội thảo, phỏng vấn tôi thì ở trong khách sạn, trong nhà, bạn bè cũng nom nớp đề phòng, cảnh giác, lo cho tôi. Tôi ở đâu, đưa số *phôn* cho ai, người đó phải cam kết giữ bí mật. Trong một buổi liên hoan vô cùng cảm động

và vui vẻ giữa những người Việt Nam mà trước khi ăn, anh Thương, con người kín đáo, tế nhị ấy buộc phải tuyên bố: « Tôi đề nghị khi về, các anh không nói với bất cứ ai, kể cả chị ấy về cuộc gặp gỡ hôm nay. Những người « kháng chiến » đã biết có các anh ở Hội Nhà văn Việt Nam trong thành phố này. Chúng ta hết sức giữ gìn an toàn cho các anh ấy ». Một người quen ở Ca-li-phoóc-ni-a biết một tổ chức ở đây mời tôi, anh cũng gọi điện thoại khuyên: « Hồi này « người kháng chiến » đang hoạt động dữ lắm anh không thể đến đây được ».

Chưa ai thống kê chính xác, nhưng nhiều người am hiểu cho biết cộng đồng người Việt ở Mỹ đã đến con số trên dưới một triệu. Khoảng một triệu người đó, dù ra đi theo cách nào thì hầu hết đều muốn yên ổn. Ai có năng lực học hành, yên ổn học hành. Ai tài buôn bán, yên ổn buôn bán. Ai giỏi làm ăn, yên phận làm ăn. Kể cả những người cầm đầu trong chính quyền và quân đội ngay trước kia, nay ở phía sau họ còn âm mưu những gì, hoạt động những gì, còn những thủ đoạn nham hiểm giấu kín nào, không ai biết, nhưng phía trước, phía bề nổi, họ cũng đang « yên ổn » làm giàu, buôn bán. Nguyễn Đỗ; Mậu buôn bán chữ, viết hồi ký; Cao Kỳ buôn bán rượu Nguyễn Khánh và Trần Văn Đôn làm chủ đồn điền. Những nhà văn hung hăng nhất của chế độ cũ... nay tụ tập ở Ca-li « yên ổn » tự xuất bản sách báo, tạp chí, dù vẫn quen nghề chữ đồng và hăn học vu cáo, nhưng còn chút văn chương để kiếm ăn. Trừ những kẻ còn làm thầy, làm cố vấn chuyên xúi bầy người « kháng chiến », còn tất cả đều phải « ủng hộ », phải có « nghĩa vụ » với người « kháng chiến ». Vậy « kháng chiến » là gì, từ đâu ra? Một tháng rưỡi ở Mỹ, đi hàng chục thành phố và cả vùng nông thôn tôi mới tìm hiểu được đại thể « lai lịch », mục tiêu hoạt động và uy danh tổ chức này. Họ gồm hai thành phần chủ yếu. Một: tất cả các vị trong chính quyền và

quân đội nguy từ binh nhì đến tướng tá trẻ, mà sự cướp bóc, ăn hối lộ và ăn cắp chưa đủ « cơ số » hoặc chưa kịp gửi nhà băng nước ngoài, và cũng không có vàng mang theo. Bây giờ hai tay trắng, cởi áo quan chức, cởi áo lính ra, học hành không, của cải không. Thành phần thứ hai của các nhà « kháng chiến » là ở miền Nam hay miền Bắc, thì đều có địa chỉ giống nhau: nhà tù. Nghề nghiệp cũng giống nhau: giết người, cướp của. Trốn được đến đây cũng không quen cả ba thứ: học hành, làm ăn, buôn bán. Hai loại người này là lực lượng cơ bản, nòng cốt của những người « kháng chiến ». Chúng sẵn sàng trở về Việt Nam « đánh đờ chế độ cộng sản giải phóng dân tộc ». Cái mục tiêu thật là cao sang. Lý tưởng thật là đẹp đẽ. Những ngày song thất (7 — 7) ngày « độc lập » của Diệm, ngày « truyền thống » của quân đội cộng hòa cũng duyệt binh, biêu dương lực lượng hùng hậu của các quân binh chủng. « Đây, các chiến sĩ hải quân « anh hùng » như con cá kinh « hiên ngang » trên biển Đông đang « hùng dũng » diễu qua lễ đài. Đây, các chiến sĩ dù cùng với người anh em thủy quân lục chiến — hai binh chủng anh hùng của quân lực Việt Nam cộng hòa đã làm nên chiến công lừng lẫy bách chiến bách thắng là một đội quân hùng hậu, thiện chiến nhất châu Á. Đây là... ». Báo chí tường thuật cuộc duyệt binh, hào hùng kèm theo hàng chục tấm ảnh. Nhưng mỗi ảnh chừng năm, ba người, toàn những người « di đầu », giương cao lá cờ (ba que) « bách chiến, bách thắng » của một đội quân chưa hề biết thua trên trận tiền. Một cậu bé đẻ ở bên Mỹ lên mười tuổi, chưa hề biết chiến trận ở Việt Nam là gì, cũng phải hỏi mẹ: « Không thua sao lại phải sang đây ở? Sao mấy ông lại duyệt binh trong một tiệm ăn hả má? » — « Mấy ông nghe, kêu con là cộng sản đó ». Người mẹ vội bịt miệng con.

Cái trò nhớ nhãng, bi di, nó lem luốc, dơ dáy đến nỗi một đứa bé coi trường cũng không thể tin, không thể

chấp nhận. Nhưng người lớn, hàng triệu người lớn bất cứ ai mà người «kháng chiến» đã biết địa chỉ, đều phải đóng tiền để mua thuốc men, mua vũ khí đạn dược, mua trang bị để người «kháng chiến» về «giải phóng dân tộc». Ai yêu nước thực sự, ai kính trọng cái trò lừa bịp đó, ai không đóng tiền ủng hộ «kháng chiến» bị vu là cộng sản. Chúng sẵn sàng mang súng đến bắn, mang mìn đến đặt ở nhà. Những vụ người «kháng chiến» và «người cộng sản» bắn nhau, chính là những gia đình bị vu, bị tống tiền không thể chịu được, họ đã bắn lại bọn giết người cướp của ấy. Đây là một loại tiền để người «kháng chiến» chia nhau ăn nhậu sinh sống. Loại tiền thứ hai là tiền bán báo. Những tờ báo ta vẫn thường gọi là báo lá cải, nó viết những nhút, bậy bạ nhưng còn có chữ, ít ra nó cũng là người biết chữ. Đấng này, đọc những tờ báo của người «kháng chiến» không sao chịu nổi, vì nó chưa biết đánh vần, chưa thuộc tiếng Việt. Báo của người «kháng chiến» Việt Nam viết cho người Việt Nam đọc, mà «nhà báo» chưa biết ghép hết chữ cái, thì biết gọi nó là thứ gì. Những nhà báo «kháng chiến» ra báo «Cựu chiến binh», báo «Người kháng chiến», báo «Giải phóng», báo «Nước mắt quê hương», báo... khi gì gì nữa không thể biết hết. Mỗi bang, mỗi thành phố, mỗi khu, mỗi đường đều ra báo. Ra báo, một hình thức ăn cướp được ngụ trang. Kẻ nào thấy kiếm ăn được ở chỗ nào đó thì cứ việc ra báo. Chỉ cần in qua máy com-piu-tơ độ 50 tờ một số đã là số lượng cao. Ngày ngày báo đem ném ở trước cửa mỗi nhà và tự quy định mỗi nhà phải nộp bao nhiêu tiền. Sự quy định ấy có hai câu cứ. Một, nhà đó giàu hay nghèo, làm nghề gì? Hai, «sơn ăn từng mặt», chỗ nào thấy không «hành» được, không dám vút báo vào cửa. Chỗ nào thấy «xộp» và «mềm» vút liên tục. Ai không trả đúng tiền bán báo tự quy định, mang súng liên thanh đến bắn. Các khoản tiền ra báo để «tổ chức

hoạt động» này thường ăn nhiều ở các hiệu buôn của người Việt, nhất là các cửa tiệm ăn và hàng tươi sống. Không cần thận, đã có tiếng súng «kháng chiến» nổ ở đây, thì kẻ cả người nước ngoài khác cũng không dám đến mua, sập tiệm như chơi. Không thể nào ngờ ở một đất nước đồ sộ, có lượng thông tin đồ sộ với ba vạn tờ báo ngày, mỗi tờ ra hàng trăm trang, có tờ ngày chủ nhật ba trăm trang, 20 kênh truyền hình 24 trên 24 giờ, chưa kể bao nhiêu loại băng, loại truyện, loại phim ảnh, mà vẫn tồn tại những «tờ báo» như thời trang cũ. Còn lạ hơn là bọn giết người, cướp của ấy sống ngang nhiên ở một đất nước vẫn tự hào sống theo luật vào loại nhất loài người. Tại sao lại thế? Tôi đã cùng anh Thương và Long Thanh đến bên một tàu đánh cá lớn, khi nó cập bến ở đầu mút của vùng biển Kép-cốt. Hàng ngàn tấn cá đánh lên được sàng qua mắt lưới loại trừ những con cá nhỏ, mà từng khu vực chính phủ quy định không được đánh bắt. Trước khi đưa cá lên băng chuyên chuyên lên bờ, bốn người công nhân vẫn phải đứng hai bên bờ xem con cá nhỏ nào còn sót lại phải vớt ngay xuống biển. Nếu không, khi cơ quan có trách nhiệm và cảnh sát phát hiện ra, lập tức bị phạt hàng chục ngàn đô-la. Một chiếc xe đi trong khuya khoắt chạy quá tốc độ quy định cũng bị chặn lại phạt. Trong một phòng ở tầng thứ 45 có hai người ngồi nói chuyện với nhau trong lúc cát-sét đang hát, ti-vi đang nói mà ở dưới đất, từ góc đường nào đó cảnh sát còn «bắn» máy lên ghi và lọc được tiếng hai người đang nói. Một cô gái 23 tuổi sống một mình trong một biệt thự ở Oa-sinh-ton bị hai kẻ đến cưỡng hiếp vào lúc nửa đêm. Hai ngày sau, hai tên ấy đã ở một bang khác vẫn bị bắt. Ngay khi đồng bọn bị bắt, một tên đến đe dọa cô gái: «Nếu cô buộc tội hai bạn tôi ở tòa, tính mạng cô không bảo đảm».

Tên đồng lõa ra khỏi nhà cô gái chừng hai giờ đồng hồ thì bị bắt. Với một hệ thống an ninh «điện tử» ấy, mà chịu bó tay trước một vụ giết người kinh khủng ở Bốt-ston. Bọn «kháng chiến» giết năm người của một gia đình trong một đêm, vì nó nghi là «thân cộng». Chính quyền Mỹ tổ chức điều tra «ròng rã» hai tháng trời không ra thủ phạm. Bao nhiêu chuyện được nghe, được thấy ở đất Mỹ tôi cứ tự hỏi: Tại sao lại thế? Những cuộc «trả đũa» tại Việt Nam đã đem lại sự thất bại nặng nề của chính phủ Mỹ, bây giờ họ lại «trả đũa» bằng cách dùng người Việt trị người Việt ngay trên đất Mỹ? Nếu không như thế tại sao bọn «kháng chiến» dám tự do hoạt động, tự do giết người, cướp của, khiến cộng đồng người Việt sống ở bất cứ đâu trên đất Mỹ cũng hoảng sợ, cũng phải «ủng hộ», phải «đóng góp» bất cứ việc gì để khỏi thiệt hại đến tính mạng, đến sự sinh nhai.

XIV

Vì sao Ngụy Ngữ trở về?

Câu mở đầu, cho đoạn viết này không chỉ là ngớ ngẩn, nó còn xúc phạm một cách thô bạo đến nhân cách bạn mình. Biết vậy, tôi vẫn xin lỗi anh Ngụy Ngữ để viết nó ra, vì nỗi day dứt âm thầm suốt cả chuyến đi của tôi là anh, người bạn đồng hành trong chuyến viễn du này. Không ai giao trách nhiệm cho tôi phải chịu trách nhiệm trước mọi hành vi của anh. Cũng không ai hành hạ bắt bẻ gì tôi, nếu anh gây ra lỗi lầm, như sự phản bội đất nước chẳng hạn. Nhưng không hiểu nó hình thành trong tôi từ bao giờ nỗi hoảng sợ, lo cho anh. Có thể anh không bao giờ nghĩ đến hoặc không thêm nhờ tôi lo cho

việc gì. Nhưng tôi, tôi cứ thấy tự mình phải lo, phải có trách nhiệm với anh, dù tôi chưa nhớ rõ mặt anh, tôi không hề biết một tí gì về lai lịch anh, tính nết anh, chỉ nghe mang máng anh đã từng là lính ngự, đã từng ngang bướng, bất cần và có gia đình họ hàng hiện đang ở Mỹ. Thế là tôi lo. Tôi thấy cần phải đề ý đến mọi cử chỉ, lời nói của anh. Nhưng khi đón anh ở sân bay Băng-cốc, tôi vẫn ôm chầm lấy anh, mà rần rần nước mắt, rồi nói cười vồn vã, rồi rủ anh đi uống cà phê và sắm sửa đồ dùng. Nhưng từ đây, bắt đầu từ lúc này trong bụng tôi thấy lo, tôi phải lo, phải có trách nhiệm đề ý đến anh. Chính phủ Mỹ nghi ngờ anh, không cho anh vi-da. Ở Mỹ, đêm nào tôi cũng tìm cách gọi điện về Băng-cốc cho anh, cho sứ quán ta yêu cầu anh cố chờ và nhờ sứ quán hết lòng giúp anh, chỉ vì tôi thấy ái ngại thế nào. Có hai tháng đi, một tháng ở lại dặt khách quê người ăn chực năm chờ, nghĩ nó tui tui, cực quá! Anh đón tôi ở sân bay Lô-gan. Hôm qua anh đến Bốt-ston tôi đang ở Oa-sinh-ton. Sáng nay, tôi phải về lại Bốt-ston vì đã biết anh đến đây. Không ngờ anh lại đi cùng ông Ke-vin ra đón tôi. Gặp nhau, tôi vừa mừng, vừa hoảng sợ. Tôi hỏi anh: Thấy ở đây thế nào? — Nó ngợp quá, tôi không thể ngờ. Anh trả lời rồi cười. Tôi cũng cười mà trong bụng run. Tôi đã từng xuất hiện ý nghĩ không thể ngờ về khung cảnh choáng ngợp khi vừa đặt chân tới đây. Nhưng tôi lại biết rằng tất cả mọi cảm dỗ đều không thể lay chuyển được tôi. Tôi không phải con người «vững vàng» hoặc cố «lên gân» gì lắm, nhưng tôi yên tâm, vì tôi biết rất rõ mình. Tất cả sự ra vào sinh tử suốt ba mươi năm qua, lặn lội khắp các trọng diêm ác liệt của tất cả chiến trường Đông Dương này, cốt để cho mình sự yêu thương, sự sống chết với cái nghiệp viết lách. Mình đã cố đánh đổi cả cuộc đời mình để viết được cái gì về nhân dân mình, đồng đội mình, kẻ cả cái lớn lao đến cái thấp hèn,

kề cả cái được, cái mất, cái tốt đẹp, cái xấu, đều muốn người thân yêu của mình, nhân dân mình, đồng đội mình, tốt đẹp hơn, đáng yêu hơn. Để gì kẻ nào đánh đời được tôi. Trong một bữa cơm tối của nhà một cựu chiến binh có hai người Việt Nam là tôi và anh Thương, còn mười lăm người Mỹ. Một người vừa như đùa, vừa như thật nhờ anh Thương dịch hộ lời của ông ta: « Chúng tôi muốn mời ông ở lại đây, chúng tôi sẽ biếu ông một vi-la để ông vừa viết vừa ngắm cảnh, dạo chơi. Và tất nhiên chúng tôi sẽ nuôi ông bằng mọi cố gắng để ông viết ». Tôi trả lời: « Sự sâu sắc làm ra những giá trị tác phẩm của nhà văn, là những chữ viết xuống giấy, chứ không phải viết xuống đất. Nếu có cái gì có thể viết ra, thì chỉ cần có một chỗ ngồi và một chỗ đủ đặt trang giấy. Vậy sự cần thiết có một vi-la không phải chỉ riêng nhà văn. Nếu có nhiều vi-la, các ông cố giúp những người lính Mỹ. Đồng đội của các ông hiện nay còn hàng vạn người sống vất vưởng ngoài đường. Còn chuyện ăn. Hơn hai chục năm nay tôi vẫn viết và vẫn ăn những gì tôi đòi hỏi. Các ông sẵn sàng giúp người chưa kêu đói, mà lại không cho những đồng đội mình đang ăn xin ở ngoài đường, e là không tiện ». Còn ở Oa-sinh-ton thì họ mời tôi: « Ông có thể ở lại đây làm giám đốc cho tờ báo của chúng tôi không? » — « Tôi sẵn sàng, nhưng tờ báo này phải rời đến Hà Nội, vì tôi vẫn quen thuộc và yêu Hà Nội hơn ở đây ». Vậy là, tôi đã từng được rèn luyện ở chiến trường và thử thách ở đây, nên tôi không sợ cho mình, tự mình được « miễn dịch ». Tôi chỉ lo cho anh, một con người bất cần, một lai lịch... một mối quan hệ... Nghĩa là tôi tự thấy tôi bao giờ cũng vững vàng, còn anh luôn luôn lung lay. Tôi tin tôi và ngờ vực anh. Nỗi hoảng sợ của tôi phải đến sáu ngày sau mới gọi là an tâm một chút. Từ hôm anh đến đây, đêm nào cũng có điện thoại gọi đến từ mười hai giờ đêm đến hai, ba giờ sáng. Những ông nhà văn bạc thầy

của anh hồi chính quyền nguy hiện ở bên Ca-li đêm nào cũng hỏi han mọi chuyện, nhưng đến đêm thứ sáu, có người còn hỏi anh: «Nguy Ngữ ơi, mày nói thật đi, hiện chỗ mày đang ở là thế nào? Bằng cách nào mày chuẩn được sang đây?» — «Tôi đang ở với người Mỹ. Tôi là khách mời dự hội thảo các nhà văn Mỹ và Việt Nam cùng với Lê Lưu. Lê Lưu đến đây trước tôi chắc anh đã biết. Còn tôi chậm lại vì chính phủ Mỹ nghi ngờ tôi không cho vi-da. Tôi được mời tới và sứ quán Việt Nam ở Băng-cốc phải tìm mọi cách tác động, tôi mới được đi đó anh» — «Sứ quán ta... là cộng sản ấy à?» — «Vâng, chính phủ Việt Nam hiện nay làm mọi thủ tục rất nhanh chóng cho tôi nên phía Mỹ mới nghi» — «Thật thế ư mày? Chính phủ hiện nay họ đã chơi ngon vậy à? Sao bảo họ trả thù rất dã man những người cộng tác với chính quyền cũ như anh em mình?» — «Toàn tin đồn tầm bậy cả đó anh ơi» — «Vậy mày có đi cải tạo không?» — «Có, tôi đi ba tháng» — «Mày thấy sao?» — «Mình đang là người làm việc thời cũ, sang chính phủ mới cũng phải được học tập, nghe giải thích xem chính quyền mới ra rãng, mình phải sống thế nào? Trách nhiệm mầu chi... Tóm lại là tôi thấy những việc đó cần thiết, tôi cho đó là họ quá lịch sự đó anh» — «Nghe nói Ngữ được làm ở xưởng phim, có lẽ Ngữ được cộng sản «tây» dử lắm nên mới được như bây giờ» — «Anh biết tính tôi đó. Chả ai tây được tôi. Tôi thấy gì tốt tui nói tốt, cái chi xấu tui đâu có dề yên» — «Ừ, tao hiểu tính mày. Vậy mà nhiều thông tin qua đây kinh khủng quá mày ơi».

Rồi những ngày sau, báo chí Mỹ đưa tin Nguy Ngữ, một trung úy lính nguy được chính phủ Việt Nam cử đi dự hội thảo văn học theo lời mời của trung tâm Gioi-nơ, đã gây một tác động không nhỏ ở hàng ngũ cựu chiến binh Mỹ và cộng đồng người Việt ở đây. Hầu hết cựu chiến binh Mỹ đều muốn trở lại Việt Nam thăm lại chiến

trường cũ, nhưng do nhiều loạn thông tin, nên họ còn nghi ngờ chính sách của chính phủ ta. Sự có mặt của Ngụy Ngữ như một chứng nhận của sự cởi mở ở Việt Nam là có thật, những thông tin trước đây là bịa đặt, vu cáo không thiện chí. Phía cộng đồng người Việt, thì bọn «kháng chiến» lòng lộn chống phá điên cuồng với những lời tuyên truyền bị đi: cộng sản trả thù độc ác, trả thù man rợ, trả thù bần thiêu những người «kháng chiến» ở Việt Nam. Những số báo đặc biệt về Doãn Quốc Sĩ, về Phan Nhật Nam bịa tạc ra những hình ảnh, những vụ việc, những chi tiết nhằm vu cáo trắng trợn Việt Nam. Mục tiêu của chúng là reo rắc mối hận thù và kích động cộng đồng đóng góp «hết mình» để công cuộc «đánh đổ cộng sản, giải phóng đất nước» sớm được toại nguyện. Ngụy Ngữ đến Mỹ lặng lẽ như một cái tát trời giáng vào mồm bọn vốn giết người cướp của đang hành nghề núp dưới những cái tên mỹ miều sang trọng. Ngụy Ngữ nói trước báo chí Mỹ rằng: tôi không bị trả thù. Tôi là cán bộ biên kịch của xí nghiệp phim tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, thường đạt danh hiệu tiên tiến trong công việc của mình. Anh đã làm mất «mục tiêu» lua bịp của bọn phản động, làm chúng chửi bới anh với đủ từ ngữ cao bồi, lưu manh. Còn với cộng đồng người Việt nói chung, ai cũng có nguyện vọng trở về thăm lại quê hương, nhưng còn nghi ngại, sợ bị trả thù, sợ bị bắt giữ... Dù mọi thứ lo sợ do sự hù dọa của người «kháng chiến». Ngụy Ngữ được đi Mỹ với tư cách một khách mời, như một lời an ủi có sức thuyết phục đầy sức mạnh với tất cả cộng đồng. Tất nhiên còn phải trừ những kẻ hần học, điên cuồng chống lại nền độc lập dân tộc. Cũng những ngày cuối này những ông «thầy» của Ngụy Ngữ than vãn thân phận tôi tớ bị bỏ quên. Trên báo chí đồng nghiệp và các giới chức Mỹ không ai thêm nhắc đến họ. Họ không ngờ Ngụy Ngữ đến đây một cách dằng hoàng, họ thêm vị trí của anh:

« Trước sau mình vẫn là người Việt Nam. Chẳng qua trước đây chưa hiểu hết hoặc hiểu mà không thể thông cảm, không thể chịu đựng gian khổ lâu dài bằng cách mạng, nên cũng có phần không phải với họ, phản đối, chỉ trích họ. Chứ mới thấy là họ kiên trì cho nền độc lập dân tộc, mình cũng muốn đóng góp... ». Những ông « thầy » đã thân thân trách phạt, đã thấy cái nhục của kẻ lưu vong bị khinh rẻ. Tội gì Ngụy Ngữ ở lại chịu thân phận nhục nhã của các « thầy », trong khi những « bậc thầy » ấy đang thêm khát vị trí của anh. Tôi đoán thế. Trước đây anh có ý định đến Téch-dát thăm gia đình nhà vợ theo nguyện vọng rất thiết tha của vợ anh (Trung tâm Gioi-nơ đã chuẩn bị mọi thủ tục cho anh). Bây giờ anh phải hỏi lại mẹ vợ qua điện thoại: « Má ơi, con xuống đây liệu có an toàn không má? Có ảnh hưởng gì đến thời gian đẻ con trở về làm việc ở đây không má? » — « Con hỏi thì má mới dám nói, ở đây bọn « kháng chiến » với « cộng sản » bắn nhau dữ lắm, không an toàn đâu con. Thôi đẻ mai má biểu chị và em con đến thăm con, đừng đến đây nữa ». Ngày hôm sau chị vợ Ngụy Ngữ, chủ một tiệm ăn ở Téch-dát và cậu em trai vợ đến thăm anh lúc chín giờ sáng và ở lại đến bốn giờ chiều. Trong thời gian bảy giờ đồng hồ ấy chỉ có chừng một giờ chúng tôi cùng gia đình anh ăn cơm, chụp ảnh. Quanh bàn ăn ấy chúng tôi cùng chia sẻ niềm vui sướng lớn lao của ba chị em. Trong câu chuyện gia đình, chị nói lại lời dặn của má và cũng là nguyện vọng của gia đình khuyên Ngụy Ngữ ở lại Mỹ rồi bảo lãnh vợ con anh sang sau. Ngụy Ngữ đã nói tất cả mọi lý do anh phải về. Một trong những lý do quan trọng nhất mà anh nêu ra là anh không thể quen thuộc ở đây. Đối với một người cầm bút mà phải sống, phải viết về một nơi mình không quen thuộc, có khác nào chặt tay mình đi. « Em cứ viết về những ấn tượng của em ở trong nước từ trước tới nay ». Người chị nói. « Trong tình

cảm không thật thoải mái, sống mất tự nhiên em đâu có viết nời» — «Sao các ông nhà văn bạn em sang đây các ông vẫn viết được?» — «Hoàn cảnh các ông ấy khác chị ơi. Các ông ấy đã thích đi theo Mỹ từ xưa, còn em, từ xưa đến giờ chưa bao giờ em thích người Mỹ» — «Thế hiện giờ thì sao?» — «Em đến đây là sự xã giao bạn bè. Họ mời em, em đến để làm việc bình đẳng, đang hoàng cùng cộng tác với nhau. Còn đi theo họ thì không bao giờ, kè cả những ngày ở lính». Gọi là anh, chị, em, nhưng đây là lần đầu tiên anh biết mặt mọi người trong gia đình nhà vợ. Chị vợ anh sang Mỹ từ xưa, dăm bảy năm trước chị bảo lãnh cho mẹ và em sang đây, còn vợ Ngụy Ngũ ngày ấy đang yêu anh, cô ở lại với người yêu. Có lẽ do mới gặp lần đầu thấy thái độ kiên quyết của Ngụy Ngũ, chị không nài ép vận động gì anh nhiều, mặc dù chị nói với tôi chị rất muốn các em chị không phải sống cuộc sống lam lũ, vất vả và rất thiếu thốn ở trong nước. Hai ngày trước khi chúng tôi rời đất Mỹ, Ngụy Ngũ nhận được thư mẹ vợ. Cụ dặn dò vợ chồng và cháu bé, nỗi nhớ thương thêm gặp cháu, nỗi nhớ Sài Gòn, nhớ bè bạn. Cụ bảo con: «Chả lẽ con đến đây mà không báo con ở lại thì không phải. Các chị và em con rất muốn các con sang bên này cho đông đúc chị em, quây quần má con. Nhưng con cứ nhất định quay về, vợ con cũng nhiều lần thư cho má là không thể nào thuyết phục được con đi. Ngày ấy má giận con, vì con làm như vậy là chia sẻ má con mỗi người một nơi. Nhưng đến bây giờ má thấy con nghĩ như thế là phải lắm. Ở nhà có thiếu thốn vất vả cực nhọc thiệt, nhưng nó còn ra thân phận con người. Ở đây nó lẻ loi buồn quá con ơi. Lúc nào xung quanh cũng ồn ào, náo động mà má thì cứ một mình. Có khi hàng mấy tháng trời má chỉ ngồi một mình không biết gặp ai, nói được câu gì với một người nào đó, kè cả chị và các em, họ cũng không có thì giờ cho má nói chuyện, cho má hỏi

han sum vầy». Ngủ cho tôi đọc thư má trên đường về đến Bàng-cốc. Anh bay chuyến Sài Gòn trước, tôi về Hà Nội sau anh hai ngày. Tiến anh ở sân bay quốc tế, tôi mừng rỡ nói với anh: «Tôi không ngờ chuyến đi đây trái trở của mình lại được mỹ mãn, tôi thành thật với anh, đến lúc này tôi mới thấy hoàn toàn yên tâm» -- «Anh vẫn nghi tôi ở lại chứ gì?» -- «Không hẳn thế, nhưng thú thật, tôi cứ lo...» -- «Anh lo vì anh nghĩ anh có cái lý lịch «sạch» hơn tôi, anh có thành tích đánh giặc hơn tôi thì anh có quyền là người yêu nước hơn tôi» -- «Thì bây giờ mới có dịp hiểu nhau» -- «Chưa chắc đâu. Trong lúc này, ở việc này anh chưa hiểu tôi». Anh ngừng lại mời tiếp điếu thuốc «Mai» mang từ Sài Gòn đi và bước thêm ba bước nữa anh mới lại thủng thẳng nói: «Nhưng không sao đâu. Tôi sống trong sự nghi ngờ của người khác nó quen rồi. Có những cậu thanh niên hai mươi tuổi, học hết trung học, đi học nghề nghiệp hai năm, chưa làm được việc gì có ích trong công việc của nó, chữ nghĩa lại càng không, mà nó cũng còn có quyền theo dõi, nghi ngờ tôi, giáo dục lòng yêu nước cho tôi, một thằng đã viết hàng ngàn trang sách chống chiến tranh, bênh vực cho bà con mình quyền độc lập dân tộc. Thằng học sinh lớp mười chưa hề biết «bụi chiến trận» là gì, có quyền nghi ngờ tôi, có quyền «yêu nước» hơn tôi. Còn khó chịu hơn, nó không cho tôi cái quyền được yêu nước hơn thằng phản động, thằng lưu manh, thằng lính quèn. Một thằng cầm bút như tôi, dù viết dở đến mức nào, dù mình khen hay chê thì cũng là tấm lòng xót xa yêu bà con, yêu đất nước và tôi vẫn có nhân cách hơn một thằng lưu manh, một anh lính nguỵ, một anh lính Mỹ bình thường chứ. Vậy mà khi tôi tiếp xúc với một thằng cao bồi nào đó, một thằng lính cũ nào đó không đáng là học trò của tôi, nhưng không bao giờ người ta nghĩ tôi sẽ thuyết phục những kẻ ấy, mà luôn luôn sợ sệt phải cảnh giác, phải theo dõi, phải nghi

ngờ tôi sẽ đi theo kẻ cao bồi, lưu manh, theo những thằng linh quền phản động ấy. Anh luôn luôn bảo tôi phải tin ở anh mà anh cứ nghi ngờ tôi, thì tôi tin thế nào được». Anh ngừng lại. Tôi có cảm giác anh đã kìm lại cái ý nghĩ về tôi không hơn không kém một cậu học sinh trung học nào đó đã nhìn nhận anh bằng con mắt thiên cận, vừa trích thượng, vừa ngu ngốc. Nhưng anh đã cười bảo: «Thôi anh ạ, chúng mình còn sống, còn viết, sẽ còn nhiều dịp chuyện trò với nhau. Anh về Hà Nội cho tôi gửi lời chào cảm ơn cô Hoa, cô Thủy, cô Hào, anh Chính Hữu, anh Xuân Thiều và tất cả bạn bè...».

Anh bước vào phòng đợi. Tôi đứng lại một mình, tự nhiên thấy buồn quá, lẻ loi, cô đơn quá. Chưa bao giờ tôi lại thấy xấu hổ bằng lúc này. Cái ý nghĩ nghi ngờ vụng trộm, sự ngạo mạn tự cho mình cái quyền vững vàng hơn, tốt đẹp hơn người khác, như đã bị bắt quả tang. Có cảm giác sượng sùng như trên mặt mình đang có một dấu vết như nhóp nẹo đấy, mà bấy lâu nay mình vẫn tự nhiên, trơ trẽn như không hề có gì phải xem xét, nghĩ ngợi.

Cũng may, cái tính thẳng thắn của Ngữ đã giúp tôi phần nào nhận ra mình. Đã thấy sượng sùng, tức là tôi đã không hồn nhiên đến trơ trẽn một cách bất cần nữa. Cũng là may. Có lẽ là từ nay trong tôi đã nhen nhóm một lòng tin, lòng tin ở người khác. Có tin, mới yêu nhau thành thật được. Nếu không, cả đời là sự lừa dối, bần thiêu, như nhóp, không sao tránh nổi sự oán giận sâu xa của bạn bè hôm nay và con cháu mai sau. Cảm ơn Ngữ, anh đã cho tôi một thu hoạch không thể gọi là nhỏ trong chuyến đi này. Những gì nhận biết được ở nước Mỹ một tháng rưỡi qua và một thu hoạch đột xuất không vui vẻ lắm của buổi chia tay hôm nay, có khi còn lớn hơn một cái cúp, cái ti-vi màu, nổi khao khát của các con tôi. Nhưng điều quan trọng là chúng phải tin tôi và đừng hỏi

lục vấn vì sao. Vì sao lại không phải như chúng nó mong
đợi. Cũng như tôi, giá đừng nên đặt câu hỏi vì sao Ngụy
Ngữ trở về, thì đẹp biết bao nhiêu tình bạn của một con
người! Chắc rằng rất nhiều bạn bè cũng bằng lòng với
cách nghĩ ân hận của tôi và tha thứ cho những gì tôi đã
lâm lỗi với bạn bè. Riêng cô bé bán xúi cáo và đề cho
gọn, hợp với cách nói năng gấp gáp hiện nay, có lúc tôi
đã gọi là cô xúi cáo, chắc cô xúi cáo của tôi vẫn ngo
ngác và tiếc rẻ hỏi: «Tại sao, tại sao anh Ngụy Ngữ lại
trở về? Trời ơi, cơ hội ngàn năm có một, sao mà ngốc
ơi là ngốc!». Có phải thế không cô bé xúi cáo của tôi?

Hà Nội 5-1989

LÊ LỰU

MỘT THỜI LẶNG TĨM

